

PHỐ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

158

1-10-1965

Hình ơi !
ủa
HIỆU HUYỀN

Những người
bà lừng danh
thế giới
TÂN PHONG
ời chiến quốc
a
HIẾU
ON

Tuấn,
ng trai
c Việt
NGUYỄN VỸ

Thần thoại Hy-lạp ĐÀM-QUANG-THIỆN
Kỷ niệm Nguyễn-Du (Paris) . NGUYỄN-VĂN-CỒN

* Ký sự điền tuyền : Ba-Lông NGUYỄN-VỸ

● Danh nhân miền Nam kháng
Pháp : **TRẦN-VĂN-THÀNH** **VÕ-BÁ-HÀI**
Cái váy tai (kịch vui) HOÀNG-NGỌC

Tâm sự bạn gái :
Giàu sẽ làm gì ? MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

* Xây nhà trên không gian LƯU-BÀNG
Trăng tím (truyện) HỮU-CHÂU
Lực lượng hải quân Hoa-kỳ
trong kỷ nguyên nguyên tử . NG-TƯỜNG-THỊNH

● Mâu thuẫn giữa Ấn-Hồi TÍN-KHANH
Non nước Việt-Nam : Cây dừa VĨNH-ĐẠT

* THƠ : HOA-TỊNH-LINH, LÊ-QUÂN, HÀN-LÊ-
NGỌC, TRẦN-QUÝ-HUY, PHƯƠNG-ĐÀI, TRẦN-
CAO-THÁI, THƯƠNG-LAN v.v...

TRUYỆN DÀI :

● **LỬA TÌNH** của **TRẦN-TUẤN-KIỆT**

(xem mục lục đầy đủ ở trang 4-5)

sắp xuất bản, tháng 11-1965:

MỎ HỜI NƯỚC MẮT

truyện dài tình cảm và xã-hội

CỦA

NGUYỄN-VỸ

(Yêu cầu các Đại lý thân-mến ở Thủ-đô và các tỉnh cho biết trước số lượng cần dùng đủ tiêu thụ ở mỗi địa phương)

sẽ tiếp tục xuất bản :

- « MÌNH ƠI » ! bốn quyển I, II, III, IV
- VĂN-THI-SĨ TIỀN-CHIẾN, ba quyển I, II, III
- THƠ LÊN RUỘT (Thơ trào lộng về thời thế)
- TUẤN, CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT bốn quyển I, II, III, IV
- GIẤC MƠ HOA . . .

và tất cả các tác-phẩm (Thơ và Văn), đã đăng liên tục trong tạp-chí Phổ-Thông từ số 1.

của DIỆU-HUYỀN — TÂN-PHONG — NGUYỄN-VỸ

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY-DUNG VAN-HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VII ★ số 158 ★ 1-10-1965

1.— Kỷ niệm Nguyễn-Du	Nguyễn-văn-Côn	6	—	9
2.— Vài nét về Ô. Trần-văn-Thành	Võ-bá-Hải	10	—	16
3.— Nhịp buồn đông phương (thơ).	Hoa Tịnh-Linh			17
4.— Giàu sẽ làm gì? (tâm tình bạn gái)	Minh-Đức	18	—	21
5.— Lực lượng hải quân Mỹ	Nguyễn-tường-Thịnh	22	—	32
6.— Tình vạn đại (thơ)	Trần-quý-Huy			33
7.— Kỳ sự tiền tuyến: Ba - Lòng	Nguyễn-Vỹ	34	—	37
8.— Thần thoại Hy-Lạp	Đàm-quang-Thiện	38	—	41
9.— Những người đàn bà lừng danh trên thế giới: Sophie, mẹ của Hugo	Tân-Phong	42	—	47
10.— Cảm xúc (thơ)	Lê-Quân			48
11.— Kỷ niệm Nguyễn-Du (Paris)	N.V. Côn	49	—	51
12.— Mãn thuyền Ấn-Hồi	Tín-Khanh	52	—	58
13.— Cái váy tai (kịch ngắn vui)	Hoàng-Ngọc	59	—	64
14.— Tâm sự (thơ)	Trần-cao.Thái			65
15.— Tuổi chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	66	—	69
16.— Chơi rượu (thơ).	Trần-tuấn-Kiệt			70

W 2,705 5
101

17.— Trong 3 năm nữa bắt đầu xây nhà trong không gian	Lưu-Bàng	71	—	77
18.— Trăng tím (truyện)	Hữu-Châu	78	—	87
19.— Gửi các bạn Quỳnh-Dao (thơ)	Phương-Đài			88
20.— Cây Dừa	Vĩnh-Đạt	89	—	94
21.— Minh ơi! Tại sao người ta quý Vàng	Diệu-Huyền	95	—	105
22.— Kỷ niệm (thơ)	Thương-Lan			106
23.— Vết thương (thơ)	Hàn-lệ-Ngọc			107
24.— Lửa tình (truyện dài)	Trần-tuấn-Kiệt	108	—	112
25.— Thư bạn đọc	P. Thông	113	—	130
● Tranh vẽ	Ngọc-Dũng			
● Trình bày	Nguyễn-Minh			



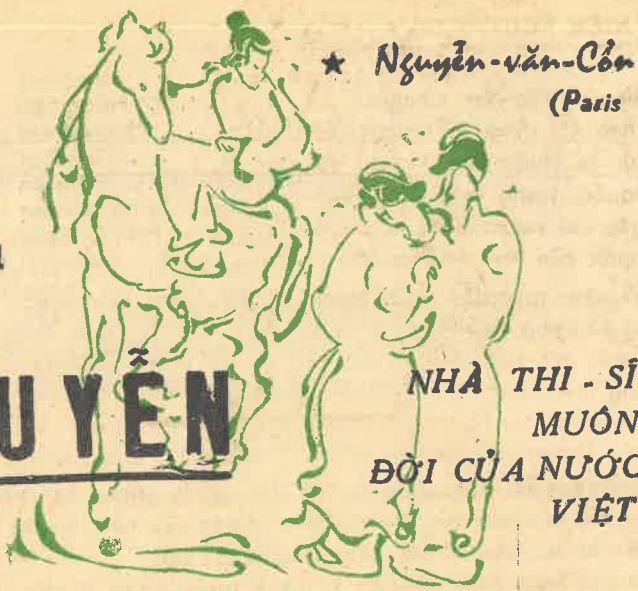
- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

- Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc:
ĐỒNG NAI, 270, Đê-Thám — Saigon
- Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Ve
(vente — abonnements — Publicité)

Kỷ
niệm

NGUYỄN
DU



★ Nguyễn-văn-Côn
(Paris)

NHÀ THI - SĨ
MUỐN
ĐỜI CỦA NƯỚC
VIỆT

Bất tri tam bách dư niên hậu
不知三百餘年後
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như
天下何人泣素如

« Ba trăm năm về sau, còn
ai khóc Tố Như chăng »?

Đến nay, từ ngày Nguyễn-
Du ra đời (1765) thì đã trải
qua hai trăm năm, và dân Việt,
sau bao nhiêu biến-chuyển trên

giang sơn Tờ-quốc, vẫn còn
nhớ Tố - Như (tên tự của
Nguyễn-Du).

Có lẽ, trong thời chiến tranh
loạn ly này, ít ai đề tâm kỷ-
niệm « Hai trăm năm » Nguyễn-
Du ra đời một cách trọng-thể,
xứng đáng, nhưng ta nên nhớ
là chánh thể hay chiến sự chỉ
là nhứt thời, mà Văn-học mới
là vĩnh viễn.

Người Anh-quốc thường nói:
« Trong thời chiến-tranh, ta
chiến đấu vì yêu quý Tờ-quốc,
vì màu cờ, vận nước; trong
thời Hòa-Bình ta yêu quý nước
Anh, vì đó là Tờ-quốc của
Shakespeare ».

KỶ NIỆM NGUYỄN DU

Người Việt-Nam cũng có thể
tự hào nói rằng : « Trong chiến
tranh ta chiến đấu vì yêu quý
Tờ-quốc, trong thời Hòa-Bình
ta yêu quý nước Việt, vì đó là
Tờ-quốc của Nguyễn-Du ».

Vì vậy, mặc dầu chiến tranh
đang tàn phá nước ta và chia
rẽ anh em ruột thịt, nhưng
chúng ta cứ vững tâm tin tưởng
ở vận mạng của Tờ-quốc, và thiết
tưởng không có sự tin tưởng
nào vững chắc, trong sạch và
trung thành hơn sự tin tưởng
ở văn học, vì trong lúc chánh
thể và chiến sự chỉ là nhứt thời,
thì văn học là vĩnh viễn.

Ngày nay tưởng niệm Nguyễn-
Du tất nhiên ta phải nói về thân
thể và tác phẩm Kim-Vân-Kiều.

I. — Thân Thể

Theo quyền Chính biên liệt
truyện » quyền « Việt Nam văn
học sử yếu » của Dương-quảng-
Hàm và « Truyện Thúy Kiều »
của Bùi-Kỷ và Trần-trọng-Kim,
thì Nguyễn-Du sinh vào năm Ất
đậu, Cảnh Hưng thứ 26, tức là
năm 1765, tại làng Tiên-Điền,
huyện Nghi-Xuân, tỉnh Hà-tĩnh.

Nguyễn Du là con thứ bảy ông
Hoàng giáp Xuân quận-công
Nguyễn - Nghiễm, làm thủ

tướng triều Lê, và bà trắc thất
tên là Thấn, người tỉnh Bắc Ninh.
Trí óc thông minh, năm 19 tuổi
Nguyễn Du đã đỗ tú tài. Tuy
không chịu phụng sự nhà Nguyễn,
ông cũng bị gọi-ra làm quan. Năm
1802, làm Tri huyện Phù-dục,
tỉnh Thái bình, ít lâu được bổ
đi Tri phủ Thường Tín. Sau
ông cáo bệnh xin về. Nhưng đến
năm 1806, vua Gia Long triệu vào
Huế đề thụ chức Đông các học
sĩ; năm 1809 bổ ra làm Cai-bạ
(tức là Bồ chính) Quảng bình.
Năm 1813 được thăng làm Cản
chính điện học sĩ, ông sung
chức chánh sứ sang Tàu.

Khi đi sứ về, ông được thăng
Lễ-bộ Hữu - tham-tri và năm
1820, vua Minh-Mạng có chỉ sai
Nguyễn-Du đi sứ Tàu một lần
nữa, nhưng chưa kịp đi thì bị
bệnh mất, thọ được 56 tuổi.

Nguyễn-Du có những biệt
danh : tự là Tố-Như, hiệu là Hồng-
Sơn Liệp-bộ. Người ta cũng
thường gọi Nguyễn-Du là Tiên-
điền (tên làng Nguyễn - Du).

II. — Tác phẩm Kim-vân-Kiều

Theo Bùi-Kỷ và Trần-trọng-
Kim thì « Truyện - Thúy - Kiều

KỶ NIỆM NGUYỄN DU

không phải là một truyện tự tiên-sinh tưởng tượng mà đặt ra, tiên sinh thấy trong tiêu thuyết Tàu có bộ « Phong-tình-lục », tức là bộ « Thanh-tâm-tài-nhân », văn-chương thật tầm thường, ý-nghĩa chẳng có gì là cao kỳ, nhưng trong bộ sách ấy có truyện một người đàn bà sắc tài rất mực, lại có lòng trung, hiếu, tiết, nghĩa, mà chỉ bị những bước gian truân, khổ sở...

Song truyện dù hay, mà câu văn non nớt, lời lẽ không đậm đà thì cũng là truyện bỏ đi. Bởi thế cho nên bộ Thanh-tâm-tài-nhân là bộ sách ngày nay không có mấy người xem đến nữa ».
(Truyện Thúy-Kiều — 1934 — Hà-nội — trang 12).

Cách bày giải trên đây không được rõ rệt lắm, vì theo đó, người ta tự hỏi: « Thế thì bộ Phong tình lục và bộ Thanh tâm tài nhân là một bộ có hai tên khác nhau, hay là hai bộ tiêu thuyết khác nhau.

Còn câu sau: « Không có mấy ai xem đến nữa », làm cho người ta tự hỏi rằng: « hai ông Bùi-Kỷ và Trần-trọng-Kim có thật đã thấy hay đã đọc « hai bộ » « Phong-tình-lục » và « Thanh tâm tài nhân » hay không? hay cũng chỉ dựa vào những lời truyền khẩu từ xưa đến nay!

Nếu quả thật hai ông đã đọc hoặc quyền « Phong tình lục » hoặc quyền « Thanh tâm tài nhân », sao không có sự chỉ dẫn rõ ràng, chẳng hạn cho biết bộ tiêu thuyết nay ở thư viện nào, của riêng mình hay của ai, và nếu làm cho đúng phương pháp cho chụp lại bìa ngoài, và một vài trang, rồi đúc « clichés » cho in ra.

Còn nếu hai ông không từng thấy hay từng đọc bộ tiêu thuyết ấy, thì sao lại phê bình àm gì, và chỉ nên nói rằng đó là sự truyền khẩu!

Bây giờ ta tự hỏi tiêu thuyết Phong tình lục, hay Thanh tâm tài nhân có hay không?

Theo ông Dương-quảng-Hàm trong « Việt-Nam Văn-học Sử-Yếu », thì không có tiêu-thuyết nào tên là « Phong tình lục » và bốn chữ « Phong tình cô lục » chỉ có nghĩa là một truyện tình xưa, còn « Thanh tâm tài nhân » không phải là tên quyền tiêu thuyết nào cả, mà là biệt hiệu của một tác giả.

Như thế theo ông Dương-quảng-Hàm thì không có quyền « Phong tình lục », mà cũng không có quyền « Thanh tâm tài nhân »! Đó là một nhận định

KỶ NIỆM NGUYỄN DU

rất quan trọng, và ông đã dựa vào bằng chứng nào để nói thế, và bài bác sự luận thuyết của hai ông Bùi-Kỷ và Trần-trọng-Kim.

Ta hãy nghe ông Dương-quảng-Hàm: « Nhưng bốn chữ Phong tình cô lục » chỉ có nghĩa là một câu chuyện phong tình xưa, tức là một cái phở thông danh từ, chứ không phải là nhan riêng một cuốn sách. Vậy sách ấy nhan là gì và do ai làm ra?

Lâu nay, ở nước ta vẫn có một bản truyện Kiều chữ Hán chép tay nhan là « Kim-vân-Kiều truyện », mà các học giả vẫn cho là một cuốn tiêu thuyết Tàu, do đây Nguyễn Du đã soạn ra cuốn truyện nôm.

Gần đây, chúng tôi lại được xem một cuốn sách nội dung giống như cuốn trên này, nhưng là một cuốn sách in (mộc-bản) ở bên Tàu. Sách gồm có bốn (4) quyền và chia làm 20 hồi. Ở đầu mỗi quyền, có đề:

貫華堂評論金雲翹傳，卷之(6)
(Quán hòa dư luận bình luận Kim-Vân-Kiều truyện, quyền chi)

聖嘆外書一青心才人(7)編次
(Thánh thán ngoại thư nhất thanh tâm tài nhân (7) biên thứ)

Khi so sánh nguyên văn quyền « Kim-vân-Kiều truyện » này với nguyên văn truyện Kiều của Nguyễn-Du thì ta thấy rằng đại cương tình tiết giống nhau...

Vậy nguồn gốc truyện Kiều của Nguyễn-Du là quyền tiêu thuyết Tàu nhan là Kim-vân-Kiều truyện 金雲翹傳, do một tác giả hiệu là « Thanh tâm tài nhân » 青心才人 soạn ra về cuối thế kỷ XVI, hoặc đầu thế kỷ XVII và do một nhà phê bình có tiếng là « Kim Thánh Thán bình luận » (Việt-Nam Văn học Sử-yếu — Dương-quảng-Hàm, năm 1951 — Hà-nội — Trang 362 — 363).

Những chứng nhận này rất quan hệ, và làm cho chúng ta ngờ rằng hai ông Bùi-Kỷ, Trần-trọng-Kim đã thấy và đã đọc tiêu thuyết « Phong tình lục » hay « Thanh tâm tài nhân » (?) chỉ tiếc và ông Dương-quảng-Hàm không cho chụp lại bìa sách ấy là một vài trang để đúc thành « clichés » in ra để chứng minh một cách tuyệt đối. Nhưng kết luận, ta có thể chắc rằng Nguyễn-Du đã lấy cốt truyện một bộ tiêu thuyết Tàu soạn ra (xem tiếp trang 49)

ĐỨC CỐ QUẢN TRẦN - VĂN - THÀNH

★ Võ Bá-Hải

TÌNH - HÌNH chiến sự miền Nam sau khi hiệp ước 1862 ra đời đã biến thành một thảm trạng nước nhà. Một mối hờn vong quốc, một thất bại đặng cay mà chính triều đình và nhân dân phải gánh nặng ! Tất cả lực lượng viễn chinh của hai khối người đầy tham vọng : Pháp — Tâybannha đổ xô vào miền Nam, nơi mà họ cho rằng một lợi điềm dễ chiếm cứ và dùng làm bàn đạp tấn công các nơi khác. Miếng mồi ngon trước miệng cá kình có động lực nào làm giảm tính hác thắng chủ quan đó chăng ? Một câu hỏi và

*Ta thà bỏ xác
nơi rừng này, chớ
không chịu ra
làm quan cho Tây đâu !
Hãy mau trở
về nói lại
với chúng nó như vậy.*

cũng là một câu trả lời đầy gay go nước mắt để tạo nên một chiến sử miền Nam này !

Ba tỉnh miền Đông (Gia-định, Định-tường, Biên hòa) đã mất. Ngày 5-6-1862 đô đốc Bonard và tướng Palanca (Tâybannha) đại diện ký hiệp ước cùng Phan thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp tại Gia-định.

Dân tộc Việt-Nam đang nhìn một vết nhơ vấy trên trang sử oai nghiêm nghìn năm bất diệt của quốc gia.

Nhà vua đã thức tỉnh hơn bao

giờ hết, nhận rõ vận mạng quốc gia đang bị đe dọa trầm trọng. Nhìn lại khả năng chiến đấu của mình, nhìn lại tiềm lực chiến tranh kéo dài để chống lại một cuộc xâm lăng không tiền khoáng hậu, nhà vua không đến nỗi bi quan mà tin tưởng ở quốc dân khi ông xuống chiếu Cần-Vương.

«Người Lãng-sa đến tại xứ Gia định đã dặng ba năm làm rối cho trẫm, chúng nó triệt hạ thành, bắn phá quân cố thủ. Bởi đó các kẻ trung thần và trẫm đều giận quá sức, nhưt là nhân dân Nam kỳ là người trẫm tưởng hết thấy đều sẵn lòng hợp cùng binh sĩ trẫm báo thù chung. Người Lãng-sa không phải đồng loại với chúng ta, họ muốn hà khắc chúng ta, hãm-hiếp thể tử chúng ta. Vậy những người nào xem việc ấy là sĩ nhục, hãy theo ta...»

Rồi từng lớp nhân dân hiếu-đồng tình dưới cờ Cần-Vương kháng chiến, dân chúng tự-vệ, Bình Tây sát tả... Tích cực nhất là cuộc dấy binh của Trương-công-Định, Nguyễn-trung-Trực, Võ-duy-Dương và Chánh-quản-Cơ Trần-văn-Thành tức Đức Cố Quản ở An-Giang. Riêng

Trần-văn-Thành, vị anh hùng sau này ít được lịch sử nhắc đến.

Cuối tháng 8-1862 dưới áp lực của Pháp, vì hoàn cảnh đặc biệt của nước nhà nên vua Tự-Đức ra lệnh cho các bộ đội kháng chiến ngưng hoạt động tập trung ngay về 3 tỉnh miền Tây còn lại. Trương-c-Định, Võ-duy-Dương không tuân lệnh. Cụ Phan-thanh-Giản nhân danh triều đình, phó thác cho Đức Cố Quản ở An-Giang đem binh qua Đồng-tháp-Mười nả trác Võ-duy-Dương.

Cố Quản không dùng đến binh lực Triều đình để thi hành sứ mạng. Ông chỉ dùng vài vệ sĩ theo sông Tiền-Giang xuống Cần-lố theo « đường gạo » vào Đồng tháp Mười.

Một cuộc họp bàn tối mật tại quân doanh Thiên-hộ-Dương. Cố Quản một mặt vẫn khuyến ông Dương tiếp tục tăng cường quân lực kháng chiến, một mặt ông khuyến ông Dương án binh bất động để được ở lại miền Đồng-tháp tổ-chức quân-cơ dưới một ám-hiệu « yếm kỳ tức cờ » (dấu cờ im trống). Kế-hoạch đó có lợi là triều-dình khởi mang tiếng với quân Pháp và

hai nửa là có đủ thời giờ kiện toàn thực-lực đấu tranh trường kỳ. Bấy giờ Võ-duy-Dương và Thủ-khoa-Huân nhận tiếp tế điều hòa của Cố Quân. Thực ra Cố Quân vẫn ngắm ngẫm tích - trữ thuốc nổ, đạn dược ở Láng-Linh. Quân nhu và khí giới được tải theo đường kinh Vĩnh-tế vào Đông-tháp-Mười. Nhưng tháng 6 năm 1863 dưới áp lực của Doudart de Lagrée, tổng - đốc An - giang là Phan-khắc-Thân phải giao Thủ-khoa-Huân cho Pháp sau thời gian giữ ông vì bạo động. Cố Quân định điều động quân - lực chống trả, nhưng Triều-dinh cố giài-xếp cho yên. Cũng vì quá trọng tình thần tự-tín với Pháp mà Triều đình đã tiêu cực trong mọi vấn đề nhất là việc Pháp điều động quân binh, tàu chiến sắp chiếm An-giang. Bằng chứng đó được thể hiện qua bức hiệu-thị của cụ Phan-thanh-Giản : « Việt-Nam đã giao hòa với Pháp, vậy nhân-dân phải an cư lạc nghiệp, mở ruộng lập vườn, chuyên lo văn học, đừng nghe lời ai mà nghịch với Pháp. Ai không tuân lệnh thì có tội nặng. » Thật ngớ ngẩn ! Thật sĩ nhục ! Chính Cố Quân chủ trương không nộp thành trước áp lực vũ bão của

địch quân, nhưng vì tình thế bất buộc nêu trên nên Cố quân đành rút binh khỏi thành để bảo toàn tiết nghĩa và cơ-binh ! Ông về Láng-Linh tập trung dân quân, tổ chức đội ngũ hợp tác với Pu Cambo — Một tướng lãnh chỉ huy quân đội Cao-miên để kéo binh tập kích các đồn bót Pháp quanh vùng Đông-xuyên, Châu-đốc. Láng-linh là một cứ điểm thiết yếu đây sinh lầy và thú to, rắn độc ít ai dám bén mảng tới. Láng-Linh, mặt đông cặp bờ Hậu giang, Tây dựa địa thế Thất-sơn và Nam liên tiếp với rừng Bảy Thưa (1). Lương thực, binh khí được trữ từ lâu, nay Láng-linh sẽ là một chiến khu quan trọng và hùng hậu hơn các vùng kháng chiến khác.

Từ khi hàng ngũ kháng-chiến của Trương-định, Thủ-khoa-Huân, Nguyễn-trung-Trực tan rã thì, dân quân trong các đám tàn binh đó lại tìm về với Cố-Quân. Về mặt binh bị quân-dụng có Đă-đốc Văn tục gọi Đội-Chín phụ trách việc đúc súng. Tuy súng ống không bằng của Pháp nhưng cũng đóng một vai trò chủ bị trong việc chiến đấu sau này.

(1) Tài liệu theo Nguyễn-văn-Hầu.

Năm Mậu-thìn 1868, Cố-Quân lui quân về Bửu-hương-Giác (Láng-linh) với 1.200 binh sĩ đồ đệ của tông-phái Bửu-sơn kỳ-hương do ông lãnh - đạo. Cố-Quân phân-phối đất đai cày ruộng để tích trữ lương thực nuôi binh chờ ngày quật khởi.

Năm Nhâm-thân (1872) phong trào đấu tranh lại mọc khắp Nam kỳ : Quân Hớn dấy binh ở 18 thôn vườn trầu (Hốc-môn), dân chúng nổi lên giết tên tham biện Saliceti ở Vũng-liêm. Vĩnh-long, Cần-thơ, Bến-tre, đều có các cuộc khởi nghĩa. Và tại An-giang, sau ba năm củng cố hàng ngũ, Cố-Quân lại vùng lên dưới cờ khởi nghĩa « Binh-Gia Nghị » ở Bảy-Thưa. Tổng hành-dinh đặt tại trung tâm rừng Bảy-thưa. Bên võ có Đội-Chín, Đội Sang, Đội Nhiều, Hiệp-quản Tú. Văn có Phạm văn Khuê (người làng Bình-Thủy — Cần-thơ). Cố-Quân đặt danh hiệu đồn binh đó là Hưng-Trung hay « Bảy Thưa sáu lộng ».

Chung quanh đồn Hưng-Trung phía tả có đồn Cái-môn, phía hữu có đồn Giồng-Nghệ, trước có đồn Hồ và sau có trạm cạnh Ông Tà. Thế là tứ phía có bố phòng cẩn-mật khó có thể lộ tung tích.

Mùa hè năm 1872, một người Cao-miên bị binh Gia-Nghị áp giải vào quân doanh Hưng-Trung vì bị tình nghi là do thám. Cố-Quân cho điều tra kỹ càng, hẳn tên là Tol, thợ săn lạc đường. Cố Quân ra lệnh cho thả Tol.

Sự việc chỉ có thể tưởng đầu êm xuôi, ngờ đâu Tol lại tình nguyện làm điệp chỉ viên liên lạc cho quân Pháp ở Đông-xuyên để tấn công vào Bảy Thưa.

Tháng 6 năm 1872 liên quân Pháp ở An-giang và Đông-xuyên tiến vào Bảy Thưa theo đường Thủy rạch Mặc-Cần-Dung.

Cuộc chạm súng đầu tiên xảy ra ở đồn Giồng-Nghệ. Binh Gia Nghị cầm chùn quân Pháp không tiến thêm được. Viện binh Pháp lại đến, dưới hỏa lực mạnh mẽ hơn, quân Pháp ào-ạt đánh bật đồn Giồng-Nghệ, binh sĩ rút lui. Phạm văn Khuê bị bắt. Quân Pháp lại e-dè không vào thành đóng trại. Binh Gia-Nghị tăng cường tái chiếm đồn Giồng-Nghệ. Tất cả phục-binh toàn vùng chiến khu Bảy Thưa báo động. Quân Pháp tấn thối lương nan ! Nửa tháng sau, vì

không chịu nổi phong thổ, rét rừng và nhất là muỗi, quân Pháp đành rút lui khỏi chiến khu trước sự phòng vệ cần mật của binh Gia-Nghị. Quân binh của Cố Quân đã bắt đầu lộ diện trên chiến trường hậu giang. Nay tập kích đồn Chắc cà đao, Tịnh-biên, Xà-tón, một lại tấn công đồn cây mít... Chiến-khu Bảy Thưa khả-di đảm bảo lực lượng của binh Gia Nghị được ít lâu trong thời gian quân Pháp ở vào thế thủ. Viên chỉ-huy thành An-Giang mật diện về Soái phủ Saigon.

Trước nguy cơ dồn dập ở khắp miền Nam, không riêng gì ở An-giang, Thiếu-tướng Dupré liền nghĩ đến vấn đề chính trị mà con bài đầu tiên đánh ra chính là Tôn-thọ-Tường, một sĩ phu miền Nam làm tay sai đắc lực cho Pháp.

Lợi dụng tính chất rung cảm và dễ xúc động của tâm tình người Nam, Tôn đã đem lợi khí văn thơ mong làm nhụt nhuệ khí con người. Bài truyền thị của họ Tôn thống thiết thật, nhưng chua cay thay! Nếu họ Tôn biết dùng lời thống thiết đó kêu gọi nhân dân đấu tranh chống Pháp thì hay biết đường nào! Nhục-

nhã thay, một con sâu trong nồi canh lịch sử!

Đêm rằm tháng Giêng năm Quý-dậu (1873) hai viên sĩ quan Pháp ở thành An-giang làm áp lực buộc Phạm đức Thông đem thư chiêu dụ của họ Tôn cho Đức Cố Quân đang trấn giữ cứ địa Bảy Thưa. Gặp Thông, Cố Quân nghiêm nghị bảo :

— « Ta thà cùng quân sĩ bỏ xác nơi rừng này chứ không chịu ra làm quan cho Tây đâu! Ông hãy mau trở về nói lại với chúng nó như vậy. »

Tháng hai âm-lịch năm Quý-dậu (1873) quân Pháp dốc toàn lực lượng tính tấn công Bảy Thưa. Quân Pháp triệt hạ dần các đồn Hờ ở Cái-Dầu, đe dọa đồn Giồng-Nghệ, uy hiếp các mặt đề cô-lập đồn trung-ương. Họ kéo vào rừng Bảy Thưa, đốt rừng, chặt cây một cách thao túng. Quân Gia Nghị kháng cự dũng mãnh, nhưng chỉ cầm chừng rồi rút lui để bảo toàn lực lượng. Quân Pháp vẫn tiến đều vào mục tiêu: đồn Hưng-Trung. Mỗi ngày Pháp vẫn siết chặt vòng vây. Tình thế bắt buộc Cố Quân phải ra binh quyết tử!

Cố Quân chia thành 3 đạo

quân, một đạo chống giữ phía đồn Hờ, một mặt trấn thành Giồng-Nghệ và chính Cố-Quân chỉ huy đạo tiền quân tiến về Hang-Tra chặn đánh quân Pháp.

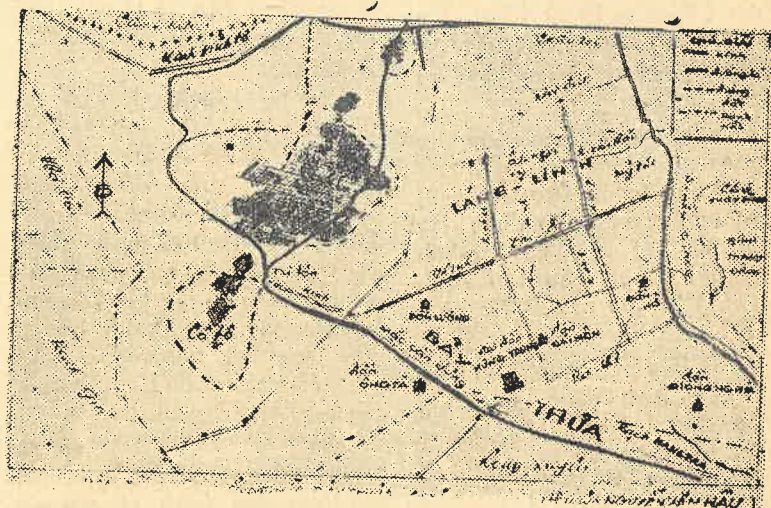
Quân Pháp chạm súng với quân Gia-Nghị không một kết quả nào đáng kể, họ chỉ tiến một cách chậm chạp vì trận thế nặng và địa.

Ngày 20-2, quân Pháp từ phía Châu-đốc tiến vào Cái-môn. Quanh đồn có hào sâu và chông nhọn, họ phải lội vất vả dưới hỏa lực binh Gia-Nghị mới vào được. Tiếc vì súng ta không nổ đều nên không mang lại kết quả, nhất là quân Pháp đang làm tấm bia

di động vào thành. Quân Pháp tràn vào thành như nước lũ, quân Gia Nghị vừa xấp chiến vừa giải vây. Tồn thất bên ta khá nhiều. Trong trận này ông Nguyễn văn Miên bị thương. Quân Pháp thiệt hại hơn 1 phần 4 binh lực.

Tại Vĩnh-hạnh, quân Pháp tấn công. Nghĩa quân dưới quyền chỉ huy của Cố-Quân lui về Hang-Tra. Pháp tiến thêm. Hai đàng giáp trận. Đội Văn tử trận, Trần văn-Chái, con của Cố-Quân bị thương. Cố-Quân truyền lệnh dân chúng quanh Láng Linh tản cư, chỉ để lại một số tráng quân cố-thủ.

Sáng ngày 21, Pháp tấn công



BẢN-ĐỒ CUỘC KHỞI NGHĨA BẢY THƯA (phỏng theo tài liệu của NGUYỄN-VĂN-HẬU)

tới tập vào đồn Hưng-Trung, Đồn Lương đã thất thủ chỉ còn Hưng Trung mỏng manh! Với tinh thần chiến đấu bất khuất để tranh thủ cho sự sống còn của dân tộc, Cổ quân cùng toàn quân dũng cảm chiến đấu đến kỳ cùng. Bên ta, từng người ngã gục trước họng súng địch. Pháp phải trả một giá rất đắt bằng xương máu mới vào thành được! Trần Văn Chái bị bắt: Cổ Quân và một số người tùy tùng mất tích!

Không ai hiểu. Cổ Quân đã đi nơi nào, chính gia đình Cổ cũng không biết được may mắn nào về tung tích của Cổ.

Trần Văn Chái, con của Cổ Quân sau nhiều ngày bị quân Pháp bắt, cậu tự tử bằng dao tại nhà tù An-giang khi nhận được lá huyết thư của mẹ. «Con đã bị giặc bắt, ấy là gần xong phần phận của con. Nếu quân thù cứ đem lợi danh cám dỗ, con liệu không thoát được mà về, mẹ muốn con hãy tự dùng lấy dao này (2) mà quyết định cuộc đời con để bảo tồn danh tiết nhà ta lâu nay đã hy sinh vì đất nước».

Rừng Bảy Thưa tiêu điều theo thời gian lạnh nhạt của cảnh vong quốc! Cuộc khởi nghĩa miền Tây cũng tàn rụi theo cao trào! Đất nước Việt - Nam lại khuất bởi áng mây mờ...

Nhân dân miền Nam đồng tình tham-gia kháng chiến. Và cũng chính nhân dân miền Nam ghi nhận công nghiệp muôn đời của một vị anh hùng có chiến khu Láng-Linh, Bảy - Thưa bên giòng sông Hậu. Đức Cổ Quân Trần-văn-Thành đã tàn rụi theo thành trì, theo núi sông đã để lại cho nước non một sự khiêm tốn dù ông đã xả thân kháng-chiến cho sở vọng quốc-gia, cho sự trường tồn dân tộc. Lịch-sử dù ít nhắc đến, nhưng khí-hùng-thiên của anh hùng quá cố vẫn vui bên tiếng gọi non sông.

Viết thiên khảo-cứu này, chúng tôi đã xúc động nhiều cũng như ông Nguyễn-văn-Hậu đã cố gắng diễn tả tế-nhị cuộc đời đấu tranh gian khổ của Cổ Quân Trần-văn-Thành!

Giờ đây, di-tích lịch-sử đó còn tồn tại: đó là Đền thờ Đức Cổ Quân ở Bình-thạnh-Đông (chùa vườn Bông), đền đài nguy nga tại đại-đồn Hưng-Trung cũ. Hằng năm đến ngày 21 tháng 2 âm lịch nhân dân đổ xô về đây để làm lễ kỷ niệm. Và nhân dân sẽ âm thầm trở lại giây phút đau thương của lịch-sử: cái cảnh quốc phá gia vong sau ngày đấu tranh thất bại!

2) *Thơ và dao, bà Cổ Quân dấu kín trong đòn bánh tét gửi vào cho con (theo tài liệu của Nguyễn Văn Hậu)*

nhịp buồn đông phương

★ HOA-TINH-LINH
(Phan-Thiết)

*Trông dài rú bóng cây nghiêng
nai ngờ-ngác dậm triền-miền cuối đời
bền-bồng từng bước chân ôi
cô-liêu điếm vắng, vàng rơi một mình
gió, trắng, mây ngập dăng-trình
suối trôi từng áng lênh-đênh giọt buồn
đá mòn theo bước chân sông
long-đông-kiếp-vẫn-từ-vương-nửa-đời
vòng lay ôm kín sao trời
mưa thắm rót lạnh nếm hoài thương đau...
niềm xuân tư diễm lao-xao
núi trùng-điệp mãi đường vào êm êm
nai ngừng chân bước quen quen
sương mờ lối thắm băng rềm quạnh-hiu
hát chiều nắng đỏ tình-yêu
quê-hương vàng úa dăng triều khăn tang t
Đảng-cay ngợp mệnh nai vàng,
vòng-xua-bò-lại, lời-vang-vào-đời...*



GIÀU SẼ LÀM GÌ ?

T Á M T Ì N H B A N G Á I

CÓ bao giờ bạn tự đặt câu hỏi ấy cho mình không? Nếu giàu ta sẽ làm gì? Tại sao mà chính phủ vẫn phải in bao nhiêu vé số mỗi tuần, vì có biết bao nhiêu người hy vọng giàu. Mà giàu để làm gì? Có phải vì cuộc sống văn minh càng ngày càng có nhiều thứ lỗi cuốn nên ai cũng muốn giàu để tiêu xài cho sung sướng, chúng tôi đã thử đặt vấn đề ra hỏi nhiều người và mặc dầu những lời khuyên của các nhà đạo đức hiền triết ai cũng thích được giàu. Nhà thi sĩ Hy Lạp Euripide có câu: « Vàng đã nâng lên hàng thứ nhất những kẻ hạng bét trong nhân loại ».

Câu nói thật đã không sai, như ta vẫn thấy ở đời những người

GIÀU SẼ LÀM GÌ ?

giàu bất cứ bằng phương pháp gì đã làm cho họ giàu, mọi người cũng vẫn nghiêng mình kính cẩn khi nhắc đến họ.

Một cô bé khi được hỏi đến nếu em giàu em sẽ làm gì, cô bé ấy trả lời, em sẽ cho mẹ. Vì cô bé chưa biết dùng đồng tiền chứ lớn lên một tí sẽ nghe kẻ nào tậu nhà tậu ruộng, mua xe hơi, mọi người đều chỉ có chừng ấy mộng, hơn một chút nữa thì đi du lịch.

Có những nhà văn, ở đây chúng tôi không nói đến nhà văn ở xứ ta, vì ở xứ ta làm nhà văn thì dù sống là may lắm rồi chứ bảo sẽ giàu thì chắc là phải đợi vài chục năm nữa. Nhà văn ấy lúc chưa nổi tiếng thì nghèo không có tiền may nổi một chiếc sơ-mi về sau khi viết xong được quyền sách được nổi tiếng trở nên giàu có nhưng giàu rồi thì bạn cũ mất hết và không viết thêm được gì nhiều vì hình như tiền bạc đã làm cho con người quên hết những ý nghĩ đẹp, những đề tài hay. Chúng ta thường thấy bao nhiêu người giàu bị thay đổi như thế. Có lắm người thích giàu để làm giàu thêm vì khi đã giàu rồi thì con người lại thấy vẫn chưa đủ, vẫn còn tiếc lúc gặp một mối lợi đến gõ cửa nhà

mình. Lắm chàng trai khi nhìn những ông già run rẩy bước chân lên chiếc xe hoa-kỳ rộng lớn với tài xế cắt mũ chào, họ đã nghĩ tại sao trời không cho tôi được giàu ngay bây giờ để tôi tận hưởng, đợi khi già mới giàu thì lúc ấy chẳng chơi bời gì được mà cũng chẳng ăn uống gì được. Họ nghĩ như thế cũng đúng nhưng trời lại nghĩ khác, trời thấy rằng tuổi trẻ có thể chịu đựng được, đến lúc già cả, yếu đuối thì sức lực kém sút, và lại những người lúc trẻ có làm việc nhiều về sau già mới giàu được.

Lắm người đàn bà chỉ mong sao lấy được chồng thật giàu để sung sướng, một bà đã than thở, chồng tôi có thể bảo là nhà giàu nhất vùng, thế mà từ khi tôi về làm dâu chưa bao giờ được ăn một bữa cơm cho no bụng. Hỏi bà lý do vì sao bà bảo rằng vì ngồi ăn chung với mẹ chồng, không dám đưa bát ra lấy cơm. Mới chia bát ra thì mẹ chồng bảo: « Sao hôm nay ăn được cơm thế ». Nếu có người khách nào đến thì bà vội bảo: « Nó vốn ít ăn ». Thế là dầu có đói cũng phải đứng dậy. Đói quá bà phải làm dưa dầu trong phòng để ăn thêm.

* Minh-Đức Hoài-Triển

Nghe nói câu chuyện ấy, đổ ai còn dám mơ ước được lấy chồng giàu. Ngược lại, trong sự đi tìm vợ giàu cũng hay gặp nhiều sự thất vọng, hình như ở đời, trời cho ai người ấy hưởng chứ định đi tỏ chức dành dật với định mệnh thì chẳng mấy khi thành công.

Ở đời lại còn những thí dụ lạ lùng, chẳng hạn một người mua vé số vừa nghe tin trúng số độc đắc, mừng quá, đứng tim chết mất thế là con cháu được lợi chứ ông ta số trời chỉ cho được cái đám ma to mà thôi.

Chưa bao giờ chúng ta nghe ai nói nếu tôi giàu tôi sẽ mang hết của cải ấy cho những kẻ nghèo, hay là họ nói chỉ vì họ biết rằng không bao giờ giàu. Những nhà hiền triết thường khuyên con người không nên tìm đến sự giàu sang mà chỉ nên làm sao cho tâm trí được thanh thản. Nhưng cuộc sống càng ngày càng văn minh, loài người càng ngày càng tìm ra những sự mới lạ để khiêu khích, đi qua các cửa hàng ở ngoài phố, chỗ nào ta cũng thấy có những thứ làm cho chúng ta say mê, từ một quyển sách in thật đẹp cho đến các thứ quần áo đồ dùng trong nhà, không còn là những vật có

ích mà còn là những vật thắm mỹ đẹp mắt. Hẳn vì những thứ ấy mà con người lắm khi quên cả lương tâm đạo đức đi chẳng.

Các cô thiếu nữ hay các bà lại càng được nuông chiều, bao nhiêu thứ người ta làm ra đặt ra chỉ một mục đích làm cho vui người đàn bà, đẹp người đàn bà. Nếu không có đàn bà thì hai phần ba các ngành kỹ nghệ sản xuất sẽ phải đóng cửa, vì làm ra cho ai ?

Lắm người còn tin rằng nghèo hay giàu đều có số, nếu trời không cho giàu mà cứ làm đủ cách để giàu cũng không được, thí dụ như câu chuyện chàng Zadig và định mệnh của Voltaire. Có người phàn nàn tại sao những kẻ gian ác lại giàu mà những người lương thiện thường phải chịu nghèo xơ xác. Thánh-kính đã trả lời bằng câu chuyện của Job nhưng con người vẫn chưa hài lòng và vẫn còn đòi hỏi sự giảng giải cho rõ ràng hơn. Trong câu chuyện Zadig của Voltaire ta thấy anh chàng Zadig ngỡ ngác khi thấy ông bạn đồng hành của mình chỉ trả sự xấu của người đã giúp đỡ mình và trái lại đối với người xấu thì lại mang điều tốt ra cho. Nhưng ông bạn đồng hành đã giảng cho mà

hiều, bảo rằng không có cái xấu nào mà ở đấy không phát sinh ra một sự tốt. Thí dụ như khi hai người đi đến ở trọ nhà một người đàn bà góa. Bà này cho ăn uống tử tế, sáng dậy còn bắt thằng con trai đưa ra tận bến sông. Ông khách đã nhân dịp mà xô thằng bé xuống sông làm cho Zadig rất ngạc nhiên tức giận. Về sau, ông bạn mới giảng cho biết rằng thằng bé này mà để nó sống thì ngày sau nó sẽ giết bà dì của nó và cả anh nữa. Câu chuyện của Job thì trái lại, Job là một người lương thiện nhưng trời bắt nghèo nàn, bệnh hoạn, để muốn thử xem trong những lúc đau ốm, nghèo khổ như thế có oán trách trời không. Nhưng Job vẫn một lòng thành kính và tin rằng nếu trời phạt mình chỉ vì mình đáng tội ?

Không phải nói những chuyện này để chúng ta tự khuyên rằng hãy phó thác cho định mệnh, mặc dầu Sade một nhà-văn Âu đã khuyên rằng « ... trong xã hội loài người, kẻ nghèo thay cho kẻ yếu, nếu chúng ta giúp đỡ họ tức là làm cho mất giá trị cái luật phép đã đặt ra, là ngược lại với ý trời. »

Dẫu sao mọi người cũng phải

cố gắng làm thế nào cho tiến bộ hơn, nhất là trên lĩnh vực tinh thần vì giàu sang đến mấy mà như một ông bạn của chúng tôi đã kể, ông ta kể bằng bút vì bị bệnh ung thư cuống họng không thể nói được. Mặc dầu đi khắp thế giới để chữa chạy, tốn kém không biết bao nhiêu, ông ấy giàu nhất nhì ở Âu châu. Ông ta kể rằng tôi có hằng trăm triệu, không biết làm gì cho hết. Nhưng giàu mà bệnh không nói được, chữa mãi không khỏi chỉ nằm đợi chết thì còn vui gì nữa.

Trở lại, chúng ta tự hỏi nếu giàu sẽ làm gì ? Sẽ ra hoang đảo sống sau khi đi chu du khắp mọi nơi. Câu trả lời này nghe tạm được nhưng cũng còn ích kỷ làm sao giàu mà đêm đêm vẫn ngủ yên đừng lo sợ, đừng thắc mắc. Làm sao cho các bạn chung quanh có thể chia xẻ với mình mà không ân hận rằng bị mang ơn.

Giàu mà đừng lo mất trộm có lẽ đó là giàu của Trang-tử lấy trời làm lâu đài, lấy đất làm gối trái; lấy ngôi sao làm kim cương. Các bạn nghĩ sao ?



với vận tốc tối đa trên mặt biển vô hạn định, hủy bỏ những thời gian tiếp tế dầu giữa các tàu vô ích và tai hại. Hơn nữa vì không cần tới không khí, những động cơ trên có thể được che kín, tránh được các tia phóng xạ của bom nguyên tử, hơi độc hay vô khí vi trùng. Đối với các tiềm thủy đình nguyên tử năng thật vô cùng lợi hại, nó đã làm cho các tàu này trở thành « ngầm » thật sự, nghĩa là có thể lặn hoàn, hoàn toàn độc lập với bầu không khí, không kém gì các phi thuyền không gian.

Sức mạnh tàn phá của các vô khí nguyên tử hầu như đã chấm dứt mọi cuộc chạy đua giữa tên và mọc.

Các chiến hạm không còn được bọc thép dày đặc ở thân tàu, các đài súng đại bác không lồ có vỏ thép dày từ 250 ly đến 500 ly cũng không tồn tại nữa.

Những chiến hạm mới cũng được thiết giáp; nhưng chỉ là một vỏ nhẹ và mỏng bằng nhôm để chống lại những đại bác cỡ nhỏ, những miếng đại bác hay những bom nhẹ. Những vỏ thiết giáp xưa kia đã oanh liệt một thời, ngày nay không còn giá trị mấy nữa.

Các lượng chính của hạm đội đã thay đổi nhiều. Những cuộc

hải chiến bằng đại bác giữa các hạm đội như trận ở Jutland thời thế chiến thứ nhất và trận ở vịnh Leyte trong thế chiến thứ hai, ngày nay sẽ không còn xảy ra nữa, và trong tương lai sẽ không còn một chỗ nào là ranh giới chiến trường như cổ xưa.

Trong thời đại chiến thứ nhất, các thiết giáp hạm là những « tàu chiến » chính. Tới thế chiến thứ hai, các hàng không mẫu hạm đã thay thế các thiết giáp hạm để trở thành lực lượng chính, ngày nay trong hải quân Hoa Kỳ không còn một chiếc thiết giáp hạm nào ở lực lượng chính qui, nhưng chính các hàng không mẫu hạm cũng đã bị thay thế trong một cuộc chiến tranh nguyên tử toàn diện bởi một loại tàu khác đó là những tiềm thủy đình nguyên tử phóng phi đạn: chúng đã trở thành những chiến hạm quan trọng vào bậc nhất trong một cuộc chiến tranh nguyên tử ngày nay.

Tiềm thủy đình chiếc tàu ngầm chót trang bị với động cơ kiểu cò đã được hoàn thành vào năm 1960. Tới năm 1964, Hải quân Hoa Kỳ đã có tới 35 tiềm thủy đình có động cơ dùng nguyên tử năng. Trong số 56 chiếc đang được đóng, hay sắp đóng đa số đều thuộc vào hai loại: tiềm thủy đình phóng

LỰC LƯỢNG HẢI - QUÂN HOA - KỲ

TRONC KỲ
NGUYỄN
NGUYỄN - TỬ

★ NGUYỄN - TƯỜNG - THỊNH

CHỈ trong vòng không đầy 20 năm, những tiến bộ vượt bực về kỹ thuật đã thay đổi hẳn chiến lược hải quân.

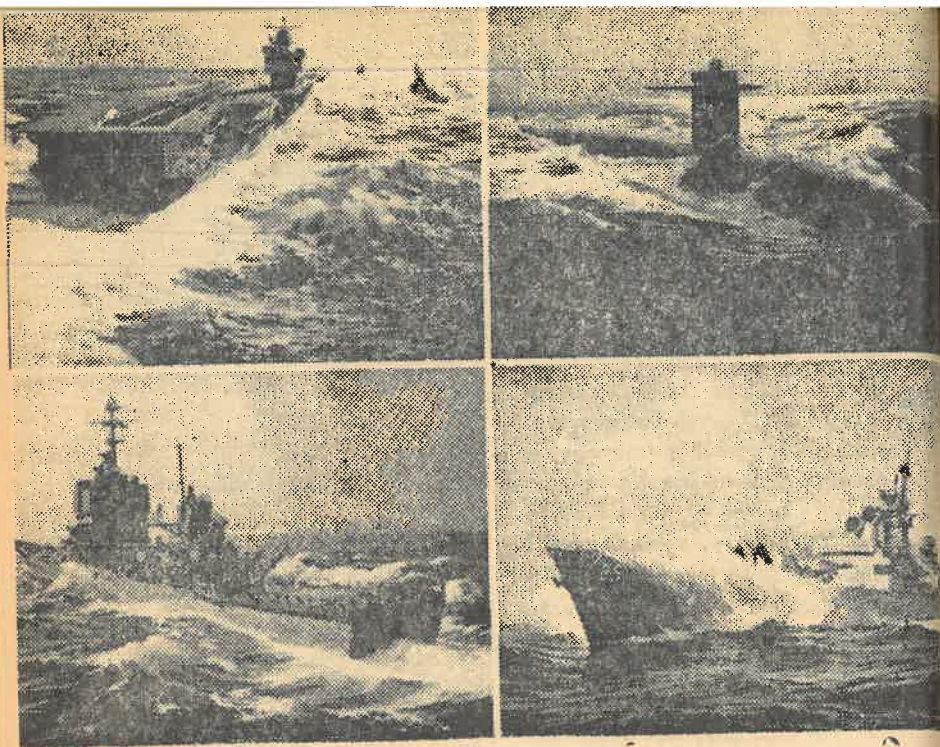
Những phi đạn với đầu nổ nguyên tử đã giúp cho các hạm đội có một sức mạnh khủng khiếp. 1 viên đại bác không lồ cỡ 406 ly của những thiết giáp hạm lớn nhất xưa kia cũng chỉ mang được từ 22,5 đến 225 ký thuốc nổ. 1 thủy lôi chống tiềm thủy đình

Tiềm thủy đình nguyên tử phóng phi-đạn Polaris Ethan Allen, có thể chở 16 phi đạn Polaris A-2 hay A-3 và lặn sâu hàng tháng không cần trời lên mặt nước.

chừng 272 kí. Ngày nay, 1 phi đạn « Polaris » có thể chứa một hệt nổ mạnh 600.000 tấn hay là hơn nửa tỷ ký lô thuốc nổ!

Những đại bác cổ xưa chỉ có thể bắn xa được từ 24 đến 32 cây số đã được thay thế bởi những phi đạn có thể mang sức mạnh tàn phá của các chiến hạm đi xa hàng ngàn cây số vào sâu trong nội địa. Tiềm thủy đình nguyên tử phóng phi đạn, có đầu nổ khinh khí là một mối đe dọa thường xuyên cho mọi quốc gia hung hãn trên thế giới.

Những động cơ chạy bằng nguyên tử năng lắp trên các chiến hạm thay thế cho các động cơ dầu cặn, đã làm đảo lộn mọi hình thức chiến tranh trên mặt biển. Một chiếc tàu chiến có gắn động cơ nguyên tử có thể di chuyển



phi đạn và tiềm thủy đình xung kích.

Những tiềm thủy đình phóng phi đạn không lồ là một phần chính trong lực lượng trả đũa nguyên tử của Hoa Kỳ, có thể nói chúng là những biểu hiệu cao siêu nhất, tối tân nhất của ngành kỹ nghệ đóng tàu. Gắn liền với một thân tàu lớn không kém gì một chiếc tuần dương hạm hạng nhẹ, là những động cơ nguyên tử năng, đầy đủ hải cụ và vũ khí của một chiếc tàu ngầm thật sự, và một hệ thống máy móc điện tử có thể phóng phi đạn *Polaris* đi xa 4400 km (cây số)!

Khả năng tàn phá của những đầu đạn khinh khí đặt trong 16

Bên trái: phía trên: hàng không mẫu hạm *Enterprise*.

phía dưới: tuần dương hạm **Long Beach**.

Bên phải: Phía trên: Tiềm thủy đình *Thresher*

phía dưới: khu trục hạm chỉ huy (hay tiêu tuần dương hạm) **Brain Bridge**.

Tất cả những chiến hạm này có thể chạy lâu hàng mấy năm mà không cần lấy nhiên liệu, và vũ trang với những phi đạn tối tân nhất.

HẢI QUÂN HOA KỲ

phi đạn nằm giữa lòng tiềm thủy đình còn lớn hơn là sức mạnh hủy hoại của tất cả những trái bom đã được thả từ thế chiến thứ hai...! Chiếc *La Fayette* tàu ngầm nguyên tử phóng *Polaris* thứ 11 của Hoa Kỳ và là chiếc đầu tiên của một loạt kiểu mới hiện là tiềm thủy đình lớn nhất thế giới. Trọng tải khi lặn của nó lên tới hơn 8200 tấn (so với một vài tuần dương hạm hạng nhẹ trọng tải 8000 tấn) và chiều dài tổng cộng của nó là: 129,5 thước.

Phía mũi ngay sát đầu tàu, là phòng phóng ngư - lôi, có 4 ống phóng và ngay sát sau phòng chỉ huy là căn dành cho các phi đạn xung kích *Polaris* phần lớn nhất trên các chiến hạm.

Một vấn đề sinh tử: liên lạc và truyền tin với các tiềm thủy đình đang lặn đã được các chuyên viên giải thích thỏa đáng: những làn sóng điện hạ tầng có thể đi xuyên dưới nước rất sâu. Hải quân Mỹ đã xây dựng được một hệ thống đài viễn thông vô cùng mạnh mẽ có thể liên lạc được với mọi tiềm thủy đình đang lặn ở bất cứ nơi nào trên thế-giới. Nếu đến lúc chiến tranh nguyên-tử xảy ra, và cần phải phóng phi-đạn, lệnh của Tổng-thống Hoa Kỳ

sẽ được gửi đến bằng vô tuyến điện dưới hình thức một mật mã. Trên khắp chiến hạm lúc đó sẽ có máy phóng thanh truyền lệnh: «Tất cả vào vị trí chiến đấu! phóng phi đạn!»

Việc tiêu diệt các tiềm thủy đình đối phương, một nhiệm vụ phụ của các tàu ngầm phóng phi đạn *Polaris* sẽ là sứ mạng chính của các tiềm thủy đình xung kích nhỏ hơn và đông đảo hơn. Trang bị với những chiến cụ nặng có sức tàn phá mạnh mẽ, có tốc lực mau, lặn sâu. Những tiềm thủy đình nguyên tử xung kích mà thân tàu có hình giọt nước được chế tạo để chuyên tấn công các chiến hạm đối phương, các đội thương thuyền phe nghịch cùng tuần tiễu sát ngay duyên hải địch.

Tàu *Skipjack* có sáu ống phóng ngư lôi ở phía trước, mang theo những ngư lôi lớn và dài để chống các chiến hạm trên mặt và những ngư lôi lùn và mập mập loại điện tử tự động để hủy diệt các tiềm thủy đình.

Mới đây những tiềm thủy đình nguyên tử loại *Sturgeon* (có ống phóng ngư lôi đặt chếch về phía trước, 2 ống mỗi bên) được trang bị với phi đạn ngư lôi điện tử *Sabroc* (do chữ Anh Sub marin e

Rocket — hỏa tiễn tiêm thủy đình) là một hỏa tiễn có tầm hoạt động xa. Bản ngay khi tàu mẹ đang lặn, nó sẽ vọt lên không khí bay một quãng xa để lại lao xuống biển cách chỗ phóng hơn 45 cây số, rồi đuổi theo và phá hủy tàu ngầm địch! Đầu nỏ của nó có thể thuộc loại nguyên tử hay cò điển.

Hàng không mẫu hạm

Những phi cơ hải quân đặt căn cứ trên các hàng không mẫu hạm sẽ có một vai trò hỗ trợ rất quan trọng trong một cuộc đại chiến nguyên tử. Chúng sẽ là những "vec-to" tiêu diệt mọi tiềm lực quân sự di động của địch bằng bom nguyên tử. Trong đợt tấn công thứ hai, sau khi các phi đạn liên lạc địa cùng Polaris đã phá hủy các thành phố lớn, các trung tâm kỹ nghệ, các căn cứ phòng thủ của địch. Trong những cuộc chiến giới hạn như ở Việt Nam, chiến đấu với vũ khí nguyên tử loại nhẹ hay những vũ khí cò điển; hàng không mẫu hạm là loại chiến hạm cần thiết nhất. Phi trường nổi này có thể di chuyển tới bất cứ địa điểm mất an ninh nào trên thế giới và đóng bất cứ vai trò nào mà người ta đòi hỏi;

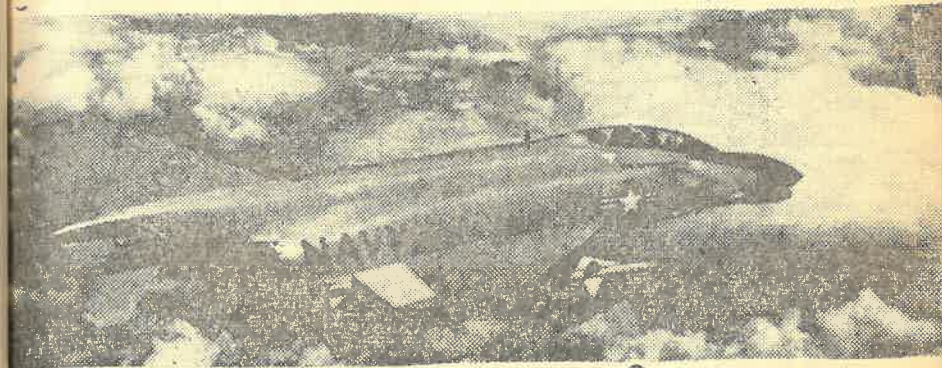
kể từ thăm viếng ngoại giao thân thiện, cho tới tuần thám, chiến tranh giới hạn hay toàn diện.

Các khu trục cơ phản lực tối tân của nó có thể chiếm quyền bá chủ không trung ở trên một vùng rộng lớn. Các phi cơ của hàng không mẫu hạm có thể cung cấp những phương tiện yểm trợ mà ít phi đạn có thể làm được. Một chiếc hàng không mẫu hạm, trái với điều đa số mọi người tưởng lầm, không phải là dễ tiêu thay và tiêu diệt khi nó đang vùng vẫy giữa đại dương, những máy phản điện tử (electronic counter measure) và làm rối loạn máy ra-đa địch của nó sẽ làm cho những mặt thần đặt trên các phi cơ hay chiến hạm tuần thám đối phương tưởng nó là một chiếc thương thuyền lớn hay là một đội khu trục hạm. Đồng thời chính những máy ra-đa vô cùng mạnh mẽ của hàng không mẫu hạm cũng sẽ khám phá thấy mọi đối thủ trước khi chúng có thể tiến vào tầm tấn công. Hầu hết các hàng không mẫu hạm đều hoạt động ở tốc lực lớn đến nỗi, mọi loại tàu, trừ các tiêm thủy đình nguyên tử có vận tốc chớp nhoáng nhất, sẽ bị bỏ xa. Mỗi hàng không mẫu hạm là trung tâm của một tiêu

hạm-đội (Task Force) có ít nhất hai khu trục hạm chống phi cơ và tàu ngầm cùng nhiều tàu hộ tống khác. Các tiêm thủy đình địch-quân khó lòng mà vượt qua được hàng rào phòng thủ này.

Trong Hải Quân Hoa Kỳ có hai loại: hàng không mẫu hạm chiến đấu và hàng không mẫu hạm chống tàu ngầm.

hơn, tương đối cũ hơn nhưng cũng đã được tân kỳ hóa như kiểu *Midway* và *Essex*. Tàu *Midway* với trọng tải tối đa 62.000 tấn, hiện đang hoạt động tại ngoài khơi Việt Nam. Tất cả đều mang những máy bay khu trục và oanh tạc tối tân nhất, thêm vào đó một số phi cơ trực thăng, chuyên chở và thám thính, chống



Loại chiến đấu gồm chiến hạm không lồ lớn nhất thế giới: đó là hàng không mẫu hạm nguyên tử *Enterprise* (dài 342,3 thước, trọng tải tối đa: 85.000 tấn). Những hàng không mẫu hạm chạy bằng dầu gần lớn như loại trên cỡ *Forrestal* và những loại nhỏ

hình trên là khu trục cơ siêu thanh F-4 Phantom II, từng đạt 16 kỷ lục về vận tốc. Hiện là chiến đấu cơ bay nhanh nhất, nó có thể đạt tới vận tốc 2740 csi/giờ (Mach 2.6) vũ khí của nó toàn là phi đạn Sidewinder và Sparrow.

tàu ngầm và báo động bằng ra-đa.

Chiếc Enterprise có lẽ là hàng không mẫu-hạm độc nhất không mang vũ khí hay súng ống riêng gì cả, vũ khí của nó chỉ là những máy bay chiến đấu, với những bom, đại bác, ngư lôi và phi đạn đặt trên phi cơ. Đa số những súng đại bác phòng không của các hàng không mẫu-hạm khác đã được thay thế bằng những hỏa tiễn địa-không chống máy bay.

Các hàng-không mẫu-hạm chống tàu ngầm, loại tân kỳ hóa của kiểu Essex trong thời thế chiến thứ hai, đều chở những máy bay cánh quạt, trực thăng chống tàu ngầm, cùng một số khu trục phân lực đề tự vệ. Nếu cần, chúng cũng có thể chở những phi đội oanh tạc nhẹ để trở thành hàng không mẫu-hạm chiến đấu. Mỗi hàng không mẫu-hạm chống tàu ngầm là soái-hạm của một hải đoàn « HUK » (do chữ : Hunter-killer : săn và diệt tàu ngầm) chuyên tìm kiếm và tiêu diệt các tiềm thủy đình của địch, che chở cho hạm đội.

Tuần dương hạm

Đứng làm soái-hạm hay chiến hạm chỉ huy, những tuần dương

hạm điều động các hạm đội. Trong vai trò một chiến hạm có chứa phi-đạn nó che-chở về mặt không trung cho các lực lượng hàng không mẫu-hạm, các đoàn tàu và các hải đoàn đồ bộ. Có tốc lực mau, đầy đủ máy vô tuyến để liên lạc gần cũng như xa, những tuần dương hạm có thể du hành thật lâu trên mặt đại dương. Có súng đại bác đề tự vệ, và pháo kích những vùng duyên hải địch, chúng cũng mang những vũ khí chống tàu ngầm đề tự vệ và giúp đỡ, hỗ trợ cho các chiến hạm khác.

Tất cả những đặc tính trên làm cho tuần dương hạm thích hợp với những sứ mạng riêng rẽ hay là làm soái-hạm cho một hạm-đội nhỏ. Tuy nhiên, ngày nay sứ mạng chính của các tuần-dương-hạm Hoa-Kỳ là chống máy bay.

Hầu hết những tuần dương hạm của Hoa Kỳ hiện dương được sử dụng, đã được tân kỳ hóa, biến đổi lại hay chế tạo lại khi kỷ nguyên của phi-đạn bắt đầu. Một vài chiếc mang một hỗn hợp những đại bác 127 ly, 203 ly và một hay nhiều kiểu trong ba loại phi-đạn « 3-T ». Những phi-đạn này gồm có : phi

đạn Talos có tầm hoạt động xa, Terrier có tầm hoạt động trung bình và Tartar có tầm hoạt động ngắn. Chúng đều thuộc loại địa-không dùng chống phi cơ, nhưng cũng có thể được sử dụng để oanh tạc các mục tiêu trong đất liền hay phá hủy các chiến hạm địch, đầu nổ của chúng có thể là nguyên tử hay cò diêm. Một vài tuần dương hạm cũng mang phi-đạn Ascroc (do chữ Anh Anti-Submarine-Rocket : hỏa tiễn chống tàu ngầm) đây là một trong những vũ khí chính chống tàu ngầm của Hải quân Hoa Kỳ của các chiến hạm trên mặt nước. Hỏa tiễn Ascroc có thể mang một thủy lôi nguyên tử hay một ngư lôi điện tử tự động.

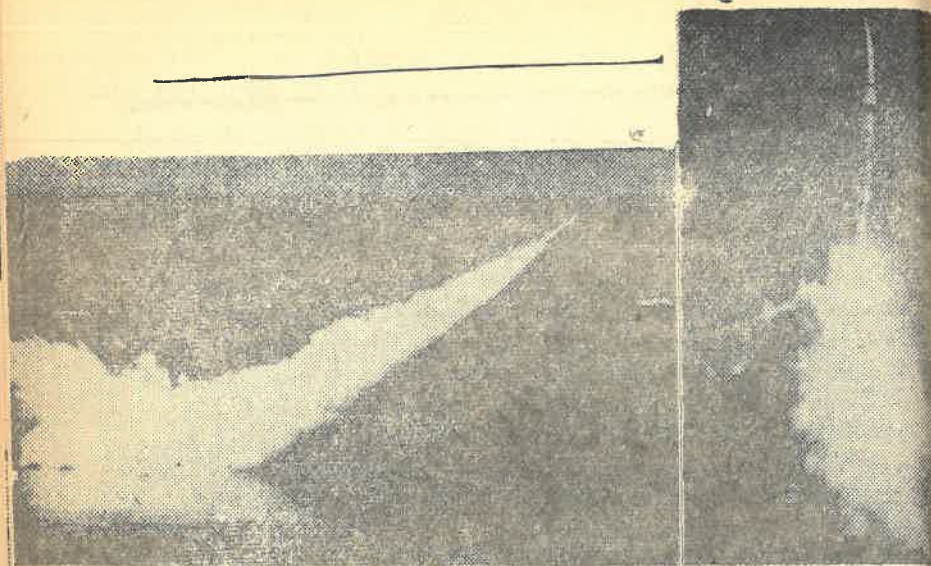
Một vài tuần dương hạm được sửa đổi ở phía mũi và đuôi để có một hỏa lực phi-đạn hùng hậu như chiếc « Albany ». Một vài chiếc khác chỉ thay đổi phía sau để trang bị phi-đạn còn những giàn đại bác phía trước thì vẫn giữ lại. Chiến hạm « Newport News » với trọng tải 19.500 tấn, hiện là tuần dương hạm lớn nhất thế giới, hãy còn mang 9 đại bác 203 ly có sức bắn chớp nhoáng và thuộc vào trong những loại tối tân nhất.

Tuần dương hạm nguyên tử « Long Beach », chiếc tuần dương hạm độc nhất của Mỹ được chế tạo sau thế chiến thứ hai mang một dàn hỏa tiễn Terrier ở phía trước, 1 dàn hỏa tiễn Talos phía sau, một dàn hỏa tiễn chống tàu ngầm Ascroc, 6 ống phóng ngư lôi và hai đại bác 127 ly ! Ngoài ra trong tương lai nó còn mang thêm 8 phi-đạn nguyên tử Polaris vào chỗ hiện còn bỏ trống.

● Khu trục hạm

Đây là loại tàu linh động nhất, hoạt động nhiều nhất và đông đảo nhất trong Hải Quân Hoa Kỳ hơn hẳn các loại khác. Số khu trục hạm của Hoa Kỳ lên tới chừng 235 chiếc. Trọng tải, kích thước, vũ khí trang bị của chúng thay đổi rất nhiều, khu trục hạm có thể gồm những chiến hạm lớn bằng các tuần dương hạm nhỏ xưa kia hay chỉ nhỏ bằng chiếc du thuyền lớn mà thôi.

Trong tất cả mọi cỡ, khu trục hạm là một tàu chống máy bay, một tàu yểm trợ đồ bộ, một trạm ra-đa lớn lưu động, một tàu canh chừng máy bay, 1 tàu hộ tống cho các đoàn, các đoàn công-voa hải-vân,



Từ dưới biển sâu vọt lên và lao đi
đề tiêu hủy thành phố địch : Phi đạn
Polaris !

SUBROC phi đạn phóng từ 1 tàu
ngầm đang lặn để tiêu diệt một tàu
ngầm địch đang lặn hay 1 chiến hạm
nổi ở cách xa "tàu mẹ" 48 cây số
bằng một đầu nổ nguyên tử. Subroc
vô trang cho các tiềm thủy đình nguyên
tử phóng phi đạn Polaris và xung kích
(Attack Submarine)

một tàu yểm trợ cho các lực lượng
xung kích hàng không mẫu hạm,
và quan trọng hơn hết, một chiến
hạm chống tiềm thủy đình ! Khu
trục hạm là chiến hạm trên mặt
chống tàu ngầm chính của hạm
đội : một hải-đoàn biệt phái HUK
chống tàu ngầm gồm một hàng-

không mẫu-hạm hạng nhẹ và từ
6 đến 8 khu trục hạm cung cấp
phương tiện tấn công cũng như
phòng thủ chống với các tiềm thủy
đình thù nghịch. Hải Quân Hoa
Kỳ hiện có 9 hải đoàn như vậy

HẢI QUÂN HOA KỲ

đương hoạt động trên các đại
đương.

Vô khí của các khu trục hạm
gồm có những phi đạn *Terrier*,
phi đạn *Tartar*, phi đạn chống tàu
ngầm, đại bác cỡ trung, thủy trầm
lôi, ngư lôi điện tử tự động và
những trực thăng vô tuyến điều
 khiển (có thể mang 1 ngư lôi điện
 tử chống tàu ngầm).

Brain-Bridge là khu-trục-hạm
nguyên tử đầu tiên, được chế tạo
để làm một tiêu uẩn đương hạm
phóng phi đạn hay khu trục hạm
hướng dẫn là khu trục hạm lớn
nhứt thế-giới. Trọng tải khi chở
của nó lên tới 7.600 tấn. Đa số
các khu trục hạm lớn của Hải
Quân Hoa Kỳ đều có ít nhất hai
khả năng : phòng không và chống
tàu ngầm. Một vài chiếc còn có
khả năng dùng hỏa lực yểm trợ
cho các cuộc đổ bộ.

Tàu đổ bộ

Bất ngờ và mau chóng trong
các cuộc đổ bộ là sự trả lời của
chiến lược ngày nay chống với
hỏa lực trong kỹ nguyên nguyên
 tử. Những tàu đổ bộ có tốc lực
từ 18 đến 20 gút (33 đến 37

cây số/1 giờ) thay thế cho những
loại có tốc lực từ 10 đến 14 gút
(18 đến 26 cây số/1 giờ) trong
kỳ thế chiến thứ hai đã được chế
tạo. Những hải đình đổ bộ cũng
mau lẹ hơn.

Trực thăng vận là một trong
những tiến bộ đáng kể nhất từ
thế chiến thứ hai. Trực thăng
cất cánh từ những hàng không
mẫu hạm đổ bộ chở những lực
lượng thủy quân lục chiến xung
phong lên trên và ra phía sau
hàng rào phòng thủ của địch đặt
ở bãi biển hay là đánh ngang
sườn địch, trong khi các tàu và
xuồng đổ bộ sẽ chở lực lượng
chính lên bờ biển. *Okinawa*, 1
trong những tàu hàng không mẫu
hạm trực thăng đầu tiên chế tạo
theo quan niệm trên là một tàu rất
lớn, nhanh. Trọng tải : 16.330
tấn, dài 177 thước, tốc lực 22
gút (40 cây số/1 giờ). Nó chở
được 26 phi cơ trực thăng và từ
1.800 đến 2.000 thủy quân lục
chiến.

Mặc dù những tàu được tối
tân hóa, nhưng nhiệm vụ chính
vẫn như xưa. Tất cả những vai
trò của sức mạnh hải quân trong
lịch sử ngày nay vẫn còn hiệu lực.
Nếu không có hải quân, Hoa Kỳ
đã không thể chiến đấu trên

chiến trường Cao Ly. Cuộc đổ bộ thủy quân lục chiến ở Liban vào năm 1958 đã đòi hỏi tới một đoàn tàu 25 chiến hạm hỗ trợ cho một đoàn lính không vận vào khoảng 2000 người. Cuộc phong tỏa bằng hải lực tại Cuba vào cuối năm 1962 bắt buộc Nga-Sô phải rút những phi đạn về và nhiều việc khác đã chứng tỏ sức mạnh trên đại dương là quan trọng sinh tử cho sự hùng mạnh cũng như an ninh của Hoa-Kỳ và thế giới tự do.

**Lực-lượng và tổ chức
Hải Quân Hoa-Kỳ**

Mặc dầu Nga-Sô đã cố gắng hết sức đuổi theo, Hải Quân Hoa

Kỳ vẫn là lực lượng hùng mạnh nhất trên mặt biển. Nó dẫn đầu thế giới rất xa về phẩm cũng như lượng. Trọng tải những tàu dương hoạt động (số ghi năm 1962) lên tới gần 4.000.000 tấn: 3.926.000 trong khi tất cả các tàu Nga cộng lại kể cả những chiến hạm dự trữ chỉ có trọng tải chừng 1.500.000 tấn.

Số chiến hạm của hạm đội Hoa Kỳ (vào năm 1963) là 3.250 chiếc trong đó có 873 chiếc hoạt động, số còn lại được cất vào những bến dự trữ dành để xử dụng khi có chiến tranh. Khi chiến tranh Cao Ly bùng nổ, 665 chiến hạm trong hạm đội trừ bị đã được đem ra dùng trở lại, chiến tranh Cao Ly chấm dứt, chúng lại được cất đi.

(còn tiếp)



*** DANH NGÔN**

● *Cẩn chặt rằng để chịu thiệt,
Đứng vững bước để làm người.*
Cò-Ngữ

● *Những việc nên làm, sức đủ làm, bụng muốn làm; vì bè bạn,
vợ con gần trở, mà thôi không làm, thế là người vô chí.*
Lã-Khôn

*Từ ngày xa xứ mẹ
Con không còn được nghe
Tiếng hò qua hương lúa
Chày khua giữa đêm thanh
Trăng hiền soi lối nhỏ
Con thèm ăn trái ngọt
Trái chín cây trên cành
Cơm gạo dĩa, cối xay
Tay mẹ sàng, mẹ sảy
Ngon hơn vạn mâm vàng
Từ ngày mẹ mất đi
Con xa hẳn nơi đây
Nơi kỷ niệm đầy vui
Đời học trò thơ dại
Tình vạn đại mẹ trao*

*Con không còn được nghe
Rạt-rào lời mẹ khuyên
Êm dịu lòng đại dương
Con không còn được thương
Tình mẹ hiền chân thật
Chn đi tìm ảo ảnh
Tình mẹ trắng con mơ
Qua muôn ngàn dặm ruổi
Vượt sóng cả trùng-dương
Đời con kiếp tha hương*

*Giờ đây... mẹ hiền ơi
Tủi đời nặng đôi vai
Lưng xám bụi phong-trần
Má đào sạm nắng tấp
Tình con vẫn không nguôi
Con chỉ thầm ước mong
Thời gian đi ngược lại
Hình bóng mẹ đậm đà
Mãi ghi trong lòng con
Cho tròn ơn hiếu thảo*

*** TRẦN QUÝ-HUY**
(Nice, Hè 1965)

★
K
Y
S
V
T
I
È
N
T
U
Y
È
N
★
NGUYỄN
VỸ
★
★
★



Ở TRẬN - TUYẾN
BA - LÒNG
hoàn toàn yên lặng . . .

(All quiet on the Balong front)

(tiếp theo và hết)

M

UỐN chung cuộc sống giản dị của anh em Sĩ quan và binh-sĩ, buổi chiều sau khi viếng thăm chiến-địa, tôi đi tắm với họ trong sông Đông-Hà và tôi dùng cơm với họ. Tôi thấy các sĩ-quan Mỹ ở trại Lam-Sơn cũng dùng cơm Việt-Nam chung với các Sĩ-quan Việt-Nam, một bữa cơm đạm bạc gồm một đĩa rau muống luộc, một tô canh măng, một đĩa cá chiên, và một chén nước mắm ớt. Tráng miệng, một trái chuối.

Anh em binh - sĩ đóng ở chiến tuyến Ba-Lòng, tự làm cơm lầy với các thực phẩm tiếp tế bằng trực-thăng. Anh em còn nấu cơm trộn với khoai mì, và luộc đậu xanh, bí, bắp chuối, hái ngay ở các vườn do Việt-Cộng đã trồng trọt tươi tốt từ mấy tháng trước và bây giờ binh-sĩ ta đều hưởng hoa-lợi.

Đêm ấy tôi ngủ trong một chiếc võng bằng vải bô, giấc ngủ ngon lành, mặc dầu có những phi-đoàn muỗi bay lượn o-ó bên tai.

10 giờ sáng hôm sau, Thiệu-trưởng Nguyễn-chánh-Thi, Tư-

Lệnh Quân-đoàn I và Vùng I chiến-thuật, cùng đoàn tùy-tùng từ Đà-Nẵng đi phi-cơ ra. Tôi vui mừng được gặp lại Thiệu-trưởng Thi ngay trên chiến-địa. Ông niếm-nở bắt tay tôi: « Anh thấy anh em binh-sĩ sống ở tiền tuyến như thế nào chưa? » Tôi mỉm cười: « Lòng dũng-cảm và những hy-sinh của anh em binh-sĩ và sĩ-quan thật không bờ-bên. »

5 chiếc trực thăng đưa chúng tôi vào tận trong xa hơn nữa, nơi mà một tiểu-đoàn Bộ-binh của Sư-đoàn I vừa vào chiếm lúc 8 giờ sáng.

Nơi đây, Pháo-đài bay B 52 đã ném bom nhiều hơn hết. Một Đại-Uý kể chuyện cho tôi nghe trước đây mấy hôm được mật báo có các cấp chỉ-huy Việt-Cộng ở toàn tỉnh Quảng-Trị nhóm họp trong một căn nhà kín-đáo ở giữa rừng núi Ba-Lòng, để dự một buổi lễ gì đó, phi-cơ ta đến ném bom bất thành-linh và trúng ngay mục tiêu. Một số đông chết ngay tại chỗ. Quân ta vào tận nơi sào-huyệt còn tìm thấy những xác chết và một số tài-liệu quan-trọng. Có cả một bài thuyết trình của một nữ cán-binh viết chữ

rất xấu, và sai chính tả rất nhiều, nhưng dùng toàn những danh-từ rất kêu..

Trung-Uý Đàm ở Tâm-lý-chiến, có nhật được trên chiến-địa một tấm vải bỏ khá rộng, nhưng đã bị thủng nhiều lỗ, và bị cháy sém nhiều nơi, màu xanh lá cây, có lẽ của địch dùng làm vông nơi góc có viết bằng chữ in mây giông sau đây :

«*Khương. Vào Nam 27-12-64*»

Tấm vải bỏ ấy chứng tỏ rằng đoàn quân Việt-cộng đã đóng chiếm Ba-Lòng là quân chính quy ở Bắc Việt vào hồi cuối năm 1964.

Trực thăng đã đổ chúng tôi xuống một nơi sâu vào trong mật khu, khỏi nơi quận lỵ cũ của Ba Lòng chừng hai cây sô. Quận lỵ mà Việt cộng đã dùng làm một căn cứ, bị máy bay ném bom đã sụp đổ hệt, chỉ còn trơ mây vách tường.

Xa xa dưới chân đồi, có một căn nhà của đồng bào mà trước sân có dựng một cột cờ mảnh khảnh, treo một lá cờ Phật-giáo cũ mèm. Tôi hỏi viên sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn đóng nơi đây, một bạn trẻ rất khả ái, bạn cho tôi biết căn nhà đó

vừa là nhà làng vừa là chùa, cũng đồng bào Phật-giáo sùng-giáo-rác nơi đây. Lá cờ được treo lên để đón mừng quân đội ta vừa chiếm lại Ba-Lòng. Hiện nay, tiểu đoàn tạm dùng căn nhà làm căn cứ hành quân. Viên sĩ quan chỉ-huy tiểu đoàn vừa bắt được hai Việt-cộng lên ra đặt mìn, và giam họ trong căn nhà đó. Một binh sĩ chỉ cho tôi xem hai bên lề đường những hồ cá-nhân mà Việt Cộng đã đào vừa để tránh bom, vừa để phục kích Quân ta. Nhiều hồ hãy còn dấu vết mới đào, sâu hơn một thước, rộng độ 6 tấc bề kính. Một viên sĩ-quan căn dặn nên tránh những chỗ khả-nghi vì còn những trái mìn chưa nổ. Tôi có ghé xem với Thiệu-tướng Thi một căn nhà lá đã bị bom làm sụp đổ, chỉ còn cái nền đất. Trước sân có một cái còi đã gạo bằng đá thô s. một chụm nước và nổi niu bẻ nát, chỉ có cây đu - đu sắp có trái và một bụi ớt sùm-sê những trái chín đỏ tươi là tiêu biểu cho sức sống tự-nhiên trong khung-cảnh điêu-làn của xương máu. Một ít áo-quần bị cháy còn lại một núi đ. Cách đó vài

chục thước, bên cạnh một bụi cây, có một bọc vải đựng cơm, còn độ vài nắm cơm màu xam-xám, nấu lẫn với bắp dĩa nhỏ, đồ bữa-bãi ra đất. Tôi đứng yên lặng nhìn đồng cơm, lòng buồn - ngùi vô hạn. Gần đây một mớ ruột gan bầy-nhảy nằm trên cỏ, đã bầm tím, làm mối cho một đàn kiến rùng. Xác những Việt-Cộng ở đây đã đem đi đầu mât, có lẽ đồng bọn đã khiêng đi? Chung quanh khu đất nào-nùng, có những hồ sâu, đào theo kiểu chữ "Z", có những bụi lau, sậy, che phủ miệng hồ. Đây là những hồ của Việt-Cộng đào để tránh bom. Nhưng Việt-Cộng không còn đây, chỉ có những mảnh áo dính tòn-ten trên nhánh sậy...

Tôi buồn quá! Trời ơi! Tôi buồn quá! Làm sao tôi nhớ về miền Bắc, những đồng bào miền Bắc, những vợ con, cha mẹ, bạn hữu, của những người Việt-cộng đã đến «mặt khu» Ba-Lòng, những anh

«Khương» đã «vào Nam ngày 27-12-1964» và những kẻ không tên không tuổi, đã chết tại đây, tại nơi rừng núi thâm u bỏ dở những nắm cơm đang ăn bỏ những mảnh áo trên cành lau, bỏ những mớ ruột gan cho đàn kiến, bỏ một bắp đùi cháy sém cả thịt da... Các bạn đã chết vì một lý tưởng gì? «Giải phóng miền Nam»? Nhưng giải phóng cái gì? Cái tự-do của chúng tôi ư? Không! Các bạn đã ra đi từ một khổ; điếm sai lầm, thì mặc dầu với bao nhiêu hy sinh, nhiệt thành, can đảm, làm sao các bạn sẽ đạt được mục phiêu cuối cùng của toàn thể nhân dân Việt-nam; Hòa bình và Thông-nhất?

Nghĩ bấy nhiêu đó, tôi buồn ngùi thương tiếc giữa cảnh chiến trường Nam-Bắc, đau hùi mây gió, rừng rợn máu xương, lặng chìm trong hoàng-hôn, tịch mịch, hoang vu...

★ NGUYỄN-VỸ

*Chùa Non nước,
Đà-Nẵng, .0-3-65*



THẦN THOẠI HY - LẠP LA - MÃ

★ Đám-quang-Thiên



● PHILOCTÈTE VÀ CÁI CHẾT CỦA PÁRIS VÀ OENONE

SÁNG hôm sau, quân Hy-Lạp tỉnh giấc đều nhìn cả về phía Iliôn. Sự kỳ lạ hôm trước làm cho họ phải nghĩ ngợi. Họ cảm thấy rằng thành đó thật là khó chiếm được. Sau nghe lời Calchas, Agamemnon cho Néoptolème và Ulysse đến Lemnos đón Philoctète. Theo lời Calchas, thành Troie không thể chiếm được nếu không có sự giúp đỡ của cánh cung mà Héraclès đã để lại cho nhà thiện xạ vô địch ấy. Hai người bèn lên tàu đi đến cù lao Lemnos. Họ thấy vị anh hùng mà họ tìm kiếm ở trong cùng một cái hang có xông ra một mùi hôi thối kinh khủng.

Đầu tóc bù sù, hai mắt mất hết tinh thần, lông mày luôn luôn cau lại, chàng nằm trên một cái giường bằng lá mà kêu rêu không ngớt. Nguyên từ hôm Philoctète muốn tỏ tài thiện xạ cho quân Hy-Lạp xem, nhờ tay đề rơi một mũi tên xuống bàn chân, nên nọc độc của con Hydre de Lerne ở mũi tên làm chàng bị thương đau đớn vô cùng. Cô độc, không một sự an ủi hay một nguồn hy vọng nào, trong mười năm liền chàng đã chịu đựng những sự đau khổ không bút nào tả xiết. Những người Hy-Lạp đã bỏ rơi chàng. Máu đen chảy ở chân chàng ra có mùi hôi hám xông nồng nặc cả trại và những tiếng kêu la đau đớn của chàng dữ

THẦN THOẠI HY LẠP

dội quá khiến các tướng tá mỗi khi tế thần không thể làm lễ yên ổn được. Vì vậy, một hôm trong khi Philoctète đang ngủ ở cù lao Lemnos, vua Ithaque đã ra lệnh cho quân sĩ bỏ chàng lại đây mà chèo tàu đi. Từ hôm đó, Philoctète dùng cung tên bắn các chim mà ăn thịt. Mỗi khi bắn trúng một con chim, chàng lại phải khó nhọc lắm mới lè được đến chỗ nó rơi xuống. Thịt chim thì chàng ăn còn lông thì dùng để thấm mũi ở chỗ vết thương.

Khi nghe tiếng kêu của Philoctète. Ulysse sợ sự trả thù của người mà ông đã bỏ rơi trên đảo hoang vu này nên không muốn vào ngay hang và bảo Néoptolème : « Anh hãy vào hang của Philoctète đi, anh ta không quen biết anh thì anh có thể đến gần không sợ nguy hiểm gì. Anh sẽ cố làm cho anh ấy tin cậy và bằng lòng đi theo chúng ta. » Néoptolème nghe lời. Philoctète đã lâu mới được thấy mặt người và nghe tiếng nói mẹ đẻ thì mừng rỡ vô cùng. Khi biết Néoptolème là con một người bạn của mình, chàng lại càng tin cậy nữa. Ulysse đứng nghe ở ngoài, lúc thấy Néoptolème được lòng Philoctète rồi, bèn bước vào. Philoctète nhận biết Ulysse tức giận

vô cùng. Chàng dơ tay với cánh cung : mũi tên oan nghiệt sắp bay đi thì Néoptolème cố sức kêu van và làm nguôi cơn giận của chàng. Ulysse về mặt: hỏi hận trước bao nỗi đau đớn của Philoctète bèn ngồi xuống cạnh chàng mà bảo : « Hãy can đảm lên, hỡi anh Philoctète, anh hãy theo chúng tôi về, các thầy thuốc của chúng tôi sẽ chữa cho anh chóng khỏi. Và lại, không một người Hy-Lạp nào đã gây ra những sự đau đớn cho anh. »

Philoctète nghe bấy nhiêu lời thấy cơn giận tiêu tan và bằng lòng đi theo hai người. Ulysse và Néoptolème bèn đỡ chàng lên tàu đi. Toàn thể quân sĩ đều vui mừng khi thấy Philoctète đến, còn về phần chàng thiện xạ cũng rất sung sướng được gặp bạn hữu. Podalire lấy thuốc đắp vào vết thương cho chàng thì chàng thấy khỏi tức thì và, có thể đi một mình không cần ai dìu dắt nữa. Chàng đến lều Agamemnon. Ông này thết chàng ăn uống linh đình rồi nói : « Hỡi anh bạn nếu chúng ta đã bỏ anh lại Cù-lao Lemnos, cũng là một sự bất đắc dĩ và vâng lệnh của các vị thần. Nhưng chúng ta cũng sẽ đền bù lại những sự thiệt thòi đó cho anh ngày mà chúng ta sẽ chiếm được

thành Troie. Hôm nay, chúng ta hãy biểu anh bày cô gái, haimươi con ngựa và mười hai cái bình ba chân. Vậy anh sẽ sống sung sướng với chúng ta và từ bây giờ trở đi, anh sẽ ở chung một lều và ăn cùng một mâm với ta ». Philoctète từ đó ở đấy. Sáng sớm hôm sau, quân Hy-Lạp có Philoctète đi giữa, hăng hái tiến ra trận. Quân Troie lúc đó đang mãi lo mai táng cho những người bị giết hôm trước nên khi trông thấy quân Hy-Lạp tiến đến đều tấm tắc như một người thì đều hoảng sợ. Polydamas nhận thấy sự lo buồn trên nét mặt mọi người, bèn nói : «Hỡi các bạn, quân Hy Lạp đã thế sẽ tàn sát chúng ta đến cùng. Vậy chúng ta còn đủ lương thực ăn trong một thời gian rất lâu, thì chúng ta hãy lên cả trên mặt thành ngày đêm canh gác giữ thể thủ, cho đến khi nào quân kia chán nản phải lên tàu trở về nước. » Nhưng con trai của Anchise trả lời : « Polydamas, sao người ta có thể cho anh là khôn ngoan được khi anh xui chúng ta chịu ở trong vòng vây lâu ngày. Anh muốn cho chúng ta chết đói, chết khát trong này chăng ? Nếu có phải chết thì ta hãy chọn cái chết

vinh dự, ngoài chiến trường đề bảo vệ tổ quốc thân yêu, chứ đâu có chịu ngồi yên một chỗ mà chết dấm dúi trong xó nhà như vậy ! Enée nói xong, được toàn thể quân sỹ hoan hô. Họ bèn dàn trận và tiến ra. Cuộc giao chiến thập phần dữ dội. Discorde nhóm sự hăng máu trong lòng quân sỹ cả hai bên. Bên cạnh Discorde là Terrem và Effroi reo rắc sự hãi hùng ghê gớm. Philoctète đeo cung và túi tên của Héraclès, bắn chết hàng cả đại đội địch. Nghe thấy những tiếng kêu la của các người bị trúng tên độc, Paris chạy đến dương cung nhắm Philoctète mà bắn. Nhưng Philoctète không hề gì, mà một người bạn đứng cạnh chàng bị trúng tên ngã xuống. Philoctète tức giận vừa dương cung vừa kêu : « Đồ cầu trệ đã gây biết bao nhiêu đau khổ cho người Hy Lạp, người đã dám đến độ sức với ta thì ta hãy cho người về châu thổ tiên ». Chàng vừa nói rút lời thì tiếng cung rung động, mũi tên bay vút đi trúng vào nách Paris. Bị thương, chàng vội chạy trốn khiến toàn thể quân Troie cũng chạy theo. Đêm đến làm cho cuộc chiến ngừng lại. Hai bên quân sỹ cùng mỗi

một về nghỉ. Duy có một mình Paris là không ngủ được. Mặc dầu đã được xoa thuốc băng bó cẩn thận, nọc con Hydre de Lerne đốt cháy tâm can chàng khiến chàng bị đau đớn vô cùng. Đang lúc kêu rên, chàng chợt nhớ rằng theo số mệnh chàng sẽ sống hay chết tùy theo ý muốn của Cenone người vợ cả mà chàng đã bỏ để lấy Hélène. Chàng bèn tìm đến Cenone, quỳ xuống chân nàng mà khẩn khoản bằng một giọng yếu ớt : « Nàng hãy trông sự đau đớn thảm khốc của tôi mà bớt giận đi. Tôi biết là tôi đã làm nàng tủi khổ nhiều lắm. Tôi đã hành động một cách mù quáng. Tôi đã bị thúc đẩy đến Hélène bởi một số phận khốc hại. Xin nàng hãy tha thứ mà làm cho tôi thoát khỏi cái nọc độc này. Nếu nàng muốn, nàng có thể làm cho tôi khỏi được. Vậy nàng hãy quên sự ghen tương và giận dữ và đừng nhớ đến tôi chết thảm thương trước mắt nàng. » Nhưng Cenone trả lời : « Thế nào, sau khi rường bỏ tôi để lấy một người xa lạ đã gây cho chúng ta bao sự đau khổ, chàng còn đến đây làm gì ? Hãy đi đi, đi mà hưởng cái thú được ôm ấp trong những cánh tay mà chàng cho là đẹp hơn. Hãy đến kê lễ sự đau đớn cho Hélène

nghe. Hãy đến rên rỉ ở chân giường hăn đề hăn tìm thuốc chữa cho ! »

Paris nghe nói thất vọng bèn tìm lên núi Ida với các bạn hồi niên thiếu của chàng. Chàng đau khổ cố lê mai nhưng nọc độc ngấm mỗi lúc một nhiều vào máu huyết chàng làm chàng ngã gục trút linh hồn giữa đám cây cối rậm rạp. Trong lúc ấy, Oenone vật vã trong phòng. Ánh sáng mặt trời đối với nàng không còn chút gì êm dịu nữa. Đến tối, linh tính như báo cho nàng biết một sự đau khổ đã xảy ra. Và trong lúc mọi người trong nhà đang ngủ yên, nàng trở giấc, khê mở cửa và chạy bỏ ra ngoài. Hình như Ai Tinh và Thần Chết đã đuổi nàng đi tìm người mà nàng đang thương khóc. Chân nàng giẫm vào đá nhọn mà không biết đau. Nàng qua những thung lũng gồ ghề mà không biết mỏi, trông thấy thú dữ mà không biết sợ hãi. Nàng đến chỗ các Nymphes đang than khóc chung quanh giàn củi thiêu Paris. Bọn mục đồng núi Ida đã đốt cây để hỏa táng người bạn của họ. Trước cảnh tượng đó, Oenone không khóc, nhưng lấy chàng mạng che mặt rồi nhảy vào đống lửa tự thiêu mình cạnh chồng.

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BA LÔNG DANH THẾ.GIỚI



S O P H I E

me của
thi hào

V I C T O R
H U G O

* Tân-Phong

Một cô gái mà đời

SOPHIE TRÉBUCHET là con gái độc nhất của một thuyền trưởng thương thuyền được kê vào hạng khá giả ở Bretagne. Mẹ chết sớm, cô được cha cô cho đi học ở Nantes, nhưng đến năm 1781, cha cô cũng qua đời, để cô chơ vợ, đau khổ, thiếu tình thương cha mẹ ngay lúc mới 11 tuổi, nhờ chút gia tài của cha để lại, Sophie mặc dầu mồ côi quá sớm, vẫn cố gắng tiếp tục một mình chăm lo việc học cho đến 20 tuổi, thì cuộc Cách mạng Pháp 1789 bùng nổ. Việc học hành hoàn toàn bị gián đoạn. Học thế nào được nữa trong lúc nước nhà bị chìm đắm trong máu lửa, thù hận, tang tóc, loạn ly, trong lúc các bè đảng Cách mạng và phản cách-mạng, các phe dân chủ và quân chủ, các tầng lớp bình dân, quý-tộc, trí thức, tư sản, căm thù nhau, chém giết nhau, khắp cả nước Pháp, từ Paris đến các tỉnh, gây cảnh nội-loạn vô cùng khủng khiếp, làm kinh-dộng cả Âu châu.

Ở Nantes tên độc tài khát máu Carrier, Ủy viên Cộng-Hòa, áp dụng chính sách cực-kỳ dã man, tàn bạo. Hắn ra lệnh chém đầu, xử bắn, thả trôi sông hàng ngàn công dân bị tình nghi phản cách-

mạng. Hắn bắt trời chum lại với nhau những cặp thanh niên nam nữ mà ban tình báo của hắn tố cáo là phản động, rồi chơ thuyền ra giữa sông, thả chìm hết xuống nước. Hắn gọi hình phạt đó là «Đám cưới Cộng Hòa»!

Cô Nữ-sinh Sophie Trébuchet chứng kiến những cảnh hãi hùng, ghê tởm đó ngay ở tỉnh nhà, mà rằng mình, khiếp đảm, lo sợ cho tâm thân coi cút của cô có chút ít tài hoa, nhan sắc...

Năm 1794, cô nhất định từ già Nantes, về ẩn náu tại Château-briant, một thành phố nhỏ, nơi đây cô có một căn nhà bé bé, xinh xinh, ở giữa một khu vườn còn con, yên tĩnh, dịu lành, thơ mộng.

Sophie, thiếu nữ cô đơn, sầu-mơ, duyên-dáng, vừa được 23 tuổi, ở đây một mình, đi chợ, nấu ăn, gầy đàn, đọc sách, chơi hoa. Ngoài ra cô ít giao du với người thiên hạ.

**Chàng Trung-Úy
đẹp trai**

THÀN H-phố Château-briant tuy nhỏ, nhưng cũng có một trung-đoàn Cộng-hòa chiếm-

đồng, vì ở đây có bọn « Chouans », nông-dân trung-thành với Quân-Chủ, chống chế-độ Cộng-hòa của Cách-mạng. Một số dân-chúng ở thành-thị cũng đồng-lòa với phe Chouans, cho nên quân-đội Cộng-hòa thường tồ-chức những cuộc bắt-bớ, giam-cầm, khiến các đám dân lành áy-náy lo sợ.

Một buổi chiều, cô Sophie đang tưới nước cho mấy khóm hoa trong vườn, bỗng nghe tiếng một đoàn binh đi tập về, ngừng trước cổng nhà cô. Một Trung-úy rất lễ-phép xin cô cho anh em binh-sĩ được vào vườn nghỉ-ngơi một tiếng đồng hồ, vì họ mệt nhọc lắm. Cô Sophie không dám từ-chối, vội-vàng ra mở cổng mời anh em binh-sĩ Cộng-hòa vào vườn nghỉ mát. Viên Trung-úy rất nhã-nhận, ngó lời cảm ơn cô. Để đáp lễ xã-giao đối với một sĩ-quan Cộng-hòa, cô mời Trung-Úy vào phòng khách, và cô rót rượu mời chàng. Trong câu chuyện sơ giao, Trung-Úy cho biết tên chàng là Sigisbert HUGO, và tuy vóc chàng lực-lượng, có đôi vai khỏe mạnh như một lực-sĩ, nhưng tuổi chàng mới có 21. Chàng chưa có vợ, nhưng... có rất nhiều người yêu...

Cô Sophie mỉm cười :
— Thưa Trung-Úy, nhiều là bao nhiêu ạ ?
Sigisbert Hugo vênh ngực lấy le, như hành-diện với những chiến-công oanh-liệt đã trải qua :
— Tôi không thể đếm được nữa, cô ạ. Xin lỗi cô Sophie nhé.

Nhưng rồi, Trung-Úy lơ-dễnh ngó ly rượu, nói tiếp với giọng nhỏ-nhỏ, dịu-dàng :

— Xin thú thật với cô, đó chẳng qua là những cuộc tình-ái qua đường, không thiết-tha, không bền, không chân-thật. Tôi chỉ gặp những cô gái tầm-thường, chưa phải ý-trung-nhân, và chưa có ai đã làm cho tim tôi rung-động, đã cho tôi ngây-ngất say-mê. Tôi đã yêu rất nhiều, vâng, nhưng tôi chưa thật yêu.

Cô Sophie lặng thinh ngồi nghe nhưng cô cảm thấy những lời nói của Trung úy Hugo có vẻ thành thật, thấm thía, như một lời sám hối. Hai người nhìn nhau, không nói nữa. Nhưng đã một tiếng đồng hồ, Trung-úy đứng dậy, cảm ơn cô Sophie, và nói :

— Tôi rất tiếc không được nói chuyện nhiều với cô hôm nay. Lần đầu tiên, tôi mới được cái ngẫu-nhiên may mắn gặp một giai nhân

tài-hoa và khiêm tốn. Tôi mong sẽ có dịp được trùng phùng.

Sophie đáp lại thịnh tình của Trung úy bằng một nụ cười kín đáo nhưng đầy hứa hẹn.

«... Nàng và tôi, thật xứng đôi, vừa lứa ...»

ĐẦY HỨA HẸN... Nhưng Trung Úy Sigisbert Hugo biết tỏ ra là một con người tao nhã, không dám đường đột đến nhà cô Sophie lần thứ hai trong lúc không được cô mời.

Chàng vẫn nhớ Sophie; người đẹp có đôi mắt huyền mơ. nụ cười kín đáo. Cốt cách của nàng đầy vẻ quý phái của một bậc tài-hoa trầm tĩnh, thanh cao. Quả thật, không phải chàng khoác lác, chàng đã được biết bao nhiêu cô gái yêu mê, nhưng chàng chưa gặp ai như Sophie, chưa có ai lịch thiệp như Sophie, chưa có ai thông minh như Sophie, chưa có ai cao quý bằng Sophie. Buổi gặp gỡ đầu tiên thật là bất ngờ, và đã in trong tâm trí chàng một hình ảnh diễm kiều, đầy thơ, đầy mộng, không thể nào mờ phai được.

Trong một thành phố nhỏ, sự

ngẫu nhiên xui đẩy cho hai người không hẹn nhau mà vẫn gặp nhau luôn. Trước còn bên lên, sau tự nhiên mạnh dạn hơn, dần dần hai người trở nên một đôi bạn thân, rồi rất thân, rồi thương nhau, nhớ nhau, tìm nhau, viết thư cho nhau, thề thốt với nhau...

Ba tháng sau, Trung úy Hugo bị đôn đi nơi khác, chàng tiếp tục viết thư cho nàng, và âu yếm gọi nàng « Em Sophie của anh ở Châteaubriant (Ma petite Sophie de Châteaubriant) ». Suốt 4 năm dằng-dặng, Trung-Úy Hugo bị di-chuyển từ đơn-vị này qua đơn-vị khác, từ căn-cứ nọ đến căn-cứ kia, không thể nào gặp được vị hôn-nhân trong mộng. Hai người chỉ yêu nhau bằng thư, những bức thư nóng-hôi, viết bằng lửa tình, đọc đến cháy thịt cháy da. Chàng dùng tất cả những tình-từ trong tiếng Pháp để đóng khung tên Sophie, để danh-tính Sophie ngân lên tận trời xanh như một điệu Nghê-thường.

Mãi đến tháng 5, năm 1797, Trung-Úy Sigisbert Hugo mới được lên lon Đại-Úy và được di-chuyển về Paris.

Tức-tốc Sophie cũng từ Châteaubriant lên Kinh-đô, nơi đây, đôi uyên-ương nóng-này bồn-chồn

nắm tay nhau đến Tòa Thị-xã Quận 9, làm lễ thành-hôn.

4 năm, 3 con trai:
Abel Hugo
Engène Hugo
VICTOR HUGO



Sigisbert Hugo khi làm Trung tướng

HANH phúc của đôi tình-nhân ấy, ai ngờ, chỉ là khởi-dầu của bao nhiêu chua-chát, hận-sầu, tan-vỡ ! ...

Tình yêu thiết-tha, đắm-thắm, chỉ thật bền được một năm thôi. Lúc chưa chung sống cùng nhau, sao Sigisbert Hugo đáng yêu thế, bây giờ tình yêu đã biến ra nghĩa phu-thê, Đại-Uý Hugo đã đòi tình, trở thành một người chồng rất khó chịu. Sophie, cô nữ-sinh hiền lành, diễm-đạm trước kia, nay chạm với thực-tế, bỗng cảm thấy bao nhiêu thất-vọng, nặng-nề, mai-mĩa. Ông nuôi nhiều tham-vọng, chưa được toại-chí, ông trở nên tức giận, cau-có, ở trong trại thì lỗ-mẫn với mọi người, về nhà gây-gổ cãi nhau với vợ. Tình-tình biến đổi thất thường của Đại-Uý gây cho ông một hậu quả càng bức-tức thêm: ông bị

đi-chuyên đi khắp các tỉnh Pháp và cả Âu-châu, sang Ý, đảo Elbe, Espagne... Sophie phải lóc cóc đi theo, và... mỗi lần bị bắt buộc đi với chồng như thế là mỗi lần bà ôm theo một mối hận, và một cái bầu !.. Hai vợ chồng không còn tha th iết yêu nhau như lúc chưa cưới. Nhưng bà cứ cố chữa hà rầm. Ấy, nhiều gia đình đã xảy ra tình trạng mâu thuẫn đó: hai vợ chồng cứ giận nhau hoài, cứ đánh lộn nhau mãi, cứ chửi rủa nhau luôn, nhưng bà cứ để năm một. Ông vẫn

vẫn làm bồn phận một đảng phu quân biết tự trọng.

Cưới nhau năm 1797, sang năm 1798 bà Sophie Hugo sinh ra ở Paris con trai đầu lòng Abel Hugo, năm 1800 sinh ở Nancy cậu Eugène Hugo, và cuối cùng sinh

ở Besançon năm 1802, cậu con trai út VICTOR HUGO, nhà Thi hào tương-lai của nước Pháp và của Thế-giới...

✧ *Kỳ sau tiếp:*
Bà SOPHIE HUGO ngoại tình.



✧ DANH NGÔN

● *Người tuấn-khiết mới biết việc đời*

Thực-Chí

● *Hiền ngu tại ở tâm tính, không tại ở sang hèn*

Tiền-Phu

✧ MỜI BÀ CỜI... ÁO RA !

Trong một bữa tiệc đang đến hồi say vui, bà khách nọ quay sang hỏi chuyện với một ông khách ngồi bên cạnh :

— *Dạ thưa bác sĩ, thường thường hay bị tức ngực thì phải uống thuốc gì mới khỏi ạ ?*

— *Nhưng thưa bà, ít ra phải khám bệnh đã, tôi mới dám chỉ bà thuốc được !*

Bà khách vợ trình bày, chỉ vào ngực mình :

— *Vậy thưa bác sĩ, tôi thường đau ở đây, bác sĩ có thể cho biết được không ?*

— *Thưa bà, nếu bà sẵn lòng cời áo... ra để tôi xem mới biết được !*

nắm tay nhau đến Tòa Thị-xã Quận 9, làm lễ thành-hôn.

4 năm, 3 con trai:
Abel Hugo
Engène Hugo
VICTOR HUGO

HANH phúc của đời tình-nhân ấy, ai ngờ, chỉ là khởi-dầu của bao nhiêu chua-chát, hận-sầu, tan-vỡ ! ...

Tình yêu thiết-tha, đắm-thắm, chỉ thật bền được một năm thôi. Lúc chưa chung sống cùng nhau, sao Sigisbert Hugo đáng yêu thế, bây giờ tình yêu đã biến ra nghĩa phu-thê, Đại-Uý Hugo đã đòi tình, trở thành một người chồng rất khó chịu. Sophie, cô nữ-sinh hiền lành, diễm-đạm trước kia, nay chạm với thực-tế, bỗng cảm thấy bao nhiêu thất-vọng, nặng-nề, mai-mĩa. Ông nuôi nhiều tham-vọng, chưa được toại-chí, ông trở nên tức giận, cau-có, ở trong trại thì lỗ-măn với mọi người, về nhà gây-gổ cãi nhau với vợ. Tình-tình biến đổi thất thường của Đại-Uý gây cho ông một hậu quả càng bức-tức thêm: ông bị



Sigisbert Hugó khi làm Trung tướng

di-chuyên đi khắp các tỉnh Pháp và cả Âu-châu, sang Ý, đảo Elbe, Espagne... Sophie phải lóc cóc đi theo, và... mỗi lần bị bắt buộc đi với chồng như thế là mỗi lần bà ôm theo một mối hận, và một cái bầu !. Hai vợ chồng không còn tha th thiết yêu nhau như lúc chưa cưới, nhưng bà cứ cố chữa hà rằm. Ấy, nhiều gia đình đã xảy ra tình trạng mâu thuẫn đó: hai vợ chồng cứ giận nhau hoài, cứ đánh lộn nhau mãi, cứ chửi rủa nhau luôn, nhưng bà cứ để năm một. Ông vẫn

vẫn làm bồn phận một đấng phu quân biết tự trọng.

Cưới nhau năm 1797, sang năm 1798 bà Sophie Hugo sinh ra ở Paris con trai đầu lòng Abel Hugo, năm 1800 sinh ở Nancy cậu Eugène Hugo, và cuối cùng sinh

ở Besançon năm 1802, cậu con trai út VICTOR HUGO, nhà Thi hào tương-lai của nước Pháp và của Thế-giới...

★ *Kỳ sau tiếp :*
Bà SOPHIE HUGO ngoại tình.



★ DANH NGÔN

● *Người tuần-kiệt mới biết việc đời*
Thực-Chí

● *Hiền ngụ tại ở tâm tính, không tại ở sang hèn*
Tiềm-Phụ

★ MỜI BÀ CỜI... ÁO RA !

Trong một bữa tiệc đang đến hồi say vui, bà khách nọ quay sang hỏi chuyện với một ông khách ngồi bên cạnh :

— Dạ thưa bác sĩ, thường thường hay bị tức ngực thì phải uống thuốc gì mới khỏi ạ ?

— Nhưng thưa bà, ít ra phải khám bệnh đã, tôi mới dám chỉ bà thuốc được !

Bà khách vợ trình bày, chỉ vào ngực mình :

— Vậ thưa bác sĩ, tôi thường đau ở đây, bác sĩ có thể cho biết được không ?

— Thưa bà, nếu bà sẵn lòng cời áo... ra để tôi xem mới biết được !

cảm xúc



Sông núi quê hương ngập khói mờ
Kính thành vắng lặng liêu lơ-thơ
Hồ-gươm bóng xế nghiêng vành nón
Thê-Húc trong ta — Ý đợi chờ.
Thấm thoát xuân đi chẵn chục rồi
Mười năm thù hận đáng đầy vơi
Mười năm đông nhớ sầu ly cách
Tiếng vọng non sông — đến tận trời!
Mỗi mắt vơi trông bóng cổ hương
Trăm năm tưởng nhớ đạo cương thường
Dầu cho mưa nắng lòng tao loạn
Tiết tháo ai ơi! chuyện chính trường...

✱ LÊ-QUÂN
(Saigon thu 1965)

Kỷ niệm Nguyễn-Du

(Tiếp theo trang 9)

truyện *Kiều* bằng chữ nôm. Nhưng diễm này không quan-hệ gì, và có thể xem như không đáng kể, vì giá trị truyện *Kiều* là do tài hoa xuất chúng của Nguyễn-Du tạo ra.

Vả lại, nếu ta đề ý suy xét, ta sẽ thấy chính các đại văn hào Âu-châu như Shakespeare, Corneille, Racine cũng dùng các chuyện xưa của Hy-Lạp, La-mã hay Bắc-phương đề tác tạo những vở kịch *Roméo Juliette*, *Jules César*, *Hamlet*, *Cinna*, *Andromaque* v.v... Nhưng không vì thế mà thiên tài họ bị suy giảm. Như vậy, ta có thể nói rằng *Truyện Kiều* của Nguyễn-Du hoàn toàn là quốc hữu của Văn-học Việt-Nam; cũng như người ta không thể nói được vở kịch *Hamlet* là sản phẩm của xứ Đan Mạch (Danemark) chứ không phải của văn học Anh quốc! Nguyễn-Du khi viết xong truyện *Kiều*, nhan là « *Đoạn Trường Tân Thanh* », Phạm-quí-Thích đổi lại là « *Kim Vân Kiều tân truyện* » Bùi Kỳ và Trần-trọng-Kim đề là *Truyện-Thúy-Kiều*.

Đúng phép ra, thì phải đề nguyên nhan-đề của tác giả: « *Đoạn Trường Tân Thanh* » và nếu muốn cho người đọc dễ nhớ

thì chua ở dưới « *Truyện-Thúy-Kiều* ».

Nguyễn Du viết xong *Truyện Thúy Kiều* năm nào?

Người ta chỉ biết sau khi đi sứ Tàu (1813) về, thì Nguyễn Du viết « *Truyện Thúy Kiều* » và chết năm 1820. Vậy ta có thể chắc rằng quyền *Kiều* viết sau năm 1813 và trước năm 1820. Nếu ta căn cứ rằng về mấy năm sau Nguyễn Du bệnh hoạn, có lẽ thiếu sức đề viết một tiểu thuyết dài, bằng thơ, thì tác giả viết « *truyện Kiều* » vào những năm 1814 — 1815, hay 1816. Nếu ta tính Nguyễn-Du đi sứ năm 1813, thì tất nhiên cuộc đi sứ thời ấy phải mất ít ra ngót một năm, và khi về còn phải làm tờ tường trình với triều đình và bận rộn nhiều việc, thì có lẽ *Truyện Kiều* chỉ có thể viết xong vào những năm 1815 hay 1816.

Bản nào là bản chính?

Bây giờ ta thử xét qua các bản « *Truyện Kiều* » mà ta thường thấy ngày nay. Các bản ấy xa gần với bản nguyên văn mà Nguyễn-Du đã viết ra là thế nào, và có bản nào mà ta có thể xem là đúng hơn hết với

bản nguyên văn ấy? Chỉ hai câu hỏi đó cũng đủ làm cho sự tìm kiếm rất phức tạp.

Theo kết quả khảo cứu đến ngày nay thì ta thấy rằng:

Bản nguyên văn của Nguyễn-Du viết ra thì không tìm thấy nữa.

Chỉ bấy nhiêu đó cũng đủ làm cho chúng ta lo ngại, vì đó là chỗ khuyết điểm lớn lao.

Có một số bản bằng chữ nôm và bằng quốc - ngữ khác nhau, vì có nhiều người, nhiều nhà xuất bản hoặc in câu thả đề cốt có sách bán, hoặc vô ý thức đã dám sửa đổi lại.

Vậy, ta căn cứ vào bản nào?

Theo Bùi-Kỷ và Trần-trọng-Kim thì có hai bản có thể xem là đúng nhất với bản nguyên văn của tác giả, đó là *Bản Phường* và *Bản Kinh*.

a) *Bản Phường* là bản của Phạm-quí-Thích đem khắc, in ra trước hết. Ông Phạm-quí-Thích hiệu là Lập-Trai, người làng Huê-dương (nay đổi là làng Lương-dương) phủ Bình giang, tỉnh Hải-dương, đỗ Tiến-sĩ về cuối đời Lê, cùng với tác giả là bạn làng văn, cho nên khi Nguyễn-Du viết xong truyện Kiều có đưa cho ông xem.

Không biết Phạm-quí-Thích có sửa đổi gì không?

Ta có thể tin được ở bản Phường chăng? Có thể! Vì trước nhất ông Phạm - quý-Thích là bạn đồng thanh đồng khí với Nguyễn-Du, sau ông là người có học, có thể hiểu được tài của Nguyễn-Du và không có sửa đổi « ầu tũ » như một người thiếu kiến thức. Sống cùng thời với Nguyễn-Du, và nhờ sự giao dịch, nên Phạm-quí-Thích nhận được bản truyện Kiều sớm nhất và như vậy bản nguyên văn của Nguyễn-Du vẫn còn giữ được nguyên-văn; mặc dầu theo Bùi-Kỷ và Trần-trọng-Kim, Phạm-quí-Thích có sửa đổi vài chỗ.

b) *Bản Kinh*, tức là bản của vua Tự-Đức.

Tự-Đức kế ngôi Thiệu-trị, Thiệu-trị kế ngôi Minh-mạng. Ta được biết Nguyễn-Du làm quan dưới thời Minh-mạng. Tuy Tự-Đức (1829-1883) không sống đồng thời với Nguyễn-Du (1765-1820), nhưng cũng không quá xa lắm, vả lại ông vua này có tiếng là học rộng, tài cao, nên chắc cũng đã mến hiểu tài của Nguyễn-Du mà không sửa đổi bậy bạ. Vả lại, bản Kinh tuy có

sửa đổi nhiều đoạn, nhưng những câu sửa đổi viết ở ngoài lề (theo Bùi-Kỷ và Trần-trọng-Kim) nên người ta có thể nhận được nguyên văn của Nguyễn-Du dễ dàng.

Bùi-Kỷ và Trần-trọng-Kim đã đem so sánh kỹ càng hai bản này và nhiều bản khác, rồi soạn ra « *Truyện Thúy Kiều* ».

Sau khi bày giải những sưu tầm nói trên, ta có thể nói được nguyên văn của Nguyễn-Du đã được tôn trọng chăng?

Ta không thể nào chắc chắn được, vì *Bản Phường* cũng đã có đôi câu bị sửa đổi, và *Bản Kinh* của vua Tự-Đức cũng thế. Đến đây sự sưu tầm đã đến chỗ bế-tắc chưa?

Ta có thể trả lời là chưa bế-tắc! Tại sao?

Tôi chưa biết giáo - sư Hoàng-xuân-Hãn hiện ở Paris đã đề nhiều công sưu tầm về Nguyễn - Du và truyện Kiều. Giáo sư Hãn đã thâu góp được nhiều bản nôm và các bản quốc ngữ xưa. Chúng tôi mong rằng một ngày gần đây giáo sư Hãn sẽ công bố kết quả của việc sưu tầm, cũng như giáo sư đã cho xuất bản kết quả sưu-tầm về những quyển « *Lý-thường Kiệt* », « *La Sơn Phu Tử* »;

« *Chinh Phụ Ngâm* », « *Bích Câu Kỳ Ngộ* ».

Về kỷ niệm « hai trăm năm Nguyễn Du ra đời » tôi xin nhắc rằng, Paris, dưới quyền điều khiển của của *Giáo sư Durand* (Sorbonne) một bạn tôi chức trong đó có bác sĩ *Nguyễn-trần-Huân*, giảng sư Việt Ngữ Đại-học Paris, ông *Nguyễn-tiến-Lãng* đang cho in một tập trong đó có bài của các Văn-sĩ Pháp, Nam. Các bài này thường viết bằng tiếng Pháp, nhưng cũng có nhiều nhà văn viết bằng Việt ngữ, và ban thư ký đã dịch ra tiếng Pháp. Vì sự ấn loát chậm trễ, nên có lẽ sang năm tập kỷ niệm này mới ra được. Lúc đó, tôi sẽ cố gắng kiếm một quyền để gửi về anh Nguyễn Vỹ, Giám-đốc Phủ Thông Tạt Chí.

Đến đây tôi xin tạm ngừng bút, và kỳ sau tôi sẽ bàn tiếp về giá trị và ảnh hưởng của *Truyện Kiều*. Nhưng không lẽ nào nói đến Nguyễn Du mà không có câu thơ nào.

Khi ngừng bút. Vậy xin gửi bạn bốn câu thơ này của Nguyễn Du và xin hẹn Bức Thư sau:

« *Mắt người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương
nguyên ngày xưa
Mai sau dầu có bao giờ
Đốt lò hương ấy so tơ phím
này!* »

MỘT CHỨNG BỆNH NAN GIẢI ●

mâu thuần

ẢN - HỒI

hiện nay

* Tín-Khanh

Vài tuần nay, cuộc tranh chấp vô trang Ấn-Hồi đã gây dư luận khắp thế giới. Các đài vô tuyến đã dành khá nhiều thì giờ để

oan tin tức, các quốc gia lớn đều chú ý: cả Liên hiệp quốc và Tòa thánh Vatican cũng đã đứng ra hòa giải, nhưng cho tới nay, đầu vẫn hoàn đó. Súng vẫn nổ, dân chúng hai bên vô tội vẫn ngã gục.

● Vài giòng lịch sử

Cuộc tranh chấp Ấn-Hồi bắt đầu từ tháng ba năm 1947, ngày Anh quốc trả quyền độc lập cho lãnh thổ Ấn-Độ sau 164 năm đô hộ (1783).

Bán đảo Ấn-Độ, sau khi thu hồi độc lập đã bị phân chia làm hai quốc gia khác nhau: Ấn-Độ và Hồi-quốc. Hồi quốc gồm hai phần. Đông Hồi và Tây Hồi cách nhau hàng mấy ngàn cây số trên đất Ấn.

Ngoài ra còn vùng Jammou-Cachemire sát nách Nga, Trung quốc, độ bốn triệu dân, trong đó ba triệu theo Hồi giáo, một triệu theo Ấn-Độ giáo, rộng 213.000 cây số vuông.

Tiền vương Cachemire, huân trước Hari-Singh lại là người theo Ấn giáo và muốn sát nhập lãnh thổ vào Ấn (27-10-47). Hồi quốc không chịu, hăm dọa gây chiến. Sau đó đem quân chiếm một vùng nhỏ tại Cachemire (1947). Ấn quốc không

MẬU THUẦN ẤN HỒI

nhượng bộ, cũng đem quân đến đóng vùng khác.

Đó là khởi điểm cuộc tranh chấp Ấn-Hồi kéo dài mười 18 năm nay, không giải quyết xong.

Ấn muốn Cachemire về đất mình. Hồi lại muốn sát nhập vào đất Hồi nên mâu thuẫn mỗi ngày thêm trầm trọng.

Ngoài mâu thuẫn về lãnh thổ ấy, còn có mâu thuẫn tôn giáo và Chính trị. Càng làm cho các cuộc giàn xếp quốc tế khó thành công.

Về tôn giáo, Hồi giáo vốn là một tôn giáo Chiến-đấu (Religion de Combat) không khi nào chịu chấp nhận chân lý các tôn giáo khác. Do đó, giữa tín đồ hai đạo đã có nhiều phen đổ máu.

Về Chính trị, Ấn-Độ theo chính sách Trung lập, nhận viện trợ Hoa-kỳ và các nước dân chủ nhưng vẫn giao hảo với Nga-Hoa.

Hồi quốc ngược lại, chống cộng, thân thiện với Hoa kỳ, đồng thời liên kết các quốc gia Hồi giáo như Ba tư, Thổ, các nước Ả-rập v.v... để chặn đứng làn sóng đỏ tràn xuống phía nam Châu Á.

Vì những mâu thuẫn kể trên, sự bang giao giữa hai nước không

mấy khi được êm đẹp và sự xây dựng kinh tế của hai nước lại thêm khó khăn, vì nước nào cũng trong tình trạng báo động, phải dành quá một nửa ngân sách vào quân sự.

Cachemire, khởi điểm tranh chấp Ấn-Hồi

Trong gần 20 năm, cuộc tranh chấp Ấn-Hồi nhằm mục đích chiếm lãnh thổ Cachemire đã trải qua nhiều giai đoạn khó khăn.

Năm 1947 sau lời tuyên bố của tiền vương Cachemire, Hari Singh, Hồi quốc phản đối, và đòi hồi tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý, trao quyền cho nhân dân muốn sát nhập vào nước nào tùy ý.

Bị thất bại, Hari-Singh trao quyền cho Mohamed Abdullah, một lãnh tụ Hồi giáo, đảng trưởng «đảng Quốc gia Cachemire» điều khiển.

Tuy thế, mâu thuẫn vẫn khơi sâu, các trận giao phong tiếp diễn. Những người Hồi giáo ly khai

thành lập «Chánh phủ Cachemire tự do», được Hội quốc đưa quân đội qua cứu trợ. Quân đội Ấn-Hồi lại chạm trán nhau.

Sau những vụ can thiệp của Anh quốc không kết quả, Ấn-độ đã tố cáo ra Hội đồng bảo an LHQ. Hội quốc không nhượng bộ, cho rằng việc Cachemire về Ấn-độ là sai với hiệp định ký kết ngày phân chia lục địa Ấn-độ.

Vào 1-1-49, Ấn Hồi thỏa thuận ngưng bắn. LHQ thành lập một ủy ban đặc biệt nghiên cứu vấn đề Cachemire. Đất Cachemire được chia đôi theo một giới tuyến ngưng bắn chạy ngang ở giữa. Ấn được giữ lại 2/3 tiểu bang Cachemire với dân số 3.560.000 người.

Tuy hai bên đều ký kết, cuộc tranh chấp không lúc nào ngưng, bằng cách này hay cách khác trên đất Cachemire. LHQ đã cử nhiều phái bộ liên tiếp đến để hòa giải đôi bên, nhưng vẫn không thu được kết quả.

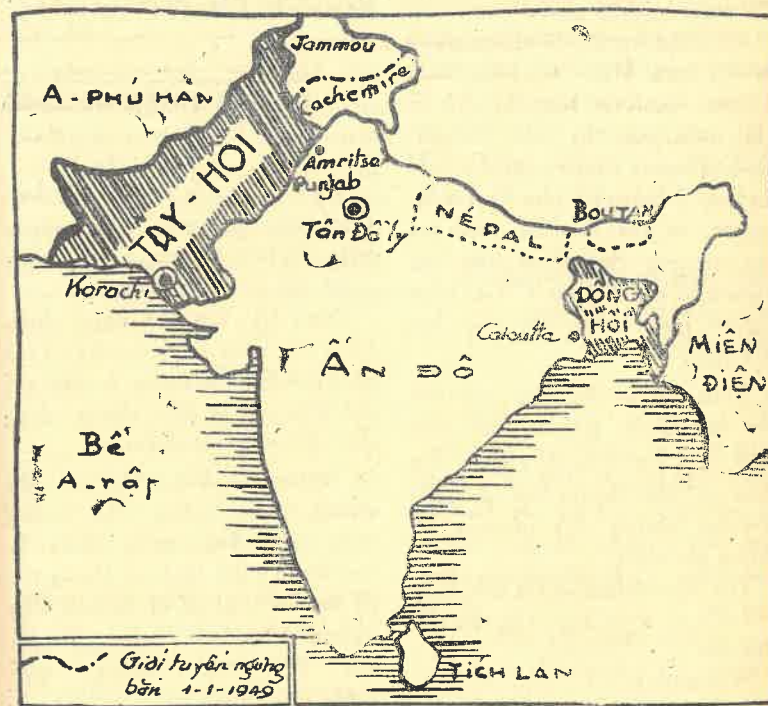
Cho đến gần đây cuộc xung đột ngấm ngấm ấy bỗng bùng nổ lại quyết liệt, rộng rãi. Việc xảy ra hai tháng sau khi Ấn Hồi thỏa thuận nhau về vùng thung lũng Kut cách Cachemire 1600 cây số về phía Tây Nam. Các cuộc xung đột lại tiếp diễn về thung lũng này vào ngày 9-4 năm nay và ngưng ngày 30-6 bằng một thỏa ước.

Khói lửa tương đầu đã tắt, không ngờ lại cháy bùng lên cách đây một tháng và vào đầu tháng 9 này tự nhiên trở nên quyết liệt hơn, tổn thất đôi bên khá nặng, hơn hẳn các năm vừa qua.

Sơ kết thiệt hại đôi bên

Có thể nói súng Ấn, Hồi đã nổ đầu tiên, sáng ngày 3-9-65 tại khu Chamb. Quân Hồi đã tiến sâu vào lãnh thổ Ấn 10 cây số sát vùng Cachemire.

Ngay từ những ngày đầu, hai bên đã tung quân ra chiến trường



rất đông và số phi cơ, thiết giáp rất nhiều.

Lúc đầu chiến trường còn ở nội địa Cachemire và chỉ vài ngày sau đã lan rộng ra cả Ấn lẫn Hồi.

Chiến sự đã chuyển hướng từ oanh tạc không quân lúc đầu, đến thả quân nhảy dù xuống nhiều thị trấn quan trọng trên đất Ấn và cả Tây lẫn Đông Hồi.

Quân Hồi đã tấn công vào đất Punjab, oanh tạc khi trường Amritsar, chiếm đồn Jammu, Junagarth và vài phi trường quan trọng khác của Ấn ở Calcutta. Mặt khác Hồi đã cho Không quân oanh tạc Tân Đê Li, thủ đô Ấn, và các chiến hạm Hồi đã phá hủy được nhiều hệ thống Radar Ấn dọc ven bờ cách thủ đô Hồi hai trăm dặm,

Tăng cường sinh lực
BĂNG
CETONIC 250 mg
VITAMINE C
1483.BYT.DPBC

gây thiệt hại khá nhiều.

Về phần Ấn độ đã chiếm được ba đồn binh Hồi, tấn công vùng Lahore, oanh tạc Karachi thủ đô Hồi quốc, các thị trấn Rawabpindi, Dacca, Chittagong và vài đô thị khác ở Đông hồi như Kurimola, Jehore, và nhất là cuộc oanh tạc phi trường Sargodha, căn cứ hành quân của phi cơ F-104 cách Lahore 160 cây số, gây thiệt hại lớn lao.

Theo các tin tổng hợp, quân đội của hai Quốc gia Ấn Hồi đều hoạt động không kém nhau. đều công bố thiệt hại to lớn của đối phương nhưng đối phương lại không xác nhận.

Tuy nhiên, theo sơ kết đến ngày 9-9-65, số thiệt hại của đôi bên như sau :

Hồi quốc :

— 1472 binh sĩ bị chết trong đó có 7 sĩ quan cao cấp, và 192 sĩ quan khác tử nạn, 192 xe tăng bị hủy, 33 phi cơ bị bắn rơi, trong đó có 25 phần lực cơ.

Ấn độ :

— 205 binh sĩ thiệt mạng, 35

xe tăng bị hủy, 23 phi cơ bị hạ.

● Can thiệp quốc-tế

Cuộc xung đột Ấn Hồi đã đem thêm cho thế giới một mối lo ngại lớn không kém quan trọng bằng vấn đề Việt-Nam.

Ngay từ sau khi cuộc chiến bùng nổ, Ông Tổng thư ký LHQ và Hoa Kỳ đã đứng ra kêu gọi đôi bên ngưng bắn nhưng chưa đưa đến một kết quả nào.

Trong một thông điệp gửi dân chúng, Thủ tướng Ấn không quan niệm rằng ngưng chiến là tạo được Hòa bình vì không thể đi từ cuộc ngưng chiến này đến ngưng chiến khác được đề rồi vấn đề vẫn không giải quyết dứt khoát.

Trong lúc đó nhiều quốc gia tiếp tay LHQ khuyến cáo Ấn độ tránh xung đột toàn diện với Hồi. Anh và Mỹ ủng hộ lời kêu gọi của ông Tổng thư ký LHQ, đồng thời tiếp xúc thẳng với Thủ tướng Shastri. Nga và Gia-

nã đại cũng vừa gửi thông điệp cho Ấn.

Trong lúc đó Hồi quốc vận động Tổng Thống De Gaulle tiếp tay lập lại Hòa bình ở Cachemire.

Nơi nào có vụ lộn xộn là Cộng sản tìm cách len lỏi vào ! Đó là đường lối hoạt động của Cộng sản. Cuộc tranh chấp Ấn Hồi là một cơ hội tốt cho Trung Cộng thừa nước đục bừa câu.

Đêm 4 vừa qua, ngoại trưởng T.C. Trần Nghị tuyên bố Trung Cộng ủng hộ Hồi chống lại Ấn tại Cachemire, đồng thời lên án gắt gao Ấn độ đã xâm phạm ranh giới đình chiến.

Lại đến phiên Nga-xô nhay lên đài. Tuy trong bản tuyên cáo mới đây Nga đã kêu gọi Ấn Hồi triệt thoái quân đội khỏi giới tuyến ngưng bắn 1949, nhưng mặt khác lại muốn bắt cả hai tay ve vãn cả Ấn lẫn Hồi, nếu xét thấy sự hợp tác của Nga là hữu ích, Nga sẽ sẵn sàng chấp nhận.

Cũng có tin cho rằng Trung-

cộng có thể can thiệp vào chiến cuộc Cachemire và hăm dọa sẽ tấn công vùng Sikkim của Ấn, và nếu như thế, Hoa kỳ sẽ viện trợ cho Ấn để bảo vệ Hi-mã Lạp Sơn, chống làn sóng Cộng sản tràn xuống miền Nam.

Ba điểm chấm dứt chiến tranh của Hồi-Quốc

Trong lúc Quốc tế còn đang lo ngại thì mới đây ngoại trưởng Hồi đã trao cho ông Tổng thư ký LHQ một kế hoạch chấm dứt chiến tranh gồm có 3 điểm như sau :

- 1.—Kêu gọi ngưng bắn và triệt thoái quân đội ra khỏi Cachemire.
- 2.— Một lực lượng quân sự gồm nhiều quốc gia ở Á châu và Phi châu đại diện cho LHQ đến Cachemire kiểm soát và bảo đảm an ninh cho vùng đó.
- 3.— Sau đó 3 tháng sẽ tổ chức một cuộc tuyển cử tự do để trưng

Công-công Sinh-lực
BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPĐC.

Công-công Sinh-lực
BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPĐC.

cầu dân ý trong vùng Cachemire.

Phát ngôn viên bộ ngoại giao Hôi nhân đây lại hăm dọa LHQ nếu không dàn xếp xong đề tiến đến ngưng chiến thì Hôi sẽ kêu gọi các nước thân hữu kể cả những quốc gia không có chân trong LHQ (ám chỉ T.C.) can thiệp vậy.

Lập trường Ẩn xưa nay vẫn không chịu cuộc trưng cầu dân ý do Hôi đề nghị, vì theo Ẩn : Cachemire là lãnh thổ dính liền với Ẩn không thể cắt phân hay tự trị được. Tuy nhiên Ẩn sẽ nghiên cứu mọi đề nghị của ông Tổng thư ký LHQ. Ẩn sẽ đòi Hôi phải rút quân khỏi Cachemire



★ **BÀ VỢ THỨ HAI**

Giữa đêm khuya, có điện thoại gọi bác sĩ :

— *Thưa bác sĩ, xin mời Bác sĩ đến nhà tôi gấp để chữa giúp bệnh đau dạ dày cho vợ tôi đang hồi nặng lắm !*

Bác sĩ điềm tĩnh hỏi lại :

— *Tôi nhớ hình như bệnh của bà đã khỏi lâu rồi mà ! Tôi thường chữa cho ai chỉ một lần chứ không qua lần thứ hai. Ông cảm phiền ?*

— *Thưa Bác sĩ, đây là bà vợ thứ hai của tôi đấy ạ. Còn bà hôm trước là bà thứ nhất.*

đồng thời Hội đồng Bảo an LHQ phải bảo đảm không cho Hôi tái xâm lăng Ẩn.

Vài kế hoạch được đưa ra là Hoa-kỳ sẽ ngưng viện trợ cho cả đôi bên để tránh đổ thêm dầu vào lửa. Anh-quốc cũng sẽ quyết định ngưng gửi vũ khí cho cả đôi bên. Mặt khác, Đức Giáo-Hoàng Phao-Lô VI cũng sẽ tích cực kêu gọi cứu vãn hòa bình...

Nhưng trước trạng thái mâu thuẫn sâu sắc, và lập trường khác biệt của đôi bên, liệu cuộc Huynh đệ tương tàn kia có thể chấm dứt không ? Và Ẩn — Hôi sẽ đi về đâu ? Có tránh được họa : « Cái sây này cái ung » không ?



C Á I
V Á Y
T A I

KỊCH VUI NGẮN



HOÀNG - NGỌC



Nhân vật :

- Phòng văn viên
- Ông Hoan
- Vợ ông Hoan

(Cảnh một tiệm hớt tóc ngày nghỉ việc, những ghế bàn được sắp xếp lại như một phòng tiếp khách. Ông Hoan đang đứng trước tấm gương sửa lại cách phục sức thì bà Hoan bước ra.)

Bà Hoan : — Ông làm cái gì cần phải suy xét lại cho chính chắn, tôi thấy như ngày hôm nay không cần cho thợ thầy họ phải nghĩ làm.

Ông Hoan : Bà đâu có hiểu được công việc của tôi (nói nặng) chỉ thấy mất đồng tiền thâu vào hàng ngày thì bà phản đối ra mặt. Tôi nói để bà biết họ không làm việc này để đi làm việc khác cần thiết hơn là được rồi.

Bà Hoan : — Tôi không thấy một dấu hiệu gì hy vọng kết quả, bởi thế cho nên theo tôi, ông có muốn thì đi hoạt động một mình còn thầy thợ nên để họ làm việc. Ông thử xem, khách tín nhiệm họ tìm đến tiệm mình đều phải trở về cả, rồi đây nếu ông thất cử có chắc gì tiệm lại đắt hàng như trước.

Ông Hoan : — Bà khỏi lo vấn đề đó, không lẽ một người như tôi ngoài cái sự nghiệp Chủ Tiệm Hót Tóc, không còn một kế hoạch gì để sanh nhai sao? Bà nên tin tưởng vào quá trình của một con người đã từng xách vali đi hót tóc dạo, với chí kiên nhẫn tạo dần dần thành một Tiệm hót tóc đang hoàng như ngày nay, nếu không vì lý do chính đáng của chương trình cứu

nước giúp dân mà tôi phải ra tranh cử, thì có lẽ đã đưa tiệm hót tóc này lên hàng Viện hót tóc cho bà xem...

Bà Hoan : — Nghĩ mà buồn cho ông quá sức, nói toàn câu chuyện đầu đầu, không thực tế chút nào cả. Tôi có ý tưởng việc ông làm trong mấy lúc này như người mất trí, mà không một lời bàn hỏi thiệt hơn với vợ con, chẳng hạn như sáng nay tự nhiên cho thợ nghĩ có phải vô ích không?

Ông Hoan : — Tôi đã nói với bà họ không làm việc ở đây nhưng họ làm việc khác quan trọng hơn. Họ đi cò-động, tuyên truyền rí tai, gây cảm-tình với cử tri dồn phiếu cho tôi, có phải là một việc cần thiết không?

(có tiếng người từ ngoài đi vào bà Hoan nhìn ra)

Bà Hoan : — Dường như có khách vào hót tóc.

Ông Hoan : (muốn tìm cách tránh) Bà đi ra nói khéo là ngày nay thợ nghĩ.

Bà Hoan : (đi ra nhưng còn tới lại) Sao ông không ra tiếp họ.

Ông Hoan : Tôi còn biết bao là công việc cần phải chuẩn bị, nào là lời ra mắt, hoạch định dự án chương trình...

rồi, còn phải...

(Bà Hoan chợt trở vào dẫn theo một phóng viên mang máy ghi âm. Ông Hoan cúi chào phóng viên rất trịnh trọng.)

Phóng viên : Chào ngài, tôi xin tự giới thiệu là phóng viên của Tòa báo Tiến Hành đến diện kiến ngài cho biết về đường lối hoạt động và tiêu sử hầu đưa lên mặt báo cho cử tri biết.

Ông Hoan : Quý hóa quá. Vâng, tôi cũng xin long trọng giới thiệu danh tánh để quý phóng viên tường. Bản danh chánh hiệu là Nguyễn-Hà-Hoan tiêu sử rất thanh bạch, ứng cử viên với biệt hiệu Cái Váy Tai (xây qua nói với bà Hoan) bà vào cho người mang nước uống ra đây.

Phóng viên : Thưa ngài sẵn máy ghi âm tôi mang theo, ngài có thể cho cử tri biết qua chương trình nay mai khi ngài đắc cử.

Ông Hoan : (trịnh trọng xoa hai tay) Chương trình của tôi vạch chia ra làm hai mục, gồm có đối nội và đối ngoại.

Phóng viên : Thưa ngài đối nội ra sao?

Ông Hoan : Đối nội thì rất nhiều tiêu tiết, đây tôi dẫn chứng một vài điểm điển hình, chẳng hạn như : — Phò biển ngành hót tóc khắp mọi giới.

— Cò động chị em nữ giới học nghề hót tóc.

— San bằng sự bất công không còn xem nghề hót tóc là độc quyền của nam giới.

— Truyền bá cho dân chúng biết việc hót tóc, gội đầu cũng là một phương pháp vệ-sinh và thẩm mỹ.

— Yêu cầu Bộ Học-Vụ mở giờ dạy hót tóc trong chương trình học-vấn... đó là đối nội.

Phóng viên : Còn về đối ngoại, xin ngài cho biết qua luôn.

Ông Hoan : Về đối ngoại liên kết với các nước bạn lân-bang, gửi phái đoàn trao đổi về nghề hót tóc. Khảo sát tận chỗ những hãng máy móc chế tạo dụng cụ hót tóc của ngoại quốc đem về thực hiện tại nước nhà các dụng cụ nội hóa cho tinh vi. Đồng thời mở các khóa tu nghiệp tại nước nhà để đón nhận các nước bạn đến học tôi quên cái điếm là trong tương lai hy vọng khỏi nhập cảng hàng ngoại hóa về ngành hót tóc, tránh được một số ngoại tệ.

Phóng viên : Thưa ngài cho biết qua về ý-nghĩa Cái Váy Tai mà ngài chọn làm Biệt hiệu.

Ông Hoan : Cái Váy Tai vừa tượng trưng cho nghề nghiệp của

CÁI VÁY TAI

tôi vừa có một dụng ý sâu sắc cả gan bươi móc những di-tích xấu xa sót lại trong những ai còn mang nặng đầu óc phong kiến, nhất là các cấp trên, tai to mặt bự mà không nghe thấu tiếng dân than, thì Cái Váy Tai này sẽ làm nhiệm vụ của nó là đả-thông.

Phóng-Viên : — Thưa ngài có thể cho cử-tri biết qua về tiêu-sử.

Ông Hoan : — Tiêu-sử của tôi thanh bạch lắm. (Bà Hoan đem nước ra mời phóng viên)

Phóng-Viên : — Nhưng ngài có thể cho biết đại-khái ra sao.

Ông Hoan : — (lấy vẻ nghiêm nghị) Tôi cháu hai đời của một vị Cai học.

Bà Hoan : — Việc gì ông phải giới thiệu xa xuôi vậy...

Ông Hoan : — Bà này lạ quá, có im đi không, người ta phỏng vấn tôi chứ ai hỏi bà (nói với phóng viên) Một vị Cai học nổi tiếng thanh liêm đã dám đứng lên rù áo từ nghề Cai học.

Phóng-Viên : — Thưa, lý-do nào mà Tô phụ ngài đã có hành động như vậy ?

Ông Hoan : — Lý do thứ nhất mà tô phụ tôi từ nghề cai học là phản đối Bộ Học-Vụ

không chịu hoán vị danh-từ cai trường trở thành Cai học. Lý do thứ hai cũng không kém phần tế nhị, nó rất sâu sắc đây ý nghĩa là đã bao lần tô phụ tôi yêu cầu Bộ Học-Vụ mở lớp đào tạo trường sĩ-hoạn Cai học mà quý bộ đã vô tình làm ngơ đi luôn.

Bà Hoan : — Khô quá ông ơi, trình bày gì mà tràng giang đại-hải, ý chừng ông cho chức cai trường là danh giá lắm.

Ông Hoan : — Ai phỏng vấn bà mà lại đưa ý-kiến, có im đi không. Rất ít người ý-thức được nhiệm vụ này, vì Cai học là người đứng thứ ba sau thầy hiệu-trưởng và thầy giám-học đặc biệt hơn nữa trọng trách của vị Cai học còn nặng nề vào ba tháng hè. Ngôi trường giờ đây dành riêng cho vị Cai học một mình phải đảm đương trách nhiệm an-ninh trường-ốc, ngăn chặn các trẻ em đột nhập phá phách hoặc lấy ô chim làm hư hại trường ốc... công tác khó khăn chứ đâu phải chuyện thường.

Bà Hoan : — Thôi thôi, tôi xin ông ...

Ông Hoan : — Tôi không nói chuyện với bà.

CÁI VÁY TAI

Phóng Viên : — Có lẽ chúng ta đã đi ngoài vấn đề. Vậy trước khi chấm dứt, xin ngài ngỏ vài lời cùng cử-tri.

Ông Hoan : — Vâng, tôi sẵn sàng (lấy giọng) Quốc-dân Đồng-bào...

Phóng-Viên : — Ngài dùng chữ Quốc dân đồng bào tôi thiết nghĩ phạm vi nó rộng lớn quá.

Ông Hoan : — Gọi Quốc dân đồng bào cho có vẻ long trọng, lễ phép, để chỉ chung tất cả mọi tầng lớp, mọi giới khỏi mất thì giờ mà lại đầy đủ ý-nghĩa, không lý mình thưa quý Ông, quý Bà, quý thanh-niên, quý thanh-nữ, quý... vân vân... như thế mất thì giờ mà đâu có đầy đủ bằng chữ Quốc dân đồng bào.

Bà Hoan : — (tỏ vẻ bức tức)
Phóng-Viên : — Xin ngài tiếp tục.

Ông Hoan : Quốc dân Đồng-Bào, Quý vị thợ cúp bạn đồng nghiệp. Quốc Gia Hưng Vong Thất phu hữu trách, nghĩa vụ

thiết tha ấy thúc giục tôi gạt bỏ nghề riêng đứng ra gánh vác việc non sông. Nhận thấy phần râu mày không thể nằm im trong một phạm vi nhỏ hẹp tôi đành hy sinh ra làm việc để tranh đấu cho đồng bào một cách thiết thực. Chắc đại đa số đồng bào cũng đã nhìn qua quá trình của tôi, một người rất tận tâm với nghề nghiệp, tôi cũng đã xuất thân trong hàng ngũ lao động mà ra, đã biết giá trị của mồ hôi nước mắt, cũng đã từng đem sức lực ra đòi lấy bát cơm manh áo, do đó tôi thông cảm đồng bào lắm.

Nói ít làm nhiều, đó là phương châm của tôi. Bươi móc đục khoét những đầu óc còn nặng nề dui điếc đã có Cái Váy Tai biểu hiệu tượng trưng. Nay bái cáo Quốc dân.

Ứng cử viên :

Nguyễn-Hân-Hoan

Bà Hoan : (nhìn mỉa mai) thật là quan trọng hóa làm như là đương kim Tổng thống.

Ông Hoan : Bà thật là đần độn, không xứng đáng vợ của một vị ứng cử.



Bà Hoan: — Phải, tôi không xứng đáng là phu nhân của vị đặc cử, làm vợ ông thợ cúp mà chắc ăn hơn.

Ông Hoan: (giận dữ) Bà im đi, bộ muốn phá chương trình của tôi phải không?

Phóng viên: — (thấy đứng lại không tiện nên tìm cách rút lui) Xin cáo từ ông bà.

Ông Hoan: Xin cảm ơn phóng viên, nhớ đừng để lời đối thoại của vợ tôi vào máy, nghe nó mất thanh tao đi.

Phóng viên: Vâng, những lời phỏng vấn vừa rồi chúng tôi đâu có đưa lên Đài Phát Thanh

mà ngài lo (phóng viên đi khuất mà ông Hoan còn nói vọng theo).

Ông Hoan: — Có thể được quý phóng viên cũng nên cho phát thanh đề quốc dân am tường...

Bà Hoan: Phải, đề làm trò cười cho đồng bào giải trí...

Ông Hoan: (Giận dữ, cầm chén nước quăng xuống đất và dậm chân) Bà muốn phá hoại chương trình vĩ đại của tôi có phải không? (rồi ông nói lớn) Tiên tề gia, hậu trị quốc, tôi phải cho bà này một trận dũa mới được. (vợ chổng xô sát nhau.)

hạ màn



*** DANH NGÔN**

Mắt không theo người trông, tai không theo người nghe, miệng không theo người nói, mũi không theo người ngửi.

Nguyễn-Kết

Lâu nay đời vẫn làm đắm đuối loài người, cái "chí" của ta là cái đề độ thân ta, mà sóng gió không thể xiêu dạt, vùi dập ta được.

Chú.vô.Công

« Thân trao Thu-Nhi, người
cho tôi cảnh ngộ... »

* Tôi có thấy một người làm tiếng khóc
Vội cha mình bằng những ý thơ hay
Bằng bằng khuâng nước nở tháng năm ngày
Núi tiếc nhỏ xây lên từng mảnh vụn

* Người con gái gót niêm đau hiện-diện
Lời tỏ bày bằng giọng chữ bơ-ơ
Xót thương cha với tâm sự đại khờ
Cho họ biết mình làm người cô-độc

* Người u buồn đêm thời gian thồn thức
Những đêm dài vắng hình ảnh thương yêu
Điêm trang cha bằng hoang đại tuổi đầu
Thật đau đớn — tôi trách người yếu đuối

* Cùng cảnh ngộ người đưa tôi vào lối
Gót phong trần lặng lẽ đêm nhiều hơn
Tôi lạnh lùng tình ngày tháng có đơn
Đi không hết chuỗi ngày xanh tàn tạ

* Người với tôi — hai chuỗi đời xa lạ
Phở phường kia nào có nghĩa gì đâu ?
Chiến chinh này hữu lý được bao nhiêu ?
Gót chân mỏng đan thêm từng dĩ vãng

* Tôi chỉ trách người cho tôi hoang vắng
Nén nổi sầu trong men rượu chua cay
Lặng cô-đơn bằng nóng bỏng dạn dày
Trong sâu kín-Tôi tìm người kẻ lẽ.

* TRẦN-CAO-THÁI
(K.B.C. 4781)



* Nguyễn-Vỹ

(tiếp theo P.T. 157)

CUỘC «Bắc tuần» của Bảo-Đại tuy được phủ Toàn-quyền tổ chức rền rang tại Hànội nhưng ngoài phong độ khá hấp dẫn của một hoàng tử trẻ tuổi và đẹp giai đối với một số thanh niên và thiếu nữ lãng mạn, Bảo-Đại không gây được một ảnh hưởng chính trị sâu rộng trong quảng đại quần chúng cũng như trong các giới trí thức ở Bắc-kỳ. Người ta thấy rõ rệt một cuộc dần cảnh của người Pháp, và ai cũng biết rằng Bảo-Đại là một thiếu niên được người Pháp đào tạo và che chở, hoàn toàn theo Pháp, chứ không được là một vị vua ái quốc như các vị Hoàng-Đế Hàm-Nghi, Thành-Thái, Duy-Tân.

Pủ Toàn quyền đưa Bảo-Đại ra trình diện với dân chúng Hànội với mục đích gây lại phong trào tôn quân, phục-hưng ý thức quân chủ đã bị chính sách bảo hộ xóa mờ từ lâu.

Đồng thời, ông Phạm Quỳnh, Chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí *Nam-Phong* được triệu vào Kinh (kinh đô Nam triều) làm Đồng-ly Văn phòng cho Bảo-Đại. Ông Phạm Quỳnh là một nhà văn học nổi tiếng từ lâu. Ông viết Pháp-văn cũng hay như Hán-văn và Việt-văn. Dù là bạn hay là thù của ông ai cũng phải công nhận ông có công lớn trong việc bồi đắp nền Văn hóa Việt Nam trong khoảng mười lăm năm đầu thế kỷ, từ 1915 đến 1930. Nhưng về lập

trường chánh trị, ông đã tỏ ra quá trung thành với «Nhà nước Đại-Pháp». Ông đã đem ngòi bút văn hoa của ông phụng sự chính sách thực dân, chống lại các phong trào ái- quốc. Ông là một nhà trí-thức thông thái, một nhân tài hiếm có (mặc dầu ông là một người tự học, — autodidacte. — không có một bằng cấp đại học nào cả), nhưng các nhà cách mạng lão thành cũng như thanh niên, của phái Nho học cũng như Tây học, đều coi ông như một kẻ tối tở của người Pháp không hơn không kém.

Bảo-Đại không phải vì phục nhân tài mà triệu Phạm Quỳnh về Huế, làm «Đồng Lý Đại Thần». Phạm Quỳnh không phải là người của Bảo-Đại. Ông là người của Toàn quyền Pierre Pasquier và của Khâm sứ Yves Châtel. Người Pháp rút kinh nghiệm ở hai vị Hoàng-Đế trẻ tuổi Hàm-Nghi và Duy-Tân, sợ rằng Bảo-Đại cũng sẽ có thể chịu ảnh hưởng thâm kín của các đảng phái cách mạng đang hoạt động lén lút khắp Bắc Kỳ và Trung Kỳ, và ngay ở trong đám quan lại của Triều đình Huế. Bộ thuộc địa Pháp ở Paris, cũng như phủ Toàn quyền Đông Dương ở Hànội và Tòa Khâm Sứ Huế

không tin tưởng hoàn toàn nơi vị vua 19 tuổi ấy, chưa trưởng thành về chính-trị và thiếu kinh nghiệm trong nghệ thuật trị quốc, dù đây chỉ là một nghệ thuật «tài tử» (d'amateur).

Cho nên người Pháp đề bên cạnh Bảo-Đại một người thân tín của họ, và người ấy không thể ai hơn là Phạm Quỳnh. Tin đồn Phạm-Quỳnh sẽ vô Huế làm quan, giới trí-thức Hà-nội và Huế biết đã lâu rồi. Có hai luồng dư luận đều không tốt cho nhà học giả của *Nam Phong* tạp chí. Đám quan lại, nhất là đám quan lại đã có giòng dõi mấy đời làm quan ở Triều đình Huế, vì ganh ghét, chèn Phạm Quỳnh là một kẻ «bạch đình» được «Nhà nước bảo hộ» cân nhắc lên ngang hàng với họ, và chắc là sẽ còn lên cao hơn họ nữa. Trong đám này, có Ngô-dình Diệm, con của cựu thần Ngô-dình Khả, và đương thời làm Tuần-vũ Phan-Thiết, vừa được Bảo-Đại triệu về Kinh làm Thượng-Thư. Tư tưởng chống đối Phạm Quỳnh từ nơi gia đình họ Ngô là mãnh liệt hơn cả.

Đồng thời, luồng dư luận thứ hai cũng không có thiện cảm với nhà học giả của *Nam Phong tạp chí*, là ở trong các giới trí thức và

cách mạng. Con người tài hoa lỗi lạc, mà họ gọi hài hước là «Kiến trắng tiên sinh», có phong độ nhỏ nhả của một triết gia Đông phương, luôn luôn khăn đen áo dài, giày scapin, và đôi kiến trắng chằm chằm trên đôi mắt nhỏ nhỏ đầy tinh ranh và kiêu ngạo, con người ấy đã dùng văn học làm bàn đạp để nhẩy lên hoạn trường, làm «tay sai» cho chế độ thuộc địa.

Sự thật, Phạm Quỳnh không đếm xỉa đến thái độ chống đối của phe quan-lại ganh ghét nhỏ mọn, và Ngô-dình-Diệm đã phải từ chức Thượng-thư vì tự thấy mình không đủ uy tín và thế lực để đương đầu với địch thủ họ Phạm.

Nhưng trước dư luận chê cười của giới Trí thức độc-lập, và khinh rẻ của giới cách-mạng, Phạm-Quỳnh đã đưa ra một quan điểm chính trị để tự bào-chữa cho lập trường của mình. Trong «*France Indochine*» một tờ nhật báo Pháp ở Hà-nội, Phạm-Quỳnh có viết một loạt bài bằng Pháp-văn đề trình bày chương trình «tranh đấu» chính-trị của ông.

Tuấn có đọc hết những bài báo ấy, và những bài của những người đối thủ đăng trong

các báo khác chống lại quan-diêm của Phạm-Quỳnh. Quan diêm ấy có thể tóm tắt như sau đây :

— Cần phải trở lại Hiệp-ước 1884, và thi hành đúng đắn những điều khoản của hiệp-ước ấy. Nghĩa là phải trao trả lại Trung-kỳ và Bắc-kỳ cho Hoàng-đế An-nam, và chính-phủ Nam Triều. Nước Pháp chỉ đóng vai trò bảo hộ mà thôi, không được xâm phạm đến chủ quyền của Hoàng-đế.

Trong một bài báo, Phạm-Quỳnh có kết luận bằng một câu : «*Ce que les Annamites demandent, c'est une patrie à servir*» (Cái mà người An-nam đòi hỏi, là một Tò-quốc để phụng-sự). Cái «Tò-quốc» đó, theo ý của Phạm-Quỳnh, là một xứ An-nam kết hợp lại Trung-kỳ và Bắc-kỳ, đặt dưới quyền hành thực tế và đầy đủ của Đại-Nam Hoàng-đế Bảo-Đại, với tất cả những yếu tố của một Vương-quốc lập-hiến (monarchie constitutionnelle) đặt dưới quyền bảo hộ của Pháp-quốc Cộng-hòa.

Phê-bình loạt bài của Phạm-Quỳnh trong *France - Indochine*, với một nhóm bạn hữu, Tuấn bảo : «Với giọng nói văn-hoa và tha thiết, lại muốn tỏ ra có trí óc

tinh ranh, (spirituel) Phạm-Quỳnh chia tay ra xin người Pháp bố thí cho một «Tò-quốc để phụng sự». Nhưng, vì ông đã phụng sự quá trung thành với người Pháp nên ông đã quên rằng người «An-nam» đã có một Tò-quốc mà người Pháp đã cướp mất. Bây giờ chỉ phải làm cách-mạng người An-nam mới thu hồi được Tò-quốc của mình, chứ không phải đi ăn-mày Tò-quốc theo kiểu Phạm-Quỳnh».

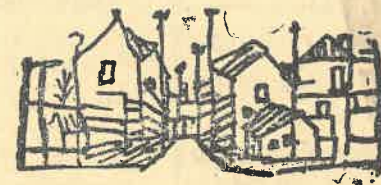
Trong báo «*L'Annam Nouveau*» Nguyễn-văn-Vĩnh có viết một loạt bài danh thép, chống lại thuyết của Phạm Quỳnh.

Và lại, lập trường của Phạm Quỳnh cũng không được người Pháp tán thành. Phủ Toàn quyền

đặt Phạm Quỳnh bên cạnh Bảo-Đại, chính là để kèm vị vua non nớt ấy chứ đâu phải để ông làm xáo trộn cái «trật tự» mà người Pháp đã sắp đặt theo đường lối thực dân của họ.

Phạm-Quỳnh.— với sự hợp tác tài chánh của Phạm-lê-Bồng, nhà buôn pháo ở phố hàng Nón, và Hội trưởng Phòng Dân biểu Bắc-Kỳ,— mở ra tại Hà-nội một tuần báo Pháp văn, nhan đề là «*La Patrie Annamite*» (Tò Quốc An-Nam) mà chủ bút là Tôn-thất-Bình, một người rề của Phạm-Quỳnh, một trong những sáng lập viên trường Trung học Thăng Long...

(còn nữa)



★ DANH NGÔN

Tâm sự người trượng-phu nên sáng như trời xanh, rõ như ban ngày, để cho ai ai cũng được trông thấy.

Tiết-Huyền

chơi rượu

★ TRẦN-TUẤN-KIỆT

Một vò rượu trong
nỗi buồn đã lặn
mưa mờ mịt lòng
gót người xa vắng
cạn chén nghe ta
đời vui lúc này
nói gì thêm mãi
trời còn đổi thay
món ngon vẫn có
sầu chỉ nặng giày
nút non đi ăn
trong hồn trời mây
bạn ta cùng nhậu
mưa càng thêm vui
gọi thêm gió nổi
khiêu vũ cùng cây
lòng ta mưa gió
chè chén nhau hoắt
món ngon còn đó
ta nhậu thật say
say rồi đánh giặc
trăm năm một ngày

HOA HỌC KHÔNG GIAN



Trên cao 1700 cây số, hỏa tiễn vận tải chở vật liệu lên trạm không gian, chuyên viên bom hơi vào những dụng cụ bằng nhựa trước khi ráp.

trong 3
năm nữa
(1968)

XÂY NHÀ
KHÔNG GIAN

Ngay từ lúc Gordon Cooper và Charles Conrad còn ngồi trong phi thuyền Gemini bay chung quanh địa cầu, Tổng-thống Johnson đã loan báo việc khởi sự thực hiện kế hoạch M. O. L. nhằm thiết lập một phòng thí-nghiệm không gian có người ở

thường xuyên và xoay theo quỹ đạo. Về phía Nga; tướng Kamanine, chỉ huy cơ đội phi-hành-gia không gian cũng nhắc đến trạm không gian sẽ được dùng làm căn cứ xuất-phát bay lên mặt trăng-

NHỮNG cơ sở trên đánh dấu một giai đoạn mới trong việc chinh phục không gian. Phòng thí-nghiệm của Mỹ dài 13 thước nặng 12 tấn sẽ gồm một gian nghỉ ngơi và một gian thí-nghiệm nơi hai người có thể sống trọn một tháng không cần trở xuống địa-cầu. Với những căn nhà không gian này sẽ thành sự thực trong ba năm nữa, khoa học đã bỏ xa phi thuyền Gemini chật chội hay phi-thuyền Vostok quá bất tiện.

Trong 8 năm kể từ ngày 4-10-1957, vệ tinh nhân tạo Spoutnik I đầu tiên được phóng lên, khoa hàng không không gian đã tiến xa hơn tất cả các khoa học khác trong một thế-kỷ. Do đó, không lạ gì chuyện các nhà bác học dự tính từ nay sẽ chế tạo những trạm không gian, «những không đảo» thực sự dùng làm căn cứ thường xuyên cho các kỹ thuật gia.

Không phải là khoa học dự tưởng

Kế hoạch M.O.L được chánh thức dành cho những công-cuộc quốc phòng : thường xuyên canh chừng địa cầu, kiểm-tra các vệ tinh lạ, hủy diệt những hỏa tiễn

khi cần, vân vân... Việc xử dụng hàng không không gian vào những mục tiêu quân sự là hậu quả của cuộc chiến tranh lạnh. Nhưng tương lai của những trạm không gian, may mắn thay, không phải chỉ giới hạn ở những mục tiêu «hiếu chiến» đó. Tương lai ấy, ta đã có thể mô tả được rồi. Đây không phải là một sự dự tưởng khoa học, bởi vì những vệ tinh to lớn có người ở «những thành phố không gian» kia rồi sẽ thành hình trong mười năm nữa.

« Bánh xe » Von Braun

Thực ra ý nghĩ về những trạm không gian cũng chẳng phải mới mẻ gì. Tất cả những nhà tiên-phong về hàng không không gian đều đã cảm thấy tính cách cần thiết của những trạm đó. Ngay từ 1923, Franz von Hoefft, Walter Hohmann và Wernher Von Braun (ngày nay là cha đẻ của kế hoạch Apollo) đã gia tâm nghiên cứu vấn đề.

Năm 1929, Herman Noordung đề nghị một «trạm không gian» quay cùng một tốc độ với địa cầu trên cao 35.000 cây số.

Tuy nhiên, trong tất cả các kế hoạch, kế hoạch do Wernher Von Braun đề nghị và thường xuyên

cải thiện là có nhiều hy vọng thành tựu nhất. Và không chừng vào cuối thế kỷ này, người ta sẽ thấy lừng lừng xoay trên trời chiếc đĩa không lồ «chiếc bánh xe to lớn» không gian của Von Braun.

2 tiếng, quay hết vòng địa cầu

Đây là trạm liên hành tinh có hình giống một bánh xe không lồ, đường kính 75 thước nằm trên quỹ đạo cao 1.700 cây số. Nó sẽ quay hết vòng địa cầu trong hai tiếng đồng hồ theo chiều hướng Tây-Đông.

Nó cũng tự xoay chung quanh nó theo nhịp độ 22 giây đồng hồ một vòng để cho sức ly tâm tạo nên một trọng lực giả tạo, tương đương với độ một phần ba trọng lực địa cầu.

Dĩ nhiên trọng lực này sẽ chỉ cảm thấy ở phần xoay tròn hay nói rõ hơn, trong cái «vỏ xe» của chiếc bánh.«Vỏ xe» có tiết diện 10 thước chia thành 3 tầng. Tầng thấp nhất sẽ là tầng gần vòng ngoài nhất. Sở dĩ có tình trạng đó là vì trong bánh xe người ta sẽ đặt chân ở vành, đầu hướng về

phía trục xoay. Và mặc dầu «Bánh xe» tự xoay trong khi quay chung quanh địa cầu với tốc độ 25.000 cây số giờ, người ta vẫn cảm thấy bất động hoàn toàn.

Bánh xe trị giá 4 tỉ đô la

Nhưng trước khi chiếm ngụ «bánh xe» người ta phải chế tạo nó đã. Công trình đầy tham vọng này đòi hỏi thời gian làm việc nhiều năm dài. Số chi phí cũng đã được ước tính rất kỹ: 4 tỉ đô la.

Ta cứ tưởng tượng đang ở khoảng 1975 và kế hoạch «Bánh xe lớn» đang thực hiện. Hoạt động tại Mũi Kennedy ráo riết tột độ. Mỗi tuần các hỏa tiễn rời địa cầu để bay lên quỹ đạo cao 1700 cây số, nơi thiết lập «không đảo». Chính đây là nơi mà kỹ-thuật «hội ngộ» ngày nay đang ở giai đoạn thí nghiệm, mới hé mở tất cả ý nghĩa của nó: quả thế, mấy hỏa tiễn kia phải «cất xuống» bên trong một khu vực hẹp vài cây số hàng tấn vật liệu đủ hình thức và đủ loại.

Biến «Bánh xe» thành một nơi cư ngụ

Các hỏa tiễn vận tải kia sẽ

không giống những đầu phi-thuyền của năm 1965 nữa. Chúng có thể chở một số lượng cần thiết thật quan trọng mà mỗi thành phần đầy ra ngoài đúng lúc sẽ lơ lửng ở một nơi nhất định trong không gian chờ xử dụng.

Vật dụng hoàn thành « Bánh xe » đều được tiền chế cả : hai mươi khoanh riêng biệt bằng nhựa và bằng vải ni-lông xẹp lép lúc chở lên (về do đó không choáng mất nhiều chỗ) sẽ bơm phồng bằng sức ép không khí. Ráp xong, người ta sẽ bọc hết bên ngoài một lớp kim-khí che chở khỏi sự va chạm của các vụn thạch.

Ráp cái « Bánh xe », biến nó thành một nơi ở được, đó là công việc của những người thợ không gian.

**Cộ kỹ dụng cụ
vào người**

Người ta khó hình dung ra công việc ráp máy ở giữa không gian vô tận lăm lăm sao với một quả banh không lồ (địa-cầu) quay ở

phía dưới 1.700 cây số. Dĩ nhiên những vật liệu nặng hàng mấy tấn dưới mặt đất sẽ nổi trong quãng không nhẹ như những sợi lông.

Có điều, nếu sức nặng đã biến mất, khối lượng hãy còn nguyên. Các bộ giáp dù có kín, nội cái việc siết con bù lon cũng rất khó khăn khi người ta cứ phải bập bênh không một điểm tựa hay một tiêu điểm nào. Còn nói gì những tấm bảng dài ba mươi thước chỉ đựng nhẹ một cái là trôi đi mất. Ngoài ra dụng cụ phải cột kỹ vào thắt lưng nhỏ sút ra, sẽ văng xa không hy vọng gì lấy lại.

Trong khi làm việc « thợ không gian » mặc những bộ phao mềm (bằng cao su, vải ni-lông hay chất nhựa) và những bộ phao cứng kiểu dùng lặn sâu dưới đáy biển hay họ vào trong những « vỏ tàu » và điều khiển những « cánh tay » bằng sắt kim khí.

Di chuyển bằng súng hơi

Trên thế giới không trọng lực này, chỉ có mỗi phương tiện di

chuyển : đó là khẩu súng hơi ép cùng một loại phi-hành-gia White đã dùng khi lơ lửng giữa không gian. Một luồng hơi phụt ra là người ta dội lui theo một tốc độ đều đặn. Người ta có thể đoán một khí-cụ di chuyển bằng sức đẩy như thế cần phải xử dụng thật trọng và chính xác là dường nào. Bắn sai một chút có thể văng xa khỏi « công trường » và trôi mãi mãi trong không gian vô-tận không bao giờ trở về nữa.

**Như bên trong
tiềm thủy đình**

Bây giờ giả thử công việc hoàn tất, các ê-kíp ráp trở về địa cầu bằng hỏa tiễn-xưởng.

Bên trong trạm không gian, những thanh sắt, những cửa kín gần bánh xe nặng nề, những thành tàu phản thín, ánh sáng trong những ngọn đèn có ví sắt che, tiếng máy nổ đều đều nhẹ nhẹ, tất cả đều gọi lên bầu không khí ngọt ngọt bên trong một tiềm thủy đình. Trọng lượng giả tạo càng làm tăng

thêm tính cách lạ lùng của đời sống nơi đây.

Trong không khí phảng phất mùi xú dưỡng khí (ozone), mùi chất nhựa, mùi kim khí nóng.

150 kỹ thuật gia và nhà bác học sống trong « Bánh xe » được biến thành gần như một tòa nhà tân tiến 20 tầng. Họ có sẵn phòng ăn, phòng ngủ, quán rượu, phòng đọc sách và cả một phòng chiếu bóng nữa.

Họ làm những gì ?

Một câu hỏi cần nêu ra. Những người lơ lửng trên cao 1.700 cây số kia làm những công việc gì ?

Hãy nói riêng về địa hạt khí-tượng : từ khi có « Bánh xe », sự tiên đoán thời tiết không lầm lẫn một lần nào nữa. « Bánh xe » kiểm soát tất cả các đám mây, tất cả những sự tập t.ung trên đại dương và trên đại-lục. Nhờ nó chỉ dẫn, người ta có thể tránh lượng giả tạo càng làm tăng hàng mươi tai họa trên biển và

Công-công Sinh-lực
BĂNG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C
1483. BYT. DPBC.

Công-công Sinh-lực
BĂNG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C
1483. BYT. DPBC.

trên không, cứu được vô số nạn nhân bão tố, tránh được nhiều sự mất mùa.

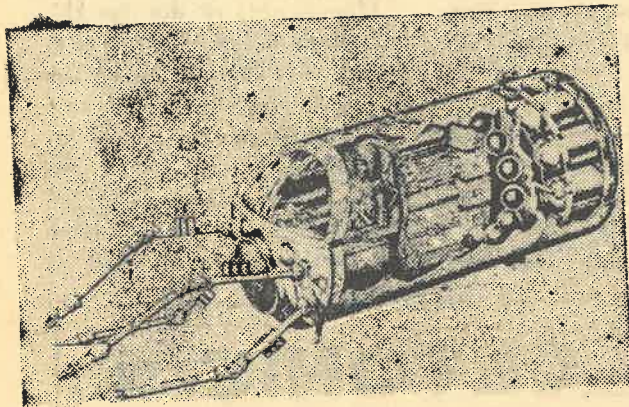
Địa hạt thiên-văn cũng hưởng-thụ rất nhiều. Trên mặt đất không ai không hiểu rằng việc quan sát thiên-văn luôn luôn bị vấp vì ba yếu-tố chính : trước tiên là khí quyển làm cho ánh sáng lệch đi, kế sự xoay vần của địa cầu cản trở sự quan sát liên-tục rất nhiều, và cuối cùng trọng lực khiến phải thu gọn khí-cụ, như là thần kinh.

Trên « bánh xe » khỏi lo cái nhìn bị cản trở. Với độ cao này, « tấm gương mờ » do khí quyển tạo nên không còn nữa. Và trong thế giới không trọng lực, những

ống kiến viễn-vọng vô tuyến thành lập bên ngoài « bánh xe » có thể lớn đến nhiều cây số đường kính. Những dụng-cụ khác được vô tuyến điều-khiển từ « bánh xe » nổi giữa khoảng không khỏi bị va chạm, khỏi vấp phải chướng ngại nào, nhờ đó người ta có thể kéo dài sự quan sát.

Thiên đàng các khoa học gia

« Bánh xe vệ-tinh » có thể được xem là Thiên-đàng của các nhà khoa-học. Thiên-văn-gia, hóa-học-gia, các nhà sinh vật học, thiên-văn vật-lý-học sẽ làm việc trên đó. Nó sẽ là một phòng thí nghiệm lý-tưởng, thành phần của



Vẽ tàu có bốn cánh tay nhắc được rất nhiều loại vật dụng.

« quang không », phóng xạ vũ trụ, những tia tử-ngoại, từ-trường mặt đất, bao nhiêu đề tài có thể nghiên-cứu trong những điều kiện tốt đẹp không tưởng-tượng được.

Y-học cũng sẽ nhờ vâ « bánh xe » không ít : tình trạng thiếu trọng lực có thể đưa đến nhiều lợi-điểm về phương diện trị liệu và sinh vật học. Chẳng hạn người ta biết sức dầy của chất lỏng bù đắp phần nào trọng lực, giúp cho những người bại xuội làm những cử động mà họ không thể làm ở những nơi khác. Ta cứ tưởng tượng họ được đưa lên ở trong « bánh xe », hay đúng hơn ở trong cái trục nổi hoàn toàn không có trọng lực. Trong một tương lai xa hơn nữa, sẽ thiết lập những « bệnh viện không gian » điều trị những người bại xuội, những người đau tim, tất cả những

người mà trọng lực mặt đất làm cho lâu bình phục.

Trạm tiếp vận

Các trạm không gian sẽ còn có những lợi ích khác mà ngày nay ta không thể ngờ. Hơn nữa, chúng sẽ dùng làm công trường xây cất cho những phi thuyền vũ trụ to lớn, lớn đến đời không thể phóng từ mặt đất lên. Chúng là không cảng tiếp-vận, là kho nhiên liệu của những phi thuyền trên đường bay đi Hỏa tinh, Thổ tinh hay các ngôi sao khác.

Chúng sẽ là trạm khởi hành của một cuộc phiêu-lưu vĩ đại, một cuộc thám-hiềm từ nay sẽ không còn giới hạn.



* DANH NGÔN

Trên thì trời, dưới thì đất, người ta ở khoảng giữa, làm người |
có ra người thì mới không uổng.

Chu-Mi



TRĂNG TÍM

★ MARIE NOEL ● HỮU - CHÂU dịch

(tiếp theo P.T. 157)

EM nhận thấy sự săn sóc đó chỉ là một vấn đề công thức, vì Chi sợ em đau khổ.

Chi ạ ! em hiểu rõ cả, những cái gì Chi cho em, em đều nhận thức đầy đủ. Nàng đối với em rất chu đáo. Em rất cảm ơn Chi đã dành cho em những cảm tình nồng hậu. Song em nhận thấy thiếu một cái gì khó tả. Nội tâm

em bị dẫn vật đêm ngày. Sự đau khổ ấy như cái ung nhọt đang đục khoét trong cơ thể em.

Sau lễ phục sinh lại có một cô Giám thị mới. Nàng tên Đào. Cô ta trông còn trẻ. Nét mặt trang nghiêm gieo vào tâm trí em một cảm giác sờ sờ.

Riêng đối với Chi lại khác hẳn. Ngày Đào vừa đến thì nàng thân ngay. Điều dễ hiểu là hai người có họ với nhau. Hai người họ

thân nhau như đôi chim trên cành. Cả những giờ nghỉ em cũng thấy nàng đứng bên Đào trong thư viện.

Có buổi nàng nhìn thấy em, nàng vồn vã hỏi thăm em. Em hiểu đó chỉ là gương gạo, nhưng em không có quyền đòi hỏi ở nàng những cảm tình rộng lớn. Ngoài nàng, em không có ai làm bạn thân.

Bắt đầu từ hôm đó, cảm tình của hai người thêm khăng khít. Dù Chi kín đáo đến đâu, cũng không che dấu nỗi dưới mắt của em.

Chi ơi ! tâm hồn em lúc này rối như tơ vò.

Em cố gắng suốt trong tư tưởng, mình mẫn trong việc làm, nhưng em đã bất lực trước nó. Đôi lúc, em nhận thấy Chi vẫn còn yêu em ? Ốc em phân vân, thắc mắc, chưa giải thoát hết niềm ưu tư ấy? Có những lúc Chi đau khổ, hiện trên nét mặt, chính cử chỉ đó làm cho em lúng túng, ngỡ ngàng... Nhưng nội tâm em thì sôi réo như tiếng sóng gào đêm.

Sự ghen uất vẫn cứ lớn dần trong óc em. Em đã bị nó chế ngự cả những lúc đọc sách, lẫn giấc

ngủ. Với tâm hồn trong trắng như em thì em hiểu sao nỗi, giữa thật với giả, tất cả vẫn quay cuồng trong tâm trí em. Em sẽ nguyên rủa những kẻ bội phản em. Em chỉ nghĩ được thế thôi ! Thực ra, em không có phản ứng nào hết !

Trong kỳ tam cá nguyệt vừa qua, chúng em học lại vở kịch « kẻ ghét đời ». Nó rất hợp với tâm trạng em hiện nay. Chỉ tại « nó » — chính « nó » đã làm ho Chi bội phản em.

Em muốn đánh cho Philinte một trận thật đau để nó không còn những tật xấu nữa. Nhưng Philinte chỉ là một nhân vật trong vở kịch đó. Còn Chi mới là người phải chịu đựng những sự day dứt của em. Có lần bà giáo đã phải nói :

— Kim ! Em đừng nhìn đời bằng cặp mắt tuyệt đối. Vì trong cái xã hội này làm gì có tuyệt đối. Nếu ta không hiểu được nó là ta đã tự mua lấy sầu đau khổ sở.

Kim nên nhớ : « giữa Kim và Chi chỉ là tình bạn. Kim đừng nên đòi hỏi ở Chi những cái gì mà Chi không làm nổi. Trừ phi nếu Chi là vợ của Kim ».

Nghe lời bà giáo nói, em thấy

lạnh toát cả người. Toàn thân em run. Thì ra, sự thật là thế đó!

Chị ơi! em mất cả rồi! Tuy nhiên, em vẫn không chấp nhận hẳn. Đề dẫn chứng em đã đem tới lớp học một bản văn của Napoléon trong cuốn « kỷ ức tại hoang đảo Sainte Hélène », làm cho bà giáo phải ngạc nhiên và cả lớp học cũng xôn xao về tài liệu đó.

«Tôi đã mất Bertrand tôi chỉ còn bầu vú vào chú để tìm tình thương. Nếu chú yêu tôi mà san sẻ tình cảm cho kẻ khác thì tôi quan niệm đó không phải là yêu thương. Chúng ta nên phân biệt giữa bạn phận với yêu thương, mỗi địa hạt đều có những cá tính riêng của nó.»

Tôi không muốn có sự chia sẻ. Tôi chỉ muốn người tôi yêu sẽ được tôi trao trọn vẹn.

NAPOLÉON

Bản văn này, em muốn nàng đọc để tự suy nghĩ... Vì nàng rất tôn sùng Napoléon. Trong cuộc thăm viếng toàn trường tại Fontainebleau. Chi cố tìm lại hình ảnh vĩnh biệt của Napoléon bằng cách nhặt viên đá sỏi làm kỷ niệm.

Lúc về, Chi đã viết những giòng chữ sùng kính vào quyển vở lớn mà nàng đã ghi chép về cuộc đời Napoléon. Trong đó, nàng đã viết với tất cả sự chân thành đề nói lên lòng ngưỡng vọng của nàng đối với Napoléon kính yêu.

Bởi vậy, em đã đem bản văn của Napoléon đề Chi mình định lại lòng mình. Lúc ấy em nhìn thấy đôi hàng mi của nàng chớp chớp, má nàng đỏ ửng, đầu cúi xuống. Chỉ ngần ấy thôi, em đã thăm hiểu Chi định nói gì rồi!

Lúc trước em thấy giận nàng, lúc này em lại thấy giận tức em hơn? Tình cảm em đến một cách quá mau lẹ. Em mới nhận thấy trước đây, em đã sống mơ mộng thiếu thực tế, em chỉ đòi hỏi mà thiếu xây dựng. Em đã yêu nàng như yêu một người tình nên em đã ghen tuông vô lý? Em đã bóp nát tình yêu của nàng. Em là một kẻ độc ác.

Chị ơi Lễ Pentecôte vừa rồi, phép lạ đã đến với em. Hôm ấy, trời sáng đầy hào quang, đẹp muôn màu, em nhìn kỹ lại, thấy có áng mây đen kéo về.

Lúc đó chúng em đang quây

quần nghe bà giáo giảng bài, thích thú. Em nhìn thấy Chi sắc mặt tái mét như báo hiệu có một chuyện gì sắp xảy ra. Em nói khẽ bên nàng:

— Chi làm sao thế?

Chi lắc đầu:

— Chi chỉ khó chịu một chút thôi.

Em nói lại:

— Chi trông xanh lăm! Chi phải gìn giữ sức khỏe.

Chi cười chế nhạo:

— Kim bị mê đấy à?

Em nhận thấy tiếng nói của Chi pha một vẻ gì cay đắng. Em chợt nhớ đến phép lạ nên im lặng.

Sáng hôm sau, em không nhận ra Chi. Đôi mắt nàng quầng đen thâm thâm, trông nàng thật là thều nào.

Trước giờ chia tay nghĩ hè, em gặp lại Chi. Quang cảnh sân trường lúc đó, thật là náo nhiệt. Tiếng cười đùa của học sinh vang vang dưới nắng vàng. Hành trang chõng chất lên nhau bừa bãi. Bầu trời vẫn mây đen. Tiếng sấm xa xa vọng về...

Em khẽ gật đầu chào Chi. Em bước nhanh ra ngoài hành lang, nơi ấy đã ghi khắc trong trí

nhớ em những kỷ niệm buồn vui...

Em chợt nhớ đến vở kịch đêm văn nghệ, thì vừa vặn lúc ấy, Chi nín em lại:

— «Trước khi chia tay, Chi sẽ nói hết với Kim những điều muốn nói. Đây là nỗi ưu tư mà Chi dồn nén trong nội tâm, đến nay Chi mới nói đề Kim rõ».

Chi nói bằng một giọng trang nghiêm. Lúc đó, người em run toàn thân. Sấm chớp đã đến với em. Phải, tiếng sấm vừa rồi và cả ngay bây giờ tiếng sấm ấy lại sắp bùng nổ...

— «Thời gian vừa qua Kim đã cho Chi nhiều kỷ niệm. Chi hiểu lắm. Chi yêu Kim lắm, nhưng tình yêu không bao giờ đứng một chỗ cả. Kim cứ nguyên rũa Chi đi, Chi có đủ can đảm và nghị lực để chịu đựng. Nhưng nếu Kim hiểu lầm thì Chi không đủ can đảm và nghị lực để chịu đựng đâu, Kim ạ!

Sự thật phũ phàng, tàn nhẫn làm cho đầu óc em choáng váng, mỗi lời nói Chi như là mũi kim đâm vào tim em. Sau một phút trấn tĩnh, em nhận thấy, tiếng nói ấy tuy tàn nhẫn, nhưng chân thành. Em đã tìm thấy sự thật Em đã giải thoát những điều ư

uần trong nội tâm.

Nó chẳng khác như một trận mưa rào, rửa sạch những con đường ô uế.

Lần đầu tiên trong đời em mới lại được nghe những tiếng nói của Chi lạnh lùng gần như sắt đá. Sự đau khổ ấy đã tiêu tan hết. Em đã tìm thấy chân lý cuộc sống. Em phải can đảm để chấp nhận sự thật.

Không khí hai người trở nên lạnh nhạt. Chúng em chia tay nhau ra về.

— Chúc Chi một mùa hè vui tươi.

Em bước đi nhưng còn ngoảnh lại nói với:

— Chi nên gìn giữ sức khỏe.

Mây đen giăng đầy trời. Sấm chớp ầm ầm. Em chạy vội đến nhà thờ để xưng tội. Em đứng tần ngần trước Đức Mẹ. Em không biết phải nói gì, Em thăm hỏi:

— Em có tội gì?

Em hoang mang trước một nỗi niềm rộng lớn, em cố tìm tội lỗi để sám hối. Có lẽ em đã có tội với Chi, vì em mà nàng khổ sở. Linh cảm em nhận thấy thế. Nhưng làm thế nào để em

minh định được tội ấy là tội gì? Em cố gán cho nó một cái tên, tìm mãi em cũng chẳng biết là tội gì?

Em mắc tội lười biếng, kiêu ngạo, giận dữ v.v... Tất cả chỉ là những giả thuyết em nêu lên, còn thực tế, em đâu có lỗi gì?

Phải chăng em phạm tội ích kỷ? Vì em có ý định chiếm nàng trọn vẹn... Tình yêu là cho, chứ không phải là đòi... Hơn nữa, nó không phải là chuyện xin mà có lẽ ơn trên ban cho thì được. Như thế phải chăng em mang tội ích kỷ?

— Có lẽ em nhỏ nhen hay đố kỵ?

Em đã hờn giận khi thấy Chi thương yêu Đào? Chỉ vì em đã yêu Chi. Tại sao Đào lại chiếm đoạt Chi của em? Đào không có lỗi gì cả. Và cả em nữa, em cũng không thấy giận Đào.

Chi ơi! Em nói vừa rồi để tự an ủi lòng, thực ra em đau khổ vô cùng! Em chịu đựng âm thầm và xem đó là định mạng. Em không trách ai và cũng không giận ai. Em chỉ thấy buồn và tủi thân. Có thể thôi!

Em sẽ hỏi lại cha sở để cha giảng giải cho em biết em phạm

tội nào?

Em đau khổ vì yêu nên em đã ghen tuông vô lý. Phải chăng đó là một trọng tội. Xin cha chỉ dạy cho con rõ.

Tiếng sột ạt cả tiếng em nói. Thấy em im lặng, cha sở hỏi tiếp:

— Vậy, rồi sao nữa con?

Sau cùng em mang một cái tội không tên, chẳng khác một căn bệnh mới xuất hiện mà bác-sỹ đang kiểm tìm.

Căn tội của em được tha thứ nhưng trước khi ra về, cha dặn lại:

— Con hãy đọc kinh để sám hối.

Ngoài trời đổ mưa. Gió thổi mỗi lúc một mạnh nước mưa hắt ào ào vào cửa hính, phố xá mờ đi trong mưa rơi.

Giờ xưng tội đã xong. Em ngồi chờ tạnh mưa sẽ về nhà. Ốc em lại mừng tượng đến Chi. Em mơ hồ thấy Chi đang ngồi cạnh em:

— Chi ơi, chỉ vì yêu nên Kim đã làm Chi đau khổ. Lúc này Kim mới nhận thấy khi yêu không được quyền làm thương tổn người mình yêu.

— Kim biết lắm! nhưng vì

quá đau khổ nên Kim quên cả điều đó. Kim chỉ biết có Chi. Mặc. Chi yêu ai. Kim không cần biết. Kim không thể xa Chi được.

Kim gục đầu thôn thốc:

— Chi ơi! Chi... hiểu Kim thêm chút nữa!

— Em đã làm cho Chi đau khổ...

«Kim hãy khóc cho vui sầu vui khổ. Kim sẽ tìm thấy tình yêu trong những giọt nước mắt ấy».

Chúa sẽ ban cho con phép nhiệm mầu. Tình yêu không phải là một sự mua bán, con không thể đòi được. Yêu là hiến dâng hạnh phúc cho người, chứ không phải dành giật tình yêu của kẻ khác. Nếu con tính toán thì tình yêu ấy trở nên vô nghĩa. Như vậy con đã không biết yêu!

— Chúa ơi, con chịu đựng làm sao nổi?

— Kim! Con đã yêu mù quáng nên quên cả lẽ công bằng. Con sống ích kỷ lắm, Yêu là phải chịu đựng mọi đau khổ, tủi hờn. Còn phải chiến thắng những tình cảm hèn yếu ấy. Nếu con sợ đau khổ là hèn. Con phải sống hơn người. Con phải tìm thấy yêu thương trong đau khổ.

Mây xám kéo đi, nhường cho mây trắng kéo về. Trời quang đảng, nắng trườn mình trên các vòm cây. Em đã tìm thấy tình yêu trong phép lạ. Tâm hồn em lúc này phơi phới đầy tin tưởng.

Nghĩ đến ngày tựu trường, em hồi hộp thao thức trắng đêm. Em nghĩ đến Chi nhiều quá! Em sắp đặt những lời đề nói với nàng, đề hàn gắn vết thương nứt rạn giữa hai người. Trong đêm khuya em chỉ nghe thấy nhịp tim đập mạnh — đập mạnh hơn bao giờ hết! Chưa bao giờ em lại thấy xúc cảm như lúc này.

Em sẽ nói với Chi đừng nghĩ ngợi gì về em cả. Em không giận Chi đâu. Trước đây em đã lầm lẫn, làm cho Chi đau khổ. Em chỉ là bạn của Chi, em không có quyền đòi hỏi ở Chi hơn thế nữa! Chi cho em như thế là đủ rồi!

Sự cao đẹp tinh khiết của tình yêu là niềm thương thông cảm đề hòa hợp chứ đâu là đề chiếm đoạt. Em đã ngu dại không chịu tìm hiểu rõ sự thật. Em đã yêu mù quáng và làm cho hai người cùng khổ. Em

đã học thuộc lòng những lời trên.

Bao nhiêu mộng đẹp của em đều tiêu tan hết. Hôm đó Chi không có mặt trong buổi tựu trường. Em đang ngỡ ngàng bàng hoàng thì Lan ghé vào tai em, nói:

— Chi đau nặng!

Nghe tin đó, em rụng rời cả chân tay. Ốc em hoang mang rối loạn. Có lẽ em chết mất, chi ơi!

— Em đã giết Chi rồi!

Tất cả những lời hay ý đẹp, em định nói với nàng thì chẳng nói được. Em đã phạm tội giết Chi. Em biết làm thế nào đề chuộc tội ấy.

Chúa đã trừng phạt em qua Chi. Nàng bị hành hạ về thể xác, còn em bị hành hạ về tinh thần.

Vào một trưa hè nắng đẹp, bầu trời xanh lơ. Em đến trường trong ánh nắng màu tươi. Em nhìn trên tay các bạn em, mỗi người đều có một bó hoa đề tặng bà giáo. Còn em, em thích bông hoa tím, màu trắng. Em yêu màu tím. Màu tím ấy đã ghi khắc trong tim em nhiều kỷ niệm.

Nghĩ vậy, em đi hái bông hoa tím. Em sẽ đem bông hoa này đề tặng Chi. Em rón rén lại phòng của Đào, đứng một lúc lâu, em mới dám đẩy cửa vào. Em ấp úng nói:

— Tôi chân thành biểu cô bông hoa này!

Đào ân cần nói:

— Chị Kim tử tế quá!

Đào đâu có hiểu thâm ý của em. Em biểu Đào nhưng là đề tặng Chi. Em muốn đem hình ảnh tinh thần này đề hiến dâng cho nàng. Đào sẽ là trung gian giữa hai người. Em nói chuyện với Chi bằng tâm linh. Đào đâu có hiểu nổi những ý thâm kín của em.

Đó là tiếng nói thiêng liêng như là những lời nguyện. Mắt em mờ đi trong tiếng nức. Em hốt hải chạy đi. Đào ngỡ ngàng nhìn theo...

Sau khi gặp lại Chi, em cũng không kể cho nàng nghe về bông hoa tím. Em với Chi vẫn thân với nhau; vẫn đứng dưới hành lang trò chuyện hàng ngày.

Chi đối với em gần như xưa. Trước đây Chi đối với em đề đặt, đến nay nàng phóng túng tự nhiên. Chi không sợ em giận nữa, vì Chi đã nói với em tất cả

sự thật. Điều đó, em đã chấp nhận cả rồi!

Lúc này, em nhận thấy giữa Đào và Chi lại thân nhau hơn trước. Đào săn sóc Chi từng ly từng tý khiến cho em đau khổ vô cùng. Vết thương cũ trong tim em lại tái phát.

Chi có nhìn thấy hình ảnh thánh Sébastien trong các giáo đường không? Có thể nói, tim em bị đâm nát hơn thế vậy?

Em lại khổ sở hơn nữa là khi nghe Chi kể chuyện về Đào; nàng kể với dáng điệu say mê. Đôi lúc nàng quên cả em ngồi bên cạnh.

Từ giận tức đến đau khổ. Đôi lúc em suýt khóc. Em gượng cười đề che dấu giọt lệ thầm. Đau khổ gì hơn khi nụ cười phải thay tiếng khóc!

Thế rồi sự chịu đựng mãi cũng thành quen. Em cười luôn miệng đề ẩn dấu một tâm sự riêng. Có lẽ Chi cũng không hiểu rõ tâm trạng em. Hơn nữa, em cũng không cần Chi hiểu làm gì!

Sau đó Chi được bổ làm Giám học. Phòng Chi trong khu nội trú, ở cạnh phòng Đào. Tuy nhiên, em vẫn lại thăm nàng. Còn em vẫn sống đơn côi

rong gia đình. Em trang trí đề cho căn phòng đỡ cô quạnh. Em hay thường ngắm những bông hoa tươi hoặc bức tranh đẹp để xóa nhòa dĩ vãng...

Rồi một hôm Chi mời em lại uống trà. Em thấy họ tíu tít với nhau như đôi chim trên cành.

«Đào ơi! Đường đề ở đâu nhỉ?»

Giọng nói ngọt ngào nghe dễ thương quá! Hai người họ nói chuyện với nhau luôn miệng, thỉnh thoảng họ lại pha trò, phá lên tràng cười hồn nhiên. Em chỉ là một kẻ cô độc, ngồi nhìn họ vui tươi. Đôi lúc nàng lại ngoảnh sang phía em hỏi chuyện. Em biết Chi an ủi em, nhưng em đâu có cần sự an ủi ấy.

«Em bị xô vào một hoàn cảnh éo le. Trước kia Kim là người thân yêu của em, đến nay lại thuộc về Đào. Em đã mất Kim thân yêu!»

Chi ạ! Kể ra thì Đào cũng dễ chịu. Giọng Đào nói rất ấm. Hơn nữa lại khôn khéo. Tất cả điềm ấy làm gì mà Chi chửi si mê. Em dùng chửi si mê kẻ cũng hơi quá, chị nhỉ?

Thế rồi, một hôm Chi khóc

nức nở, nói bên em:

— Kim ơi! Chi sắp phải xa Kim rồi!

Ngoài trời lác đác mưa rơi. Cảnh vật buồn như tâm trạng Chi. Tự nhiên em thấy Chi sắp xúc động, phải từ giả nơi đây để về miền Bắc, nhận nhiệm vụ mới.

Em an ủi nàng:
Việc gì Chi phải khóc.

— Nếu Chi muốn gần Đào có khó gì?

Chi mở tròn đôi mắt hỏi:

— Làm thế nào hả Kim, Kim nói cho Chi nghe đi...

Em băn khoăn nhìn Chi, bỗng nhiên em đã giải được điều bế tắc ấy. Em reo to:

— Nhớ ra rồi!

Chi nhìn em bằng đôi mắt van lơn:

— Kim nói đi... Chi nóng ruột lắm!

— Ông nội Chi có quen một thân sĩ, Chi còn đợi gì mà không viết thư đề nhờ giúp đỡ.

Chi mừng rú lên vì sung sướng. Em thấy trong em dâng lên một nỗi buồn tê lạnh. Em không thể đề những tình cảm non yếu ấy bóp nát tình yêu của em đối với nàng. Em muốn

giúp đỡ nàng, em phải xoá những ý nghĩ nhỏ nhen đề cuộc ra đi của Chi được thành tựu.

Có lẽ em giúp đỡ cách này thì Chi sẽ được gần Đào nhanh chóng hơn. Em sẽ nhờ Ba em giúp đỡ. Vì Ba em quen bà Phong; nhạc mẫu ông viện trưởng.

Vào một buổi sáng, em đến nhà bà ta. Em đã táo bạo hơn bao giờ hết. Vì bản chất em ít nói, sợ giao thiệp. Nhưng với Chi, em đã say sưa giúp đỡ. Em đã tới một gia đình quý phái trong vùng mà em không biết sợ hãi. Có lẽ chỉ vì yêu Chi nên em đã thắng được bản chất nhút nhát ấy.

Bà Phong đã đón tiếp em niềm nở. Bà hứa với em sẽ giúp đỡ mọi chuyện.

Vài tuần sau, Chi nhận được tin mừng. Chi sung sướng đến chảy nước mắt.

Em sung sướng trong cái sung sướng của nàng Chi một lát thôi, em lại thấy buồn ngay.

Chiều nay em thấy cô độc quá! Giận Chi? Giận Đào? Em thấy ý nghĩ ấy quả thật vô lý? Chi làm gì nên tội? Tại sao em

lại có ý nghĩ điên khùng vậy?

Giờ phút chia tay, em thấy ngậm ngùi khi phải xa nàng vĩnh viễn. Em đứng tần ngần nhìn con tàu đi khuất trong hàng cây, lòng em trống rỗng mênh mang...

Em thầm nghĩ: yêu là khổ....

Sau một thời gian em không nhận được thư nàng. em chỉ còn dĩ vãng... Có lẽ Chi đã quên hẳn em. Còn em vẫn sống chung thủy với nàng. Dù em ít gửi thư cho nàng, nhưng tâm trí em luôn luôn nhớ đến nàng.

Một hôm, em được tin Chi đau nặng. Em lên thăm giữa lúc nàng đang mê man trên giường bệnh. Đào ở xa nên không về thăm Chi được. Em thương nàng, ứa nước mắt.

Trước giờ hấp hối, nàng nắm tay em, nói qua hơi thở:

— Kim... Kim... th...a...l...đ... cho Chi...

Kim Kề đến đây, bỗng nhiên giọng nàng hạ thấp xuống:

— Em mệt quá, chị ơi!

Mắt Kim trợn ngược, mồ hôi ướt đầm trên khuôn mặt khô héo. Đầu Kim ngẹo sang phía trái, trút hơi thở cuối cùng....

★

đôi giòng tâm sự gửi các bạn Quỳnh Dao

Chợt thấy trăng vàng điểm liễu xanh
Đêm nay thơ rượu náo sân Quỳnh
Muốn say giấc điệp nhờ đôi cánh
Đề lướt trùng dương tỏ chú! tình
Chén ngọc men xưa còn ấp ủ
Vườn đào nghĩa nặng vẫn đình ninh
Rằng quên? rằng nhớ? ngoài muôn dặm
Chẳng biết rằng ai có nhắc mình!

★ VÂN-NƯƠNG nữ sĩ
(Tunis, 16-6-65)

kính họa

Cánh nhạn tung trời lướt biển xanh
Trao tơ ngọc bích trải hiên Quỳnh
Vườn thu rào rạt giòng thi tứ
Cánh mộng băng khuâng khúc nhạc tình
Chốn ấy hoa dâng đài điểm lệ
Nơi này sao kết chữ an ninh
Tròn trăng lại điểm màu thương nhớ
Ngàn dặm đan mơ gửi nỗi mình!

★ PHƯƠNG-ĐÀI



NON NƯỚC VIỆT - NAM

C Â Y
D Ì A

★ Vĩnh-Đạt

TỜ-Quốc Việt Nam gồm vốc
Giang sơn Việt Nam hùng
vĩ, có muôn ngàn cây lá
khác nhau, cây nào cũng đẹp,
cây nào cũng quý, nhưng chỉ
có dừa là nguồn lợi duy nhất,
phát đạt nhất trong nền
kỹ nghệ Việt Nam;

Dừa Việt Nam tươi đẹp cảnh
muôn màu,
Muôn vạn vật sống chung bầu
năng mới!

Thân dừa to cao vạm vỡ
như những chàng lính biên-
thùy, dừa sinh hoa nảy quả,
xoay tàn nảy lộng in hình trên
mặt nước giòng sông, phủ
kín trên đỉnh chùa miếu vũ,

trên làng, bản xóm, thôn tăng thêm vẻ đẹp hùng-vĩ đất nước của một dân tộc đã có hàng năm văn-vật trong lịch-sử thiên-trường của nhân-loại.

Dừa là một loại cây dễ trồng, dễ sống, đối với miền nhiệt đới, bất phân cao hạn đối với kẻ cùng đình, thông cảm với người không có tác đất cắm dùi, dừa vẫn sống tươi tốt ở góc vườn trước ngõ, dưới mái nhà lá đơn sơ, đượm thêm tình tri-kỷ, đẹp thêm cảnh công hầu, nên tục ngữ có câu :

*Thiếu đất trồng dừa,
Thừa đất trồng cau !*

Mỗi một năm, gió nam về, lá dừa chuyển động ri-rào, khi trời nóng bức như đổ lửa là mùa dừa dền ; nước dừa rót vào lòng mọi người như những lời an-ủi của kẻ nhân-tình, giữa lúc thân hình đang còn nóng sốt, dừa thật là một vị ân nhân vô cùng quý hóa.

Ái nhìn vào rừng dừa chẳng chép miệng khen thắm ; dừa san sát vào nhau ngay hàng thẳng lối, có những cây cao chót vót chọc thủng trời xanh, đương đầu trước gió hàng mây

chục năm, cũng có những cây la đà chưa quá đầu người đã nao mình uốn cong mang đầy những quả, tựa hồ như người đàn bà Việt-Nam chưa bao lâu tuổi, thấp lè-đé đã thất lưng buộc bụng để chịu chồng nuôi con.

Mỗi một lần người ta hái quả, leo gốc này xuống cây nọ, lao mình trên đợt dừa như con nhện giăng tơ, hái dừa một lần không phải là ít, chắt thành những mái nhà to, sánh bằng những hòn núi nhỏ. Dừa trông xanh mượt tròn trĩnh dễ thương như nường Công chúa đương tơ.

Dừa đi khắp đây đó trong toàn quốc, cũng có lắm lúc dừa vượt trùng dương qua tạ lòng các nước bạn láng giềng gọi là vật thổ sản. Dừa lăn tròn trong lòng bàn tay người lái buôn, chuyển từ người này qua người nọ, đều đều như guồng máy chạy, như chiếc thoi đưa trong khung dệt, kéo thành một dây người dài đằng đằng.

Đất nước Việt - Nam giàu sang quý hóa, Tổ Quốc Việt-Nam có muôn ngàn cây ăn quả-

mít, chuối, thơm, dưa, sấu-riêng, vú sữa hàng vạn gỗ quý : trác, lim, kiền-kiền, sến, ngán, nhưng chỉ có dừa là giống cây tổng-hợp thông-dụng nhất có kém gì tre, nứa, trúc, mai, vầu. Dừa là kẻ đặc công đối với người, lúc nhắm mắt xuôi tay, vùi thân nơi ba tấc đất cũng lây dừa mai táng yên thân, cho đến cái tuổi ngầy thơ lọt lòng mẹ nằm trên chiếc võng dừa, thoáng qua làn gió nam mát rượi bên hơi ấm của mẹ hiền cũng đều là dừa tát.

Con ơi con ngủ đi con

Dây dừa mẹ tiếp đương còn say

sưa-

*Công đâu công thiếu công thừa
Công đâu gánh nước tưới dừa
Tam Quan*

Lúc lớn lên, dừa lại giúp cho các em trăm ngàn kiểu chơi giải trí : kéo dây, chạy chông, chơi đu hàng ngày như cơm bữa. Nhớ lại tuổi ngầy thơ quay lây cành do-do bằng lá dừa thay cho tiếng động cơ hòa tiễn mà các em say sưa ham muốn nhất. Nay động cơ thật đã về, hòa tiễn thật đã dền, các em hãy cố gắng chen vai lên, điều khiển lấy nó, xử

dụng lấy nó, tương lai các em như hào quang sáng rực.

Ái về nơi Bình-Định, Bền-Tre, Bạc-Liêu, Rạch-Giá cũng phải mê ly với tình, ngán ngơ với cảnh, ngã người ra với cái tuổi dậy thì, họ nỉ non cùng nhau dưới bóng dừa lồng trong ánh nắng mùa trăng vô cùng say đắm đê mê.

Lá này xô bánh phu-thê

Mai về với liễu, em về với anh !

Ở miền thôn giả lây thân dừa nổi sông, bắc lệch cho làng trên xóm dưới qua lại gần nhau trao đổi cho nhau nỗi niềm âu-yêm tâm-tư, nhịp cầu nổi lại xóm làng, nổi lại tình thương, nổi lại từng khúc ruột cho nhau :

Yêu nhau cỡi nón cho nhau,

Về nhà đổi mẹ qua cầu gió bay !

Hàng mây thế kỷ nay người dân Việt-Nam sống trong lòng bàn tay giặc Minh, giặc Thanh đến giặc Pháp, thất gia vong bản lây góc dừa xô chợ làm nơi nhắm mắt ngay lưng bước qua đêm năm canh tàn lạnh.

Dừa đời đời kiếp kiếp sống chung với người dân Việt-Nam, sống chung với người lâu son gác tía, sống chung với kẻ chiều đất màn trời. Chặt một cây dừa dùng vào muôn

CÂY DỪA

nghìn công việc khác nhau: dây dừa, nón dừa, đệm dừa, gáo dừa, chổi dừa, đèn cả đôi quang giản tiện cũng bằng dừa. Các chị đi chợ đường xa về, đầu đội nón dừa, chân đi dép dừa, nghỉ mát dưới bóng dừa, uông vào một ngụm nước dừa vô cùng là khoái trá no nê.

Các cô thôn nữ dưới mái tóc thế lầy dầu dừa làm bạn cõ tri hàng ngày chải chuốt mái tóc to càng thêm bóng mượt.

*Cha là mẹ mắng không chừa
Dầu dừa em chải từ xưa đến giờ*

Dừa là giống cây ăn quả, đến lúc già nua lá tàn hoa dại, dừa lại thành một loại gỗ quý cứng rắn, bóng loáng có kềm gì trặc gỗ. Ở xứ dừa người ta dựng lên một cái nhà lá có thể xử dụng hoàn toàn bằng dừa cũng đủ, kèo dừa, cột dừa, bàn, ghế dừa, đèn cả que tấm, đôi đũa bếp xới cơm cũng bằng dừa. Lá dừa không những để lợp nhà mà lại còn làm mũ nón

đan đệm buồm, đi thăm chân trời mặt bể, dò rún biển trùng dương thường gọi là neo dừa.

*Em tôi tiếp sợi dây dừa,
Thăm dò rún biển có vừa nông sâu!*

Dừa lên rừng xuống biển, vào thành thị, nông thôn. Dừa ăn ở với người đời đời kiếp-kiếp. Dừa là cánh tay của người ngư dân chài lưới, chém sóng, bừa gió, giản mình trên mặt bể giông sóng, như chiếc lá tre lênh đênh trên mặt phá Tam Giang, trên mặt hồ Tông-Lê-Sáp, thế mà người ngư dân Việt Nam dù can-đảm tay lèo, tay lái, thay cho máy cho xăng, chèo chọi với sóng gió ba đào, bắt về hàng ngàn thứ cá lớn bé. Ngày lại, ngày qua, người mẹ, người vợ đầu có yên lòng khi chồng con mình đang đôi đôi máu đơm lây bát cơm đầy nuôi sống gia đình sung túc.

*Nhìn ra ngoài biển cù-lao
Thấy buồm anh chèo như dao cắt lòng!*

CÂY DỪA

Vào những mùa mưa nước lớn hay lụt lội thiên tai nguy-cấp, người ta lấy thân dừa ghép lại làm bè để cứu người vượt cửa. Trên một chiếc bè còn con nào cha, nào mẹ, nào vợ, nào chồng và một đàn con cháu chắt-chịu, bám lấy thân bè mà sông, mạng người mỏng manh gói gắm cho thân dừa nhỏ bé, ngạo-nghe nổi bênh bóng trên mặt nước bao la quờn-quợn chảy.

Ôi! Lúc lâm nguy mới biết cây dừa là quý!

Chiếc thảm dừa xinh đẹp, nổi bật trên món hàng xuất cảng Việt Nam. Cái máy đánh dây dừa giản-tiện chỉ có mấy người quay với trái khè ăn giầy thô-sơ trong vại chồc lát đã làm thành sợi dây dừa dài hàng mét, mà viễn-khách các nước ngoài khen nức nở:

« Người Việt Nam vô cùng văn minh cần cù và nhẫn nại». Mà thật vậy, người Việt Nam có một đức tính cần cù nhẫn

nại làm sao, chỉ có mấy cái lá dừa nhỏ bé, với cái xương tre đã ghép thành một chiếc nón dừa xinh đẹp, che nắng đỡ mưa, thật là một việc kỳ công nằm trong muôn ngàn công việc khác nữa.

Chiếc nón găng dừa đứng đĩnh trên mái đầu tóc bạc, lấp lánh trong ánh nắng ban mai, ung dung tiên bước trên đất nước tự do dài vô hạn, càng tăng thêm vẻ đẹp bản chất dân tộc hàng mây đời nay không phai nhạt, không mờ đi theo di vãng hay sức đồng hóa của nước ngoài tràn vào.

Người dân Việt Nam có những bàn tay khéo léo lạ lùng thay, trong một quả dừa đã làm nên muôn hình vạn vẻ; thắm dừa, hộp dừa, mút dừa, bánh dừa, cái bình tích-thủy giản-tiện cũng bằng dừa thật là tuyệt-mỹ.

Trong các kỹ nghệ ép lấy dầu nấu xà-bông, còn xác nuôi

Tăng-cường sinh-lực

BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPĐC.

Tăng-cường sinh-lực

BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPĐC.

CÂY DỪA

lợn hàng mấy chục con béo nùng nục. Dấu dừa đu chu cấp cho toàn quốc hàng năm vẫn thừa ra xuất cảng ở nước ngoài.

Nước dừa là môn thuốc sérum cứu muôn người thiếu máu, cứu vạn kẻ chiến binh đổ máu lên đầu giặc; cũng có lắm lúc lây sợ dừa thay thế đầu lâu, vài cái xương dâu thay vong mạng cho muôn hồn chiến sĩ vùi thân nơi bãi chiến trường. Dừa chia buồn, rớt khổ cho kẻ mất người còn; Dừa là tim, là sợ, là máu, là xương của người, trọn đời sát kẻ bên người dân Việt.

Dừa với ta cùng bầu nhiệt huyết!

Ta với dừa sống chết vẫn có nhau!

Chiếc hỏa - mai dừa tiễn bước dẫn đầu của chàng lính Thú châm ngòi súng đại bác Thần Công phá tàu giặc, giữ lấy rừng dừa, giữ lấy Giang-

Sơn Tô-Quốc Việt Nam cho trọn chữ thủy chung dừa Việt.

Cái thời buổi văn minh thô cụ, súng đại bác châm ngòi dưới Triều Hàm-Nghi, Tự-Đức đã qua rồi, chàng lính Thú cấp chiếc hỏa mai dừa ngày nay không còn nữa, mà đã trưởng thành một đoàn quân hiện đại; thủy lục không quân, có súng bóp cò một lần nhả hàng ngàn viên đạn; có tàu chiến phân lực cơ, có vệ tinh nhân tạo, đã tiến lên một thời đại văn minh cực kỳ nguyên tử.

Mỗi một lần đất nước suy vong, hàng ngàn người, triệu triệu người dân Việt đều tiến lên giữ lấy rừng dừa, giữ lấy giang sơn Tô Quốc Việt-Nam. Nhất định không để cho một kẻ thù nào, một lực lượng nào áng ngự trước con đường sinh tồn của giống dừa đáng quý. của dân tộc Lạc Việt anh hùng.



CÁO LỖI

Vì nhà văn Thiếu-Sơn bạo bệnh thành linh, nên loạt bài «Người Chiến Quốc» phải tạm gác lại kỳ này. Số sau sẽ tiếp tục. Mong bạn đọc thông cảm. Xin đa tạ.

Phổ-Thông

tại sao
người ta
quý

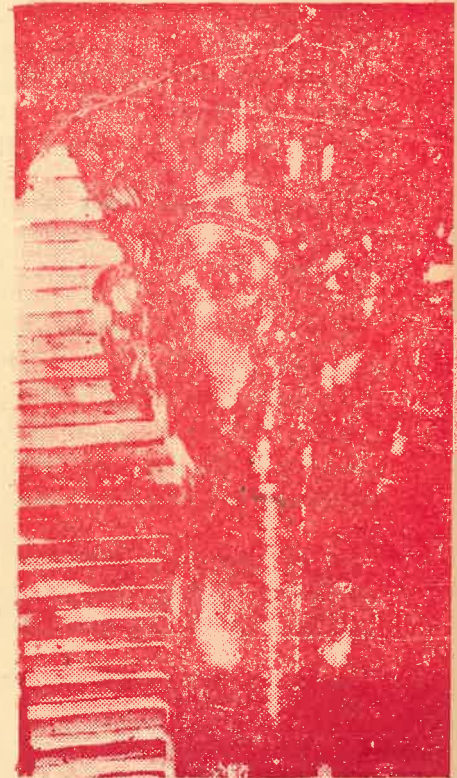
Mười 8!

V À N G

?

★ ĐIỀU-HUYỀN

Tượng bằng vàng của
Tout-Anch-Amon, vu u
Al-Côp,
(1354 — 1846 trước J.C.)



C

HIỆU chủ-nhật mưa gió toi-bời, cô « Cava » lấy Mỹ ở hàng xóm sang nhà ông Tú. Nhờ một nụ cười toe-toét chào bà Tú, và hỏi :

— Thưa Bà, bà có thuốc cúm, cho em xin một viên...

Bà Tú vốn không ưa giao-thiệp với mấy cô vợ Mèo, nhưng cũng vội-vàng vào tủ thuốc lấy mười viên Ascyll ra đưa cô nường. Cô ta không đi về, còn lân-lã trò chuyện :

— Thưa bà, mấy hôm nay vàng lên giá, chắc bà cũng biết ?

Bà Tú mỉm cười :

— Tôi không được rõ.

— Dạ, mới bữa trước tám ngàn một lạng, sáng nay vàng lên tám ngàn rưỡi...

— Cô buôn vàng ?

— Dạ thưa bà, không nói giấu gì bà, trước kia hề có tiền là em sắm nữ-trang, năm nay em có nhiều nữ-trang rồi em lại ham mua vàng lá. Đề làm của, chớ em không thích gởi tiền vô nhà băng.

Bà Tú đoán chừng cô vợ Mèo giả vờ qua xin thuốc cúm để có dịp khoe của (cô chả khoe với

chị bếp ở nhà bên cạnh là cô lấy chồng Mỹ được nó cho mỗi tháng ba-bốn chục ngàn đồng là gì!) và cô tra đeo các món nữ-trang bằng vàng chói rực cả cổ, cả ngực, cả tay.

Thấy bà Tú không chú-ý đến giá vàng và các món nữ trang lộng lẫy của cô, cô vợ Mỹ cảm ơn bà Tú về mấy viên thuốc cúm rồi lễ phép chào ra về.

Một lúc lâu, bà Tú ngồi đan áo len, hỏi ông Tú :

— Tại sao người ta ham sắm vàng thế, Minh nhỉ ?

Ông Tú nằm võng xem sách, trả lời lơ đãng :

— Có kẻ ham cũng có kẻ không ham, chớ bộ !

— Nhưng đa số loài người đều quý vàng, từ các vị vua chúa, các bà Hoàng hậu, đến, các cô gái bar. Họ hãnh diện có nhiều vàng, thích đeo nhiều vàng trong mình, cất nhiều vàng trong tủ, cho đến đổi họ chém giết nhau để cướp vàng, phiêu lưu mạo hiểm để đi tìm vàng, và từ xưa đến nay trên mặt đất đã xảy ra biết bao nhiêu những chuyện «vàng và máu» hãi hùng ghê rợn... Tại sao thế hả Minh ? Vàng có mãnh lực gì mà gây ra cho lòng người bao nhiêu điên đảo thế ?

Ông Tú bỏ sách xuống võng

MINH ƠI, VÀNG

nhìn bà Tú, tủm tỉm cười :

— Vàng cũng làm cho một thiếu phụ đang ngồi lặng lẽ đan len, bỗng trở nên hùng hồn khi nói đến chuyện Vàng !

— Em không đùa đâu nghe, bà Tú phụng-phịu nói. Minh không thích nói chuyện với em thì thôi, chớ đừng ngạo em nghe !

Ông Tú tiếp-tục giọng khôi hài :

— Vàng còn có năng-lực rút quyền sách trong tay một kẻ bần-sĩ đang đọc say mê, để bắt hắn phải trả lời câu hỏi của vợ : « Minh ơi, tại sao người ta quý Vàng ? ». Và đây, kẻ bần-sĩ xin trả lời ạ.

Bà Tú tủm-tỉm cười ngồi nghe, trong lúc ông Tú châm thuốc hút rồi nói :

— Vàng được quý hơn tất cả các loại kim-khí khác, bởi vì nó đẹp và nó hiếm lắm. Từ thời thượng cổ, nó đã có giá-trị đặc-biệt của nó rồi. Ngày nay, tuy giá nó vẫn còn cao, như ở Sài-gòn đây hai miếng rưỡi vàng-lá mỗi miếng bằng hai ngón tay, dày độ một millt-mét, cân nặng một lạng trị-giá tới 8, 9000 đồng bạc Việt-nam, nhưng vẫn có nhiều người mua được dễ-dàng. Chứ

thời xưa chỉ có Vua Chúa ở các nước giàu mạnh là có vàng mà thôi : ở Lydie (Tiêu-Á), Macédonie (Hy-Lạp), Ba Tư, Ai Cập, Ấn-Độ. 2000 năm trước J.C. các nước ấy đã sản-xuất các nữ trang bằng vàng, nhưng giá đắt lắm, chỉ làm của riêng cho một thiểu-số các nhà quý tộc. 2 thế kỷ-sau J.C. các mỏ vàng ở các xứ trên kia đã bị đào hết sạch. Số vàng bắt đầu hụt và giá vàng lại vọt lên. Các nước Tây-Âu (Pháp, Đức, Ý, Anh v.v...) không có vàng, phải mua vàng nhập cảng từ các xứ kia với một giá cao không thể tưởng tượng. Thế-kỷ XIII, vàng Soudan xuất hiện (Phi-Châu) được nước Ý mua về đúc ra tiền vàng (ducat, florin). Thế-kỷ XV, người Bồ-đào-Nha đi mạo-hiểm sang Tây Phi-châu, khám phá được các mỏ vàng ở Guinée, và đồng thời Christophe Colomb tìm ra châu Mỹ. Thế kỷ XVI, người Espagnols (Ý-pha nho) tìm được rất nhiều vàng, và từ năm 1521 đến 1660 họ chở từ các thuộc địa của họ ở Mỹ-quốc và Mexico về xứ họ đến 200 tấn vàng !

Thế rồi bắt đầu cuộc chạy đua của người Tây-Âu phiêu-lưu mạo-hiểm đi tìm vàng khắp các nơi xa lạ.

MÌNH ƠI, VÀNG!

họ khám phá và khai thác nhiều mỏ vàng quan trọng: năm 1848 ở California (Mỹ), 1851 ở Australie (Úc), 1886 ở Transvaal (Nam-Phi-Châu) và ngày 17-8 1896 ở Klondike (Canada, Giannã-Đại). Chính cuộc chạy đua chụp-dựt tìm mỏ vàng rất lớn này đã làm đề-tài cho cuốn phim hài-hước trứ danh *La Ruée vers l'Or* (chạy đua kiếm vàng) của Charlie Chaplin.

— Ai chạy đua kiếm vàng, hả Minh? Sao lại phải chạy đua? Em không hiểu.

— Đề anh kể một vụ khám phá mỏ vàng ở California làm điển-hình, cho em nghe. Đây là một tài-liệu lịch-sử chứ không phải xi-nê, hay tiểu-thuyết. Một buổi chiều nắng đẹp, tháng 2 năm 1848, Johann Augustus Suter, người Thụy-sĩ, chủ đồn-diền ở California, viết thư cho một người bạn học cũ ở thành phố Lucerne, Thụy-sĩ. Anh kể cuộc phiêu-lưu phi-thường của anh vì nghèo túng ở quê nhà, tìm đường qua Mỹ-châu để làm ăn. Sau mấy năm lưu-lạc đó đây, anh đồ bộ được trên một vùng đất

rộng ở vịnh San Francisco lúc bấy giờ còn bỏ hoang, chưa ai khai thác. Anh chiếm lấy khu đất ấy, trồng-trọt, nhất là trồng nho, và các loại cây trái. Anh bán nho, bán trái cây cho các thành phố lân cận, rồi nuôi bò, nuôi ngựa, dần dần mở rộng thành một đồn-diền phi-nhiêu, mà anh đã mướn gần một trăm công nhân để giúp việc... Cuối thư, anh viết: « Tôi đang thành một người giàu nhất thế-giới... » Anh viết đến đây, thì bỗng đứng một người phu đồn-diền của anh tên là James Marshall, xô cửa chạy vào, vừa thở hồn-hẽn, vừa cười, đưa anh xem một cục vàng to bằng nắm tay. Marshall ghé miệng nói thầm kể tai anh: « Ông chủ ơi, tôi đào đất để trồng nho trên gò Coloma, tự-nhiên thấy một cục vàng đây này! Tôi lượm về cho ông coi, nhưng còn nhiều vàng lắm. Chắc có một mỏ vàng ở đó, ông ơi! ».

Suter mừng rú lên, rồi, trước khi phi ngựa lên gò Coloma, anh lấy bút viết vội vàng thêm mấy câu trong thư gửi người bạn



Một thoi vàng của Pháp quốc Ngân hàng, nặng 12.500, gờ ram giá 6.950.000 francs cũ.

ở Thụy-sĩ : «... bạn thân nhất của tôi ơi, trong lúc tôi viết đến đây thì một người phu của tôi tìm được một mỏ vàng lớn nhất thế-giới, ở ngay trong đồn điền của tôi... Ô, tôi sẽ là ông vua Vàng của thế-giới... Sang đây với tôi, mau lên, bạn ! »

Cái tin đó không những đã đồn qua đến Thụy-sĩ, mà nhanh như làn thuốc súng, nó tràn lan khắp nơi nơi ở Mỹ-Châu và Phi-Châu. Thế rồi trong vòng vài ba tháng sau, không biết người ở đâu mà đông thế, lũ-lược kéo đến San Francisco, tìm « mỏ vàng to nhất thế giới ».

Cuối năm 1848, số người đến đó tìm vàng đã 4000, sang năm 1849 con số ấy lên tới 100.000 người ! Dù các hạng người, dù các màu da, nói đủ các thứ tiếng. Vì họ đồn nhau và biết rõ rằng đất này là đất hoang, đồn điền của ông Johann Suter không có giấy phép khai-khẩn của chính phủ Mỹ, nên mạnh ai nấy đến đòi quyền sở-hữu-chủ sau khi vận-dộng được một giấy phép tìm vàng mà một vị công-chức nào ở Washington hồi đó cũng có thể cấp cho được. Đồn-điền của Suter bị phá tan-hoang, bị đào, bị cuốc,

bị xén, bị bươi, khách kiếm vàng đánh nhau từng tấc đất. Và đây mới thật là đúng theo câu ca-dao Việt-nam : « Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu ! »

— Thế ra ở đó có mỏ vàng thật hả ?

— Không những ở gò Coloma, mà ở khắp cả khu đồn-điền của Johann Suter và rộng hơn nữa, cách bờ biển San Francisco chừng 200 mét. Đây đúng là một trong những mỏ vàng lớn nhất thế-giới, và nhờ nó mà San Francisco ở California đã trở nên một thành phố lớn và giàu nhất của Hoa-kỳ. Năm 1853, mỏ vàng San Francisco sản-xuất được tới 90.000 kí-lô !

— Còn ông chủ đồn-điền trồng nho Johann Suter có được hưởng gì không ?

— Làm gì còn đồn-điền trồng nho của Suter nữa ! Chính những người phu giúp việc cho anh ta cũng bỏ chủ, đề lo đi kiếm vàng đầy túi riêng của họ. Suter có bao nhiêu vốn liếng đều bỏ ra hết để thuê luật-sư kiện thành phố San Francisco, đòi quyền sở-hữu-chủ của anh, và đòi tiền đền-bù, đòi chia phần vàng, nhưng vì anh khai-thác đất ấy mà không có giấy phép, nên vụ kiện kéo dài mấy

năm, anh vẫn chẳng được gì cả. Rốt cuộc, anh bị phá sản, không còn một xu dính túi...

Bà Tú lắc đầu, chắc lưỡi, tỏ vẻ thương hại :

— Trời-dắt-cha-mẹ ơi ! Đáng lẽ ông ta thành tỷ-phú, thành « ông vua Vàng của thế-giới » như ông ta đã nói, mới phải chứ. Minh nhỉ !

— Em biết sau Suter chết cách nào không ? — Một hôm, một người già ốm, áo quần rách-rối, nằm chết xiu trước Hạ-nghị-viện Mỹ, vì bệnh đau tim...

— Người đó là Johann Suter ?

— Ừ.

— Còn James Marhall, người phu đồn-điền đã tìm ra cục vàng đầu-tiên ở gò Coloma ?

— Anh này cũng thành người diên, tối ngày đi lang-thang trên các đường phố Thủ-đô Washington, miệng cứ la lên : « Vàng ! Vàng ! Chỗ nào cũng có vàng ! » Sau cùng anh bị Cảnh sát bắt vào nhà-thương diên, và tàn cuộc đời ở đó !

— Tội nghiệp nhỉ ! Có thể như thế được ư ?

— Nhân nói đến những cuộc phiêu lưu tìm vàng, ở Việt Nam

ta có một nhà văn hào vì đi tìm vàng mà chết ở xứ người. Đó là Nguyễn - văn - Vĩnh, dịch giả *Truyện Kiều* ra Pháp văn và chủ nhiệm báo *L'Annam Nouveau*, ở Hà-nội. Năm 1936, bị nợ - nần nhiều quá, ông đóng cửa báo, cùng đi với một nhà báo Cách mạng Pháp, Amédée Clémenti, sang Lào để tìm vàng. Nhưng đến Savanna-khet, chưa tìm ra được vàng thì Nguyễn-văn-Vĩnh đã chết.

— Nguyễn-văn-Vĩnh, tác giả những tập *thơ ngụ ngôn* đó, phải không Minh ?

— Ừ. Và dịch giả của bộ truyện vĩ-đại *Les Misérables* của Victor Hugo ra Việt-văn.

— Tội nghiệp quá nhỉ !

— Trở về thời Thương cò, có một vị Đại Hoàng Đế, chỉ vì tham lam kho vàng của Ba Tư mà mất cả một Đế-quốc rộng lớn. Đó là Crésus, Hoàng đế xứ Lydie, gồm cả vùng Tiểu-Á, ở phía Đông Cỏ Hy-Lạp (560-546, trước JC). Ông có một kho vàng giàu vô số kể. Ông cũng là vị Hoàng đế đầu tiên đúc ra tiền vàng có khắc huy hiệu của ông trên mặt đồng tiền : một đầu sư tử và một đầu bò tót, tượng trưng sức mạnh của đế quốc

Lydie. Một hôm, vua hỏi nhà Hiền triết **Solon** của Hy Lạp. (640-558 trước J.C.): «Ngài có thấy trong thiên hạ ai giàu và ai sung sướng hơn Trăm không?» Solon đáp: «Ta chờ đến khi Hoàng-đế chết rồi ta sẽ trả lời, vì người giàu có nhất và sung sướng nhất có thể bị một cái chết khốn khổ và đau đớn nhất.» Vua Crésus tỏ vẻ không bằng lòng câu trả lời ấy. Sau đó ít lâu, nghe đồn vua Cyrus của xứ Ba-Tur phú-quý hơn ông và có một kho vàng giàu hơn, Crésus muốn kéo quân đi đánh Cyrus để chiếm kho vàng ấy. Trước khi ra đi, ông đến cúng Nữ-Thần Pythie ở đền Delphes, (Hy-Lạp.) có tiếng là rất linh-thiên. Nhà Vua xin Nữ-Thần một quẻ: đi chuyến này sẽ thắng trận không? Nữ-Thần Pythie trả lời bằng câu Sấm: «Cứ đánh, nhà ngươi sẽ làm tiêu-diệt một đại đế-Quốc». Crésus mừng quá, hăng-hái kéo quân sang xứ Ba-Tur đánh vua Cyrus để chiếm kho vàng, tưởng thế nào cũng ăn chắc. Nhưng ông thất bại, bị vua Ba-Tur bắt sống và bị hỏa-thiêu. Trên giàn hỏa, Crésus nhớ lại lời sấm linh-ứng của Nữ-thần: « nhà ngươi sẽ

làm tiêu-diệt một đại đế-Quốc », thì ra đó chính là đế-Quốc rộng lớn của ông, chứ không phải đế-Quốc Ba-Tur!

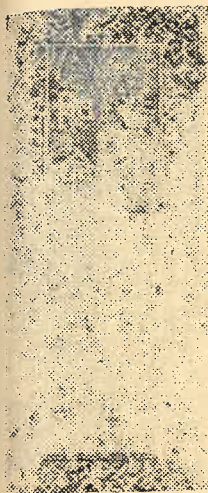
Bà Tú réo lên:

— Ô, chuyện này hay quá, Minh nhi! Lý-thú ghê!

Ông Tú mỉm cười:

— Chưa! Để anh kể nốt...

Hai thế-kỷ sau, Đại-đế **Alexandre**, vị anh-hùng trẻ tuổi của Hy-Lạp. (356—323 trước J.C.) sang đánh Ba-Tur, đốt cháy kinh-đô Persépolis, đốt cả Cung-điện nguy-nga của vua Darius, và lấy chở về Hy-Lạp tất cả kho vàng ví-đại của Ba-Tur: 1 triệu ký-lô vàng. Phải 20.000 con lừa và 500 con lạc-đà mới chở hết kho vàng ấy, sau khi đã phân-phát cho binh-sĩ của ông mỗi người một bao vàng. Thế là Đại-đế Alexandre đã trả được cái thù cho Crésus. Lúc đó, Alexandre mới có 24 tuổi. Nhưng hình như vàng của Ba-Tur có một đấng Linh Thần, đề báo thù trở lại. Số vàng kết-xù kia đem về Hy Lạp bị xài phí tàn-mác hết tại Hy Lạp, Tiểu Á, Ai-Cập, Macédoine, rồi dần dần dồn về La-Mã. Đế-Quốc La-Mã lại đem vàng đó đi vung-phí khắp Âu-Châu, Á-Châu, để mua



Một thoi vàng cũ đời vua Minh-Mạng, trên mặt có khắc hai giòng chữ Hán: « Minh-Mạng thập lục niên thông, Hoàng kim ngũ-thập lượng... »



↑ Một đồng vàng cũ đời vua Crésus, trên mặt có khắc một đầu sư tử và một đầu bò tót đối diện.



← Đãi vàng ở Australie.

hàng hóa nhập cảng. Rốt cuộc mấy thế kỷ sau, La-mã suy sụp; cũng không còn một lạng vàng nào của Ba-Tur cả.

— Còn Đại-Đế Alexandre thì sao, hử Minh ? Chắc ông ấy giàu nhất thế-giới hồi đó nhỉ ?

— Đâu có, nhà vua anh hùng ấy chưa kịp xài một chỉ vàng nào mà ông đã lấy được của vua Darius, Ba-Tur. Ông chưa về Hy Lạp, còn đi chiếm đất đai đến Ấn-độ, làm chúa tể cả một vùng rộng mênh mông từ Ấn-độ đến Syrie, Hy-Lạp, qua tận Ai-Cập, đến Alexandrie. Năm 323, ông tạm đóng đô tại Babylone, và ngày 13 tháng 6 ông chết vì bệnh thương hàn, 8 năm sau khi vơ-vét kho vàng của Darius.

Bà Tú nghiêm nghị nói :

— Minh à, em cho là có một vị Linh-Thần Ba-Tur giữ kho vàng của vua Darius, và vị Thần này bề cớ Đại-đế Alexandre để trả thù cho kho vàng của vua Ba-Tur đó, Minh nhỉ.

Ông Tú gật đầu :

— Một vài nhà sử học Ba Tư cũng nói như thế đấy. Xem trong lịch sử Thế giới còn vụ Espagne (tây Âu) chiếm đoạt vàng của xứ Mexique (Bắc Mỹ) hồi thế kỷ XVI cũng là một cuộc phiêu-lưu

nên ghi nhớ.

— Minh kể cho em nghe.

— Ngày 12 tháng 3 năm 1519, Herman Cortez chỉ-huy một đoàn quân viễn chinh của vua xứ Espagne gồm có 508 bộ-binh, 100 thớt ngựa, 13 con ngựa, 10 khẩu đại-bác, chở trên 11 chiếc thuyền buồm sang xứ Mexique để tìm vàng. Dân-chúng nơi đây lúc bấy giờ toàn là người Da-đỏ, cảm lòng chim đay dẫu và thân mình. Họ có một vị Hoàng - đế, tên là Montezuma đóng đô tại thành Mexico.

Sau hai tháng rưỡi đi dọc-dẫm đường sá, đội quân của Cortez đến Mexico, và đánh chiếm Kinh thành ngày 3-11-1519. Hoàng-đế Montezuma và quân-lính da-đỏ của ông bị quân-lính của Espagne đánh bại và bắt bỏ tù. Kho vàng của Hoàng-đế bị chiếm-đoạt, và 325.000 kí - lô vàng được Cortez cho đúc thành thoi để chở về dâng Vua và Hoàng-hậu Espagne. Dọc đường biển, một phần số vàng kia bị tên cướp biển trú-danh của vương-quốc Anh là Francis Drake chặn đánh để cướp vàng về dâng cho Nữ-Hoàng Elisabeth đầy duyên-

dáng. Tổng cộng số vàng cướp biển ấy là 400.000 thoi. Vua xứ Espagne dùng các số vàng của Mexique để đúc thành tiền vàng, gửi tiêu thụ khắp các xứ Âu-Châu, để nhập cảng hàng hóa. Nhưng sau cùng, Espagne không còn một thoi vàng nào, và từ một nước giàu có nhờ vàng của Mexique, Espagne đã trở thành một quốc-gia nhỏ nhất và nghèo nhất của Âu-Châu.

— Minh ơi, hiện nay nước nào còn sản xuất ra nhiều vàng nhất ?

— Nhiều nhất là xứ Nam Phi Châu sản xuất đến 70 phần trăm số vàng của thế-giới. Có những mỏ vàng ở đây dài đến 400 ki-lô-mét và sâu đến 3.000 mét. Thủ đô xứ này là Johannesburg; ở ngay trung tâm các mỏ vàng.

Rồi đến Canada (gia-nã-đại), Huê-Kỳ (U.S.A.), Úc (Australia) và Nga. Năm xứ trên đây sản-xuất 90% số vàng của Thế giới. Còn 10% là do các mỏ vàng nhỏ ở Pérou, (Nam - Mỹ), Ghana (Tây-phi-Châu), Congo.

— Nước Trung-Hoa không có vàng sao ?

— Không. Rộng lớn thế mà đất không có một chỉ vàng. Người Tàu xài toàn vàng của ngoại-quốc.

— Còn Việt-Nam ?

— Việt-nam mình có mỏ vàng Bồng Miêu, ở Quảng-nam, nhưng nhỏ và sản xuất chẳng được bao nhiêu. Thời kỳ Pháp-thuộc, Tây vét hết. Bây giờ cũng cạn rồi.

Bà Tú nhìn đăm-đăm những tấm gạch cũ trên nền nhà mới thuê ở ngoại-ô. Ông Tú ngạc-nhiên hỏi :

— Em nhìn cái gì vậy, em ?

— Minh ơi, sao những tấm gạch lót nền nhà này đều loang-lổ những chấm vàng lóng-lánh... Em nghi ở dưới đất nền nhà này có mỏ vàng ? ..

Ông Tú cười hà-hà, và làm bộ bí-mật, kể tai nói thầm với bà Tú :

— Em đừng nói to chứ, hàng xóm nghe hết còn gì? Đều chừng nào anh có tiền mua lại căn nhà này, tội mình sẽ cạy hết gạch ra để đào vàng... Chớ đừng làm như ông chủ đồn-diễn Suter ở San Francisco mà sau tội mình sẽ vô nhà thương Biên-Hòa, thì ưỡng cái đời lảm đay ! Nghen em ?

Bà Tú đánh yêu ông Tú một tát tay vào vai, và cả hai cùng cười rồ lên..., chấm dứt câu chuyện hoàng-kim !

★ Diên-Huyền

kỷ niệm



Ta hoàng-hốt tay ôm choàng dư-ảnh
Mà ghen-nhạo nước mắt mặn làn môi
Thưa quen nhau giờ đã quá xa rồi
Sao kỷ-niệm lẳng đềm về ray-rút
Người đi rồi, ta về đây khóc ngất
Tiếc thương người? Không trăm vạn lần không
Người vô-tình và thiếu cả thủy-chung
Ta cười tiếc làm chi tình-ái cũ
Mà trời hỡi! Lòng ta còn ủ-rủ
Quên làm sao, kỷ-niệm cũ giăng đầy
Ta một mình đi suốt buổi chiều nay
Tìm dư-ối xưa chúng mình sánh bước
E vòng Saigon, mưa vẫn buồn sụt sụt
Gọi tên người trong thảng-thốt thương đau
Chiều về đâu? Và mình sẽ về đâu?
Trương Minh-Giang qua cầu xa lẳng-lắc
Thuở yêu nhau, nào quên gì sang gặp
Sao giờ đây chợt dừng bước ngại ngần
Tay vô-tình vô nhàu nát chiếc khăn:
« Không, chẳng thể... Anh bạc tình quá đỗi »
Ta chẳng thốt với nỗi lòng hờn rồi
Người đào-hoa của nữ-giới mười phương
Ta dám đâu đem lòng dạ khinh thường
Đi mua chuộc một ân-tình vô-vọng
Xưa khờ-dại ôm đồm toàn ảo mộng
Người mỉm cười khinh bạc kẻ cuồng-si
Và lạnh lùng, người lặng bước quay đi
Ta đau đớn ê-chề, ôm mặt khóc...
Mưa vẫn ướt trên nẻo về đơn-độc
Chân vội-vàng, trốn ảo-ảnh theo sau,

✧ THƯƠNG-LAN
(Gò-Vấp)

vết thương

Đã bao năm qua
Nhìn cảnh rạch đôi sơn hà
Ôi vết thương đất nước
Loang lỗ trong lòng ta
Máu hòa lệ sa
Vết thương nhức nhối
Khắp quê hương hóa bãi chiến trường
Mẹ Việt Nam ơi!
Con bất hiếu để Mẹ yêu rên siết
Đề Mẹ yêu oằn-ọai giữa thương đau
Một ngày qua mau
Hai ngày qua mau
Chống gươm thề với hồn thiêng sông núi
Quyết góp tay xoa dịu hận-thù này
Làm cho hết cảnh
Xáo thịt nổi da
Ta băng bó vết thương lòng đất mẹ
Đề em ái lòng ta
Như tráng sĩ xưa nổi cựa chén quan hà
Một ra đi giả ơn nhà nợ nước!

✧ HÀN-LỆ-NGỌC
(Sài-gòn)



* Trần-Quán-Kiệt

(tiếp theo P.T. 157)

Dung vừa dứt lời, chợt từ góc phố thấp thoáng có bóng người. Họ ăn mặc xềnh-xoàng đi thơ-thần lại. Thỉnh thoảng họ lại phá lên cười, vô tình đến trước mặt hai người đang ngồi, đứng sững lại nhìn.

Một người rí tai tên kia dáng-dấp khả nghi. Tên đó dong dỏng cao, lưng hơi khòm xuống như vác bị gạo. Tên đứng nghe cũng xấp xỉ như hắn nhưng mặt choét lại, mắt lớn ra, đầu hằn lồi còi mấy sợi tóc vàng như người mắc bệnh gan mới mạnh.

Triệu thấy họ đứng lại, không nói gì đến mình, im lặng như hai cái bóng ma. Chung quanh thì từng dãy tường tối đen. Trăng chênh chếch soi ngoài ngã ba rộng rãi, tuyệt nhiên vắng bật người. Chàng hơi lo ngại, nhưng nghĩ sức mình không đến đòi yếu đuối lại sợ hãi trước bọn chúng. Nhất định đó là bọn bắt lương. Triệu tống mắt, hỏi :

— Các anh làm gì đứng trước mặt người ta vậy ?

Họ không nói, nắm chặt tay nhau đặt-dặt vài cái rồi ngửa mặt lên cười khần-khặc. Giọng cười như tiếng dưôi uoi rú lên phải hơn là giọng cười của con người.

Mỗi tên cười một cách khác nhau. Tên kia thì kéo giọng cười như cái răng cưa rít lên nghe khó chịu muốn vỡ ngực. Cả hai cười xong lại nheo mắt nhìn Dung một cái khiến nàng không chịu được, nói mau :

— Bắt lương !

— Tôi hay cô bắt lương. Tên lưng khòm hỏi lại. Nhưng bọn chúng không có vẻ gì gây gở cả. Nhìn như bọn hát tuồng.

Không chờ Dung trả lời, tên nọ kéo tên kia chập chững bước đi. Triệu và Dung nhìn thấy bộ vó cà-xiêu cà-veo đó không nín được cười.

Thật ra chúng là hai anh hề cải lương của một gánh hát nghèo, hát ở bên đình vừa xong, khuya quá nhưng vì đói rủ nhau kiếm cháo ăn lót lòng.

Triệu quay về phía cô gái, nhìn sâu vào mắt nàng, rồi khẽ nói :

— Em có cảm tưởng gì về đêm nay ?

— Anh muốn bảo chúng ta như đôi chim không ô ?

— Như đôi kẻ không nhà.

Dung ngược mắt long lanh tình tứ :

— Em hằng ao ước nhiều việc, nhưng cảm thấy khó khăn quá.

Nhìn nàng thương hại, Triệu hỏi :

— Có lẽ em buồn lắm ư ?

— Vâng, nhưng buồn hoài thét cũng chán cái buồn rồi.

Nàng tỏ dấu mệt mỏi lắm. Triệu đặt tay lên vai Dung. Khẽ hôn nàng, hỏi nhỏ :

— Em thường ao ước gì nào. Cho anh biết với, về tiền hay về tình yêu.

Dung lắc đầu, im lặng một khắc, rồi nói :

— Có lẽ cả hai... nhưng cũng có lẽ không phải thế.

Lấy làm lạ, trở mắt nhìn nàng. Triệu nói :

— Em có ý tưởng hơi lạ lùng, thế là làm sao ?

— Đôi lúc em muốn chết được.

Tiếng nói thật từ đáy lòng dậy lên khiến Triệu nghe mà cảm thấy thương nàng. Nếu ở một gia thế và hoàn cảnh khác, lời nói dịu dàng, nét mặt tuyệt xinh, trắng hồng đó, nàng là một người mà xã-hội gọi là nền nếp, là quý phái, là thiếu nữ lá ngọc cành vàng. Ừ ! không biết bao nhiêu lời đẹp trang hoàng cho những kẻ quyền quý. Và trái lại, những tiếng đàn điểm, vô học, gái hư thân mất nét trum phủ trên đầu những người xấu số. Và những tâm hồn nói là trong sạch, bây giờ không biết ăn vào đâu ? Triệu ngậm ngùi nghĩ đến hoàn cảnh đó thì Dung như có dịp bộc lộ cả nỗi đau đớn ê chề của đời nàng ra. Số kiếp vui nàng rơi xuống hố sâu đen tối. Số kiếp cũng do bàn tay, khối óc

hèn hạ của loài người tạo thành... Triệu im lặng nghe, nàng bắt đầu kể những gì nhớ lại...

Trời rải rác mưa mang theo những giọt nước mắt trong lòng Dung trào ra. Triệu im nghe. Trời khuya lơ khuya lác. Dứt câu chuyện đời người con gái. Triệu biết được nàng là một nữ sinh Đệ Tứ ngày trước, vì ham vui chơi. Bị bọn vong hồn hại gia đình bỏ vào nhà tu, sau này lại gặp cụ Tú-Bà. Mấy năm rút được kinh nghiệm đời sống mong vượt qua khỏi cảnh đó. Làm chiêu đãi để dành tiền gọi nuôi con và tương lai mù mịt đang bủa vây nàng.

Triệu chợt nghĩ về Nga. Thật vô lý Nga có một nhan sắc huyền hoặc thế nào khiến chàng mãi-mê đắm đuối. Triệu vừa bước chân ra khỏi cái nền nếp sống đã chạm ngay những người con gái bị đời ruồng rẫy đủ chuyện. Chàng đâm ra khó nghĩ. Mặc dầu cái mộng không là sự thật. Chàng với Nga nào có dính ước gì? Chàng cũng không hề bày tỏ lòng thâm yêu của mình đối với nàng. Có sao lại phân vân lạ lùng. Nếu tỏ lòng tha thiết với Dung thì nàng sẽ ngã ngay vào lòng chàng. Còn ý tưởng cưới Nga thế nào? Riêng về Nga chàng còn một địch thủ vừa a là bạn vừa a là tình địch. Triệu không muốn nghĩ gì nữa. Một mỗi chàng theo Dung trở về nhà nàng đêm nay. Triệu cũng không biết sau chàng theo Dung đến nhà nàng. Có lẽ vì sự cô-đơn, sự trống rỗng của tâm hồn, hay là vì chàng không thể bỏ được một thứ « trái ngon đã kề miệng ». Triệu theo Dung vào một xóm ngoại ô và vào một chốn tĩnh-mịch chỉ nghe tiếng chó sủa trắng. Chàng đã mệt mỏi và chóa mắt, mặc dù bước theo cô gái nhưng hầu như chàng vừa ngủ vừa đi. Và khi ngã mình xuống, chàng nắm sải tay trên giường thiếp mê luôn.

Lúc Triệu tỉnh dậy chàng xoay sang bên cạnh, Dung cũng chưa tỉnh giấc. Hơi ấm từ người nàng bốc ra hòa với mùi nước hoa dịu làm ngây ngất chàng thanh-niên.

Nhìn sang người con gái trong giấc ngủ hiền từ. Nàng đẹp và đôn hậu như một nàng tiên hiền lành.

Ngoài trời sau cơn mưa mát mẻ, khoảng không bao la, không gợn mây, vàng trắng soi thang vào chiếc giường chàng nằm, bên cạnh cửa sổ.

Chàng thấy rõ như ngoài sân rộng. Chợt đầu đó vang lên tiếng khóc của trẻ nít, làm Triệu suy nghĩ vẩn vơ.

Dung tựa mình xoay qua ôm chầm lấy người chàng. Gò má xuân mơn-mởn đề tựa vào má Triệu. Tâm hồn Triệu giao động cực kỳ như sóng biển gió lộng dữ. Cánh tay tròn trĩnh quàng qua vai Triệu nhưng Dung vẫn không hay biết gì. Triệu dễ yên, vừa hưởng trọn vẹn cái lạc thú của buổi đầu kề cận đàn bà. Bỗng Dung ú-ớ, ôm ghì chặt Triệu hơn. Nàng nói lắp bắp :

— Đừng.. đừng đánh nữa.. đừng... ôi chao.. cha mẹ ôi !
Rồi một tiếng hét dữ, Dung toát mồ hôi đầm-đìa bừng dậy. Triệu ôm chặt lấy nàng hỏi :

— Gì thế em... anh đây.

Dung bàng-hoàng rồi nhắm mắt rú lên, hai tay quặp-lấy cổ Triệu kêu :

— Khoan... thôi đừng.. đánh, cha mẹ ôi !

Giấc mơ thường ngày khiến Dung có thể đau tim nặng, Đó là giấc mơ ghê-gớm của thân phận nàng, gia đình nàng. Dung đã kể cho Triệu nghe rõ đầu đuôi, nàng đã chứng kiến cảnh tra tấn dã-man của bọn chó săn thời thực dân đánh giết cha mẹ nàng để tạo ra hoàn-cảnh tang-thương và cướp đoạt luôn tiết trinh người con gái này.

Mỗi lúc tâm hồn đã-dụ-ới thì giấc mơ ghê-hồn đó hiện đến. Cái cảnh tra khảo tàn nhẫn đó ám ảnh nàng mãi không thôi. Tinh thần nàng lại quá yếu đuối, lẻ loi, lại mệt mỏi từng đêm.

Dung mê thiếp một lúc sau tỉnh dậy quờ-quàng nói bên tai Triệu :

— Anh ơi, em sợ quá.

Rồi vừa nói lưng nàng co rúc lại, hai tay chắp vào hai đầu gối, nàng cuộn tròn thân thể trong lòng Triệu. Tội nghiệp người thiếu nữ, Triệu có ý nghĩ hơi khó nói ra. Nhưng Triệu lấy làm buồn vô cùng. Với những giấc mơ quái ác, làm sao Dung có thể ở đây một mình được. Có thể vào mỗi đêm Dung lại phải rước một ông khách như mình. Triệu nghĩ thế nên mặc dù Dung đẹp; dễ thương nhưng tâm tình của chàng đối với Dung cũng nguội dần xuống. Không thể dần được vì ý nghĩ kia, bắt ngờ Triệu hỏi nàng :

— Em hay giặt mình như vậy thì sống một mình ở xóm vắng này sao tiện ?

Dung bâng hoàng lắc đầu :

— Không hiểu anh định bảo gì em ?

— Anh chỉ hỏi. Triệu buông lỏng câu nói khiến Dung ngò vức chàng nghi quấy, bèn chống tay ngồi lên đầu giường. Nàng vừa cuốn mó tóc lại vừa nói :

— Ít khi nào em ở đây, anh thấy không, nhà vắng như nhà hoang Triệu càng lạ lùng. Trong đêm thâu, Triệu thoát nhìn Dung. Bóng nàng chập chờn, tóc nàng xóa ra. Gương mặt nàng hiện lờ mờ, khóe mắt long lanh sáng khiến Triệu liên tưởng đến những chuyện hồ-ly-tinh, và nàng như một cô gái Hồ-Tĩnh hiện về. Nhưng ý-nghĩ huyền hoặc đó bị đầu óc khoa học đánh bật ngay. Triệu biết trong thời đại này làm gì lại có chuyện yêu ma quỷ quái,

— Coi sao anh nhìn em chăm chăm thế ?

Triệu nghe hỏi giặt mình, sợ nàng đoán ra ý nghĩ vừa rồi bèn nói trót qua :

— Em đẹp lắm em ơi !

Giọng chàng thật trìu mến. Dung mỉm cười; trả lời :

— Nhiều người bảo vậy, nhưng họ có ý khác.

— Còn anh thì em nghĩ sao,

— Ai biết, nhưng em thích anh đó ! Anh yêu của em mà.

Dung ngả người vào lòng Triệu. chàng khẽ ôm choàng lấy ngực nàng, cúi xuống hôn lên mái tóc, nói khẽ :

— Đố em biết trong đầu anh nghĩ gì về em ?

Dung xoay lại :

— Bộ em là thánh sao mà biết !

Lòng Triệu dâng lên nguồn lạc thú tằm tối. Chàng lúc này là con người bằng xương thịt, có thất tình, có ngũ uẩn có hành động và dục tình. Chàng không còn tự chủ được khi người con gái kề cạnh vai, khi mái tóc đằm hương mê hồn, khi tất cả châu thân đắm đuối nóng bốc lên nguồn dục vọng.

(còn tiếp)



★ HỘI SINH-VIÊN VIỆT-NAM TẠI NHẬT-BẢN

Tokyo, ngày 18-8-1965

Thưa Ông,

Từ lâu chúng tôi vẫn liên-lạc thường xuyên với quý Báo trong việc trao đổi kiến-thức giữa sinh-viên Việt-Nam tại Nhật-Bản và các bạn ở quê nhà.

Hôm nay, chúng tôi vừa ấn-hành xong tạp chí Quê-Hương, nên một lần nữa chúng tôi mạo phép xin Ông cho đăng tải một bức thư sau đây trên tạp-chí Phê-Thông. Chúng tôi thành thật đa tạ sự giúp đỡ quý báu của Ông.

Các bạn độc-giả thân mến !

Thưa các bạn,

Trong những ngày du học tại Nhật, sinh-viên Việt-Nam nhận thấy ngoài việc học ở nhà trường, chúng tôi cần trao đổi hiểu biết của chúng tôi với các bạn. Do đó « Quê Hương » đã ra đời. Để giới thiệu mục đích và hoạt động của sinh-viên Việt-Nam tại Nhật-Bản, chúng tôi xin trích ra đây phần quan điểm đã được trình bày trong « Quê-Hương » số 9.

Một năm qua, tám số Hội-Báo đã lần lượt ra mắt các bạn. Hội-Báo chính là tiền thân của Quê-Hương. Động cơ chính thúc đẩy chúng tôi đổi tên « Hội-Báo » thành Quê-Hương là ý hướng muốn mở rộng phạm vi phổ biến mà hoàn cảnh trong năm qua đã chỉ cho phép « Hội báo » đóng vai trò một tờ nội san của Hội Sinh-Viên Việt-Nam tại Nhật-Bản. Quê Hương ra đời đúng vào lúc tờ Hội báo trưởng thành, đúng vào lúc nó cần phải đến tay các bạn ở quê nhà, để mở rộng tầm trao đổi kiến thức.

Đối với các bạn sinh viên Việt-Nam tại Nhật-Bản, « Quê Hương » là nhịp cầu nối liền quê hương với các bạn. Với sự hợp tác chặc chẽ của các bạn, « Quê Hương » thể hiện thiện chí và khả năng của chúng ta.

Đối với các bạn ở quê nhà, « Quê Hương » cố gắng giới thiệu những gì chúng tôi thu nhận được trong những ngày du học.

Đề tiến đến mục đích đó, « Quê-Hương » phải là cơ-quan nghiên-cứu, dịch thuật và sáng tác.

Nhận thấy cần phải tìm hiểu những hình thái kinh-tế, xã-hội, chính-trị, giáo dục Nhật-Bản trong quá khứ và hiện tại, lẽ lối suy tưởng của người Nhật trước vấn đề quốc-tế, chúng tôi đặt trọng tâm nơi việc dịch thuật và phóng tác các bài nghiên cứu trong các nguyệt-san, tuần-san Nhật-Bản. Ngoài ra, « Quê-Hương » còn chú trọng đến các vấn đề khoa-học và kỹ-thuật. Chúng tôi theo con đường dịch thuật vì nhận thấy đó là con đường tắt, nhanh chóng và bổ ích. Khi chúng tôi tự mình chưa viết được những loạt bài nghiên cứu sâu sắc, có giá trị về các vấn đề đó. Việc dịch thuật sẽ giúp chúng tôi học hỏi thêm cũng như cống hiến các bạn các tác-phẩm có giá trị.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng cho thêm phần sáng tác văn nghệ để tỏ tạp chí ý nhị và linh động hơn.

Phải thành thật thú nhận con đường « Quê-Hương » đi sẽ gặp nhiều khó khăn. Không những gặp khó khăn trong việc tạo một nội dung dồi dào hơn, chúng tôi còn phải đương đầu với những vấn đề tài chánh, ấn loát và phát hành...

Với mục đích trên, chúng tôi cố gắng gửi tạp chí « Quê-Hương » này đến tay các bạn càng sớm càng hay. Các bạn hãy liên lạc theo địa chỉ của Hội.

Trong khó khăn, trở ngại hiện tại, chúng tôi hoan nghinh tất cả mọi sự giúp đỡ tinh thần, vật chất cùng ý kiến của các bạn.

Trưởng Ban Văn-Hóa
Nguyễn-Hồng-Quân

GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ÁU-ĐƯỢC

Số 252 BYT/OCDP/18-10-62

● Kính gửi Phụ-huynh Sinh-Viên du học tại Pháp

Kính thưa quý vị,

Trong số ra ngày 25-8-1965, báo Chính Luận có tường thuật cuộc hội thảo của Sinh-viên tại trường Đại học Y-khoa Saigon ngày 23-8-1965. Trong đó có đăng bài thuyết trình của nữ sinh-viên y-khoa Lê-thị-Mai-Hương với đề tài « Hiện tình sinh-viên Việt-Nam ở Pháp », Chúng tôi, Phong Trào Sinh-viên Quốc-Gia Việt-Nam tại Paris, nhận thấy những lời tuyên bố của cô Mai-Hương có thể đem lại nhiều hoang mang cho các phụ-huynh có con em du học tại Pháp. Do đó, chúng tôi nhận thấy có bổn phận phải minh xác lại những điều mà cô Mai-Hương đã trình bày trong buổi hội thảo nói trên.

Điều thứ nhất : Cô Mai-Hương nói rằng số sinh viên Việt-Nam tại Pháp là 7000 nhưng thực-tế chỉ có 1855 người có sổ chuyên-ngân và khoảng 500 người đi làm để sống hoặc có cha mẹ tại đây.

Điều thứ nhì : Cô Mai-Hương bảo rằng nam sinh-viên thì suốt ngày đánh bạc vì chán ngán, còn nữ sinh viên thì buồn nản muốn tự-tử có khi ngủ luôn hai ba ngày liền không dậy vì « đói không có gì ăn phải ngủ thay ăn ».

Chúng tôi nhận thấy rằng lời tuyên bố này hoàn toàn sai sự thật. Trước hết không phải tất cả nam sinh-viên đều đánh bạc vì chán ngán. Chúng tôi công nhận hiện nay có vài người đánh bạc. Chúng tôi đã cảnh cáo và tìm mọi biện pháp để chặn đứng tệ đoan này. Chúng tôi sẽ gửi thư về các phụ-huynh của những sinh viên nói trên với tất cả bằng chứng nếu họ vẫn còn cờ bạc. Còn về trường hợp các nữ sinh-viên, chúng tôi thấy rằng không có ai buồn chán đến muốn tự-tử. Trong các buổi họp bạn hay những lúc tâm sự, mọi người đều đồng ý rằng dù nam hay nữ, sinh viên nào cũng có những lúc buồn nhớ gia đình, quê-hương. Đó là một tình cảm rất đẹp của những tâm hồn thuần túy Việt Nam. Chỉ có những ai vong-bản, quên gia đình mới không có tình cảm đó. Trong niên-khóa vừa qua chỉ có một nữ sinh viên từ trần tại Montpellier vì bị bệnh và thiếu người săn sóc.

Chúng tôi xác nhận rằng tất-cả sinh-viên Việt Nam tại Pháp thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần. Một số gặp khó khăn về vấn đề chuyên-ngữ, số đông khác vì tình trạng tài chính eo-hẹp phải đi làm việc vất vả để sống nhưng tất cả đều cố gắng học hành.

Điều thứ ba : Cô Mai Hương tuyên bố : « Sách báo và tài liệu của Cộng-sản tràn ngập tại Pháp và có tới 2/3 tổng số sinh viên du học tại Pháp đã bị cộng sản tuyên-truyền khuyến-dụ mê-hoặc.

Chúng tôi xin nói rõ rằng tại Pháp không có một cơ-sở nào của Cộng-sản mà chỉ có một nhóm tay sai lập nên hội Liên Hiệp sinh viên tại Pháp. Hội này đã tìm mọi cách phổ-biến sách-báo tài liệu trong giới sinh viên nhưng chỉ có một số rất ít tiếp nhận và một vài sinh viên vô ý thức ủng hộ họ mà thôi, chứ không như lời cô Mai-Hương đã nói. Sau đây chúng tôi xin đan cử một bằng cớ :

Ngày 15-11-1964, một số cộng-sản V.N. đông lối 50 người (trong đó có lối 20 sinh viên) kéo đến số 80 rue Monge Paris Về đề dự buổi hội thảo về Nội-Quy Tổng-Hội Sinh-Viên Việt-Nam tại Paris do Ủy-Ban Lâm-Thời tổ chức và đòi giải-tán U.B.L.T. vì U.B.L.T. chỉ có 6 nhân viên nên họ giải tán buổi hội thảo và chính thức mời các sinh-viên cộng sản tham dự buổi đại hội sinh viên ngày 29-11-64 tại số 44, rue de Rennes Paris VI. Đại hội này sẽ bầu Ban Chấp-Hành Tổng-Hội Sinh-Viên Việt-Nam niên khóa 1964-1965. Chỉ có những sinh-viên thực thụ mới được quyền tham-dự đại hội này nên ban tổ-chức đã kiểm soát rất gắt các thẻ sinh viên. Do đó thành phần cộng-sản Việt đã không tham dự vì họ không phải hoàn toàn là sinh viên. Và vì lực lượng sinh viên quốc gia quá hùng hậu nên liên-danh cộng-sản không dám ra tranh cử vì họ thấy sự thất bại trước mắt.

Cũng vì thế, sau khi Tổng-hội Sinh-viên Việt-Nam ra đời, nhóm cán-bộ cộng-sản âm-thầm tổ-chức một đại-hội để thành-lập một hội mệnh-danh là Liên-Hiệp Sinh-Viên Việt-Nam tại Pháp. Tuy mang tiếng là L.H.S.V.V.N. nhưng thật ra số sinh-viên hiện-diện trong buổi ấy không quá 50 người số còn lại khoảng 200 thuộc các thành phần : người Việt quốc-tịch Pháp, những người đã lập nghiệp bên này lâu năm. Và chính Nguyễn-ngọc-Giao, chủ tịch của hội L.H.S.V.V.N. cũng đã tuyên-bố trong buổi đại-hội hôm đó rằng có những người quốc-tịch Pháp (thuộc đảng cộng-sản Pháp) tham dự vào việc bầu cử và ứng cử ban chấp hành của hội. Chính cô Mai-Hương biết rõ điều này hơn ai hết.

Cô Mai-Hương sinh-viên lớp dự-tị y khoa, là người Việt-Nam duy nhất sang Pháp học 1 năm rồi trở về nước. Để cứu vớt danh-dự của riêng mình, cô Mai-Hương đã tự cho mình cái quyền bôi nhục vô-cớ, với những lời nói có lợi cho Cộng sản, tất cả các bạn của cô còn ở lại tiếp tục sự học trong hoàn cảnh khó khăn.

Kính thưa các phụ-huynh có con em học tại Pháp, sau khi đã mình xác thực trạng sinh-viên tại Pháp, chúng tôi mong rằng quý-vị yên tâm về đời sống của con em mình và đừng hoang mang vì những lời tuyên bố xuyên-tạc vô-ý-thức của một cá nhân.

Kính chào quý-vị.

Paris, ngày 3 tháng 9 năm 1965

Tổng-thư-ký

Phong-Trào Sinh-Viên Quốc-Gia Việt-Nam.
Nguyễn-Đương

✱ H Ỹ T Í N ✱

Chúng tôi có nhận được hồng thiệp báo tin lễ thành hôn của cô Nguyễn-thị-Bích-Liên, ái nữ của ông bà Nguyễn-Quý-Bảo, Saigon, đẹp duyên cùng Bác sĩ Hoàng-ngọc-Cần, quý nam của bà quá phụ Hoàng-ngọc-Uyên, Huế. Xin chúc đôi tân hôn được nhiều hạnh phúc.

N.V.

MỖI TUẦN TÌM ĐỌC :

nghệ thuật

Tuần-báo của những người lưu tâm tới hện-tình văn-học nghệ-thuật đất nước.

Chủ-nhiệm : MALTHẢO
Tổng thư ký Tòa-soạn : THANH-NAM

LE SECOURS

Công - Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo - Hiểm những
tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh:

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự
dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm,

Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



**HƯỚC NGỌT CON CỌP Ờ ĐÀU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH. SỐNG LÂU. YÊU DỜI**

Cần Đến kinh kỳ, Bần thần dã dượi, hay là đang
 hành kinh mà đau bụng, uống :
Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt
 Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc « **Ông Tiên** » Phú-Lâm Cholon
 K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó
 không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà
 hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**
 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
 Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)



POLYVIT C
TÉVÉTÉ
 DAN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
 TRẺ EM ỒM-YẾU, ÉC-ỐT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ẬU-DƯỢC

K.N. số 25 BYTBQCD 18-10-62

Bệnh Kiết

Đau bụng trần thốn khó chịu, Kiết lỵ
 dùng **Kim Xiên-Đơn** hiệu « **con Ve** » mau hết.

● AI BỊ BỆNH HO :

Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống
 thuốc ho **Chỉ Khái Hoàn hiệu Con Ve** trừ đàm bỏ
 phồi dứt cơn ho.

Phát hành : **DI-SANH-ĐƯỜNG**, số 13 đường Lê-
 văn-Duyt Saigon, các tiệm thuốc bắc có bán.

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LÔ ĐỘC ĐẮC

mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI

CỨ MUA VÉ SỐ

THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

Thuốc bổ huyết điều kinh của Phụ-Nữ

PHỤ-NỮ HỒI - XUÂN - TỐ DI-AN-HÒA

Trị : **Kinh nguyệt bất điều**, tháng trời tháng
 sụt; khi có ít khi có nhiều, hay dầy dưa hoặc mới có hay đau
 bụng, tử cung hư hàn hư nhiệt, giây chằng yếu, bạch đới hạ-
 khí huyết suy kém xanh xao mặt nhợt, khó thọ thai, hay bị
 tiểu sản. Quý Bà dùng Phụ-Nữ : **HỒI-XUÂN-TỐ** để
 mau lại sức, ăn ngủ ngon, điều kinh sữa huyết, có tháng
 đúng ngày, trị hết bệnh bạch đới tử cung và đau bụng. — (C
 bán ở các tiệm thuốc Bắc.

Tổng Phát Hành : **Nhà thuốc : DI-AN-HÒA.**

252 A Lê-thánh-Tôn Saigon

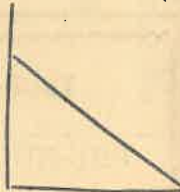
K.N. B.Y.T. Số : 1.188 Ngày 9-6-65



K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại 23.187



Phạm - Văn - Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

K.D. số 182 ngày 24-9-65

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ